

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Bình Định, tháng 10 - 2020



**ĐANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 946/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Đoàn Thế Hùng	PGS.TS, GVCC, Trưởng khoa, Khoa LLCT- Luật và QLNN	Phó Chủ tịch	
4	Bà Hồ Thị Minh Phương	TS, Phó Trưởng khoa, Khoa LLCT- Luật và QLNN	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, TP. KT&BDCL	Thành viên	
6	Ông Trương Minh Tấn	TS, PTP. Đào tạo đại học	Thành viên	
7	Bà Nguyễn Thị Ngân Loan	TS, Trưởng Bộ môn QLNN	Thành viên	
8	Bà Ngô Thị Nghĩa Bình	TS, Trưởng Bộ môn LSD-TTHCM	Thành viên	
9	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	TS, Trưởng Bộ môn Triết-KTCT-CNXHKH	Thành viên	
10	Bà Bùi Thị Long	TS, Trưởng Bộ môn Pháp luật	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Trung Kiên	Th.S, Chủ tịch CĐ, GVC	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Khánh Bình	Th.S, Bí thư LCD, Giảng viên	Thành viên	
13	Ông Cao Kỳ Nam	Th.S, PTP CTCTSV	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sinh viên & QHDN	Thành viên	
15	Nguyễn Trung Luân	Sinh viên lớp QLNN40C	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người).

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung.....	4
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	11
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	11
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	18
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	26
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	36
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	44
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	55
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	75
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	86
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	99
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	110
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	126
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	141
1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo.....	141
2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo.....	150
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....	156
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo.....	163
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	1
Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN KHÁC.....	24
Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ.....	30

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BĐCL	Bảo đảm chất lượng
CSVC	Cơ sở vật chất
CĐR	Chuẩn đầu ra
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTDH	Chương trình dạy học
ĐHQN	Đại học Quy Nhơn
GDDH	Giáo dục đại học
GD & ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
LLCT - Luật & QLNN	Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PGS	Phó giáo sư
SĐH	Sau đại học
SV	Sinh viên
QLNN	Quản lý nhà nước
TS	Tiến sĩ
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học Phổ thông

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Trường Đại học Quy Nhơn được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ cử nhân ngành Hành chính học từ năm 2008. Năm 2011, Bộ GD & ĐT quyết định chuyển đổi tên ngành Hành chính học thành ngành Quản lý nhà nước. Từ năm 2008 - 2020, Trường đã tuyển sinh được 12 khóa (từ khóa 31 đến khóa 42), trong đó có 9 khóa đã tốt nghiệp, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho cả nước đặc biệt là các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Trong bối cảnh mới, với tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của mình trước nhu cầu của xã hội, Trường ĐHQN đã triển khai tự đánh giá các CTĐT trong đó có CTĐT cử nhân ngành QLNN.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá

CTĐT ngành QLNN bao gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (cấu trúc, nội dung chính, cách mã hóa minh chứng...);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa LLCT - Luật & QLNN (tóm tắt sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT,...).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn....

Mở đầu

Tiêu chí....

+ Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

+ Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

+ Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

+ Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)

+ Tự đánh giá

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT;

những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

- Phần IV. Phụ lục (Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng).

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá CTĐT

Mục đích tự đánh giá:

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Nhà trường, đơn vị. Đây là quá trình để Khoa LLCT - Luật & QLNN dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD & ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành QLNN, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT; đồng thời đăng ký đánh giá ngoài để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT.

Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mệnh và mục tiêu đã được xác định của Nhà trường, của đơn vị. Đồng thời để Khoa tiếp tục xây dựng và phát triển, trở thành một trong những đơn vị có vị thế đứng đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, từng bước vươn tới tầm quốc gia, khu vực và quốc tế.

Nội dung tự đánh giá

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành QLNN dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Nội dung cụ thể gồm: Mục tiêu và CĐR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ GV, nghiên cứu viên; Đội ngũ nhân viên; Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT được thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác;
 Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
 Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;
 Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
 Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
 Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
 Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Khoa LLCT - Luật & QLNN và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành QLNN theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD & ĐT ban hành. Thời gian đánh giá: giai đoạn 2015 - 2020.

Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLNN của Khoa LLCT - Luật & QLNN được thực hiện dựa trên Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn: Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT; Văn bản hướng dẫn tự đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD & ĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Cục Quản lý chất lượng.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình tiến hành tự đánh giá

chất lượng CTĐT ngành QLNN, Khoa LLCT - Luật & QLNN đã huy động cán bộ chủ chốt của Khoa tham gia tập huấn tự đánh giá chất lượng CTĐT do Nhà trường tổ chức; lên kế hoạch chi tiết và tổ chức họp viên chức toàn khoa để phổ biến kế hoạch, phân công nhiệm vụ rõ ràng và triển khai thực hiện các mảng công việc chính như: Thu thập thông tin liên lạc, dữ liệu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng;... Quá trình tiến hành tự đánh giá CTĐT ngành QLNN, nhất là viết báo cáo tự đánh giá đều có sự thống nhất và tham gia của tất cả các thành viên trong Khoa; đồng thời huy động một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

1.2. Tổng quan chung

Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Trường Đại học Quy Nhơn (tên tiếng Anh: Quy Nhơn University - QNU), tiền thân là cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1981, Hội đồng Bộ

trường đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học”. Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường ĐHQN, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. Nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHQN ngày càng mở rộng, ổn định về quy mô và lĩnh vực đào tạo; bảo đảm và nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo; đội ngũ GV, viên chức không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng; CSVC, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và hợp tác quốc tế không ngừng mở rộng, đi vào chiều sâu,...

Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao, góp phần to lớn vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực và cả nước.

Trường ĐHQN đã xác định rõ triết lý giáo dục, sứ mệnh, tầm nhìn và hệ giá trị cốt lõi, làm nền tảng để Nhà trường hướng tới trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững trong tương lai.

Triết lý giáo dục của Nhà trường là: “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp” (Ban hành kèm theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN), với ý nghĩa như sau:

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức

và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường (Ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN) được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

Sứ mệnh: “Trường ĐHQN là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Hệ giá trị cốt lõi Nhà trường hướng tới là: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;
- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.

Nhà trường hiện có 12 khoa, 15 đơn vị chức năng (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị trực thuộc (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ) và các tổ chức, đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức.

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Nhà trường bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Tính đến tháng 9/2020, Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 giảng viên, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 NCS (81 NCS trong nước và 36 NCS nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ thạc sĩ; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm 37,27%, vượt 12,27% chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường đến năm 2020.

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, Trường ĐHQN là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao; trong đó đào tạo giáo viên (sư phạm) là thế mạnh của Trường. Trường hiện đào tạo 46 ngành đại học với quy mô hơn 19.000 SV (hệ chính quy và không chính quy); đào tạo 22 chuyên ngành thạc sĩ và 3 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô hơn 1.200 học viên, NCS.

Hoạt động NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ GV, nghiên cứu viên đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; có hàng trăm bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng như SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế, thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài.

Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển *hợp tác quốc tế* theo chiều sâu trong liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới, tạo cơ hội để GV đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan,...

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, Nhà trường có diện tích đất là 24 ha; trong đó gần 13,2 ha là cơ sở chính ở tại trung tâm thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, và gần 11 ha là Khu Nghiên cứu và Thực nghiệm Nông nghiệp theo hướng công nghệ cao Nhơn Tân ở tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, cách Trường khoảng 40 km. Trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có đủ hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn. Thư viện của Trường có đủ đầu sách, giáo trình, tài liệu, được kết nối với hệ thống Thư viện quốc gia và các trường đại học. Nhà luyện tập thể dục thể thao với diện tích sàn gần 1.800m² phục vụ tốt cho việc dạy học, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của SV.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Các phần mềm được triển khai ứng dụng: Cổng thông tin điện tử - Portal; Quản lý nhân sự - HRM; Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey; Quản lý tạp chí khoa học - JMS; Quản lý văn bản, công việc - eOffice; Quản lý tuyển sinh đại học chính quy online;... Mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại các khu KTX; triển khai E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

Về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, năm 2016-2017, Trường đã thực hiện kiểm định và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Năm 2019-2020, thực hiện kiểm định và được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho ba ngành đào tạo Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 92/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Hiện nay Trường đang tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài 09 chương CTĐT. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các CTĐT là điều kiện quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

Giới thiệu về Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước

Khoa LLCT - Luật & QLNN tiền thân là khoa Sử - Chính trị được thành lập năm 1977. Năm 1998, Khoa Giáo dục Chính trị tách ra để trở thành một đơn vị độc lập. Năm 2009, Khoa đổi tên thành khoa Lý luận Chính trị. Năm 2010, đổi thành khoa Lý luận Chính trị - Hành chính, năm 2014 đổi thành tên Khoa Giáo dục Chính trị và QLNN. Năm 2019, Khoa Giáo dục Chính trị và QLNN đã được đổi tên thành Khoa LLCT - Luật & QLNN theo Quyết định số 1274/QĐ-ĐHQN ngày 28/6/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý đào tạo:

Sứ mệnh:

Khoa LLCT - Luật & QLNN, Trường ĐHQN có sứ mệnh thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng về các lĩnh vực lý luận chính trị, pháp luật và QLNN nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Khoa LLCT - Luật & QLNN, Trường ĐHQN trở thành đơn vị đào tạo theo định hướng ứng dụng có chất lượng, uy tín trong nước.

Giá trị cốt lõi:

Chất lượng - Sáng tạo - Hội nhập - Phát triển

Triết lý đào tạo:

“Gắn lý thuyết với thực hành, gắn đào tạo với trách nhiệm xã hội”

Khoa LLCT - Luật & QLNN hiện có Trưởng khoa, các Phó Trưởng khoa, Hội đồng khoa, 4 bộ môn: QLNN; Triết học - Kinh tế chính trị - Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh; Pháp luật. Đội ngũ viên chức của Khoa có 33 người (31 GV, 2 chuyên viên), trong đó có: 1 PGS, 9 TS, 21 thạc sĩ, 2 cử nhân. Ngoài ra, Khoa còn có đội ngũ GV (2 PGS, 1 ThS) kiêm chức là những người có học hàm, học vị cao đang công tác tại các phòng ban của Trường. Khoa LLCT - Luật & QLNN hiện đang thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giảng dạy các môn: QLNN, Lý luận chính trị, Pháp luật,... cho SV tất cả các hệ chính quy, vừa làm vừa học, các trình độ nghiên cứu sinh, thạc sĩ, cử nhân, liên thông,... trong toàn Trường;

- Đào tạo cử nhân ngành QLNN;

- Đào tạo cử nhân ngành Luật;
- Đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế;
- Đào tạo Thạc sĩ ngành Chính trị học;

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về QLNN trên các lĩnh vực kinh tế cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; các chức danh nghề nghiệp cho giáo viên; cán bộ quản lý giáo dục các cấp; đội ngũ GV, nghiên cứu viên theo sự phân công của nhà Trường;

- Nghiên cứu khoa học phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, học tập và quản lý kinh tế, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo ở các địa phương, ...

Ngành QLNN là một trong hai ngành đào tạo cử nhân của Khoa, là ngành được đào tạo từ năm học 2008 - 2009, tính đến nay ngành QLNN đã đào tạo hơn 10 năm. Trong quá trình đào tạo, Khoa LLCT - Luật & QLNN luôn coi CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến CLĐT của ngành học. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLNN là hết sức cần thiết để nâng cao CLĐT phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội hiện nay.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và CDR của ngành QLNN đã được sự góp ý bài bản, được sự đồng thuận và nhất trí cao của các thành viên trong Bộ môn QLNN và Hội đồng Khoa; được các cơ quan QLNN ở các cấp, tổ chức, doanh nghiệp, cựu SV đóng góp ý kiến để ngày càng hoàn thiện hơn. Khoa đã hội lĩnh ý kiến của các GV, nhà khoa học có kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài khoa, các cơ quan QLNN ở các cấp (tỉnh, huyện, xã) trong và ngoài tỉnh tham gia xây dựng CTĐT một cách bài bản, có khoa học. CTĐT bậc đại học ngành QLNN mà Khoa xây dựng đã có sự tham khảo CTĐT của các cơ sở đào tạo ngành QLNN có uy tín trong cả nước (Học viện Hành chính, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Đại học Vinh, Đại học Đà Nẵng,...), của các nước trong khu vực và trên thế giới. CTĐT ngành QLNN của Khoa đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể; Cấu trúc hợp lý được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Thực hiện theo quy định của Bộ GD & ĐT, mục tiêu của CTĐT ngành QLNN luôn cập nhật, bổ sung 2 năm một lần theo quy định và quy trình xây dựng. CTĐT theo hệ thống tín chỉ được ban hành năm 2010 được điều chỉnh qua các năm: năm 2015, năm 2017, năm 2020. Trước khi xây dựng CTĐT ngành QLNN, Nhà trường và Khoa cũng đã tổ chức khảo sát và lấy ý kiến đóng góp cho CTĐT năm 2015, năm 2017 và năm 2020 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

Trên cơ sở tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHQN, mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được xác định rõ ràng, được cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, được thảo luận cụ thể qua các đợt khảo sát ý kiến các biên liên quan, qua các cuộc họp của Bộ môn QLNN, của Hội đồng Khoa và được thể hiện ở mục tiêu mới nhất của CTĐT ngành QLNN của Trường ĐHQN được ban hành vào năm 2020 "Đào tạo cử nhân QLNN cơ bản đạt chuẩn nghề nghiệp theo các quy định hiện hành". [H1.01.01.02],

[H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Mục tiêu của CTĐT ngành QLNN hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể) của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành QLNN phù hợp với yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp đại học. Ngoài các yêu cầu chung về kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, đạt CĐR tiếng Anh theo quy định hiện hành của Bộ GD & ĐT, người học sau khi tốt nghiệp trình độ GDĐH phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Mục tiêu của CTĐT được chi tiết, cụ thể hóa bằng các nội dung quy định về kiến thức (PO1-PO3), kỹ năng (PO4-PO7) và mức độ tự chủ và trách nhiệm (PO8-PO10) của nguồn nhân lực được đào tạo thể hiện trong mục tiêu cụ thể và CĐR của chương trình. CTĐT của ngành QLNN cũng được bổ sung thêm Bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết các môn học và ma trận các kỹ năng trong CTĐT. CTĐT của ngành QLNN đã được tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung vào năm 2015, năm 2017, năm 2020 dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa trên cơ sở đối chiếu, tham khảo các CTĐT ngành QLNN của các trường đại học trong nước. Mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như sổ tay, qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho người học, cựu người học, GV và các nhà tuyển dụng có thể nắm rõ **[H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08].**

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo dục đại học của Luật Giáo dục đại học, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, tầm nhìn và sứ mạng của Khoa LLCT - Luật & QLNN.

CTĐT đã làm rõ mục tiêu đào tạo, CĐR và CTĐT có cập nhật các quy định mới nhất của Chính phủ về năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để từ đó khoa xây dựng CTĐT.

CTĐT xây dựng dựa trên tham khảo các CTĐT khác ở trong nước, đặc biệt tham khảo ý kiến các nhà sử dụng lao động là các cơ quan nhà nước ở các cấp và ý

kiến của các chuyên gia.

3. Điểm tồn tại

Chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi của các bên trên địa bàn các tỉnh mà khoa đào tạo như: tỉnh Phú Yên, tỉnh Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa tăng số lượng khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động để hoàn thiện mục tiêu của CTĐT.

Phát huy điểm mạnh: Khoa thực hiện rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 theo các quy định mới nhất của Chính phủ về năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

CĐR ngành QLNN năm 2020 được bố cục rõ ràng với đầy các nội dung theo hướng dẫn của nhà trường: tên ngành; mã số; trình độ đào tạo; CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo. Các kết quả rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa được thể hiện qua CTĐT ngành QLNN năm 2015, năm 2017, năm 2020 đã được Nhà trường chính thức phê duyệt [H1.01.02.01].

CĐR ngành QLNN được xác định rõ ràng, bao quát được yêu cầu chung của CĐR Bậc 6 theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam và phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐHQN. Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành QLNN, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức,

thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ **[H1.01.02.01]**, **[H1.01.02.02]**.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được yêu cầu chuyên biệt của ngành QLNN mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể:

Về kiến thức: Người học có những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ, khởi nghiệp và các kỹ năng giao tiếp (PLO1). Có các kiến thức cơ sở cốt lõi (PLO2) và các kiến thức nâng cao của chuyên ngành QLNN (PLO3).

Về kỹ năng: Người học có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ để giải quyết công việc, nghiên cứu lĩnh vực quản lý và QLNN (PLO4); Có năng lực thực hành, kỹ năng xác định đối tượng, giải quyết vấn đề trong hoạt động QLNN (PLO5); Có kỹ năng tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Có khả năng tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và hoạt động nghề nghiệp (PLO6); Có kỹ năng lập kế hoạch quản lý, điều hành và tổ chức giám sát hoạt động QLNN trên các lĩnh vực (PLO7).

Về mức tự chủ và trách nhiệm: Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp của một cán bộ, công chức và viên chức (PLO8). Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định (PLO9). Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm của cá nhân trong hoạt động công vụ (PLO10) **[H1.01.02.01]**, **[H1.01.02.03]**.

Nhà trường và Khoa đã thường xuyên điều chỉnh, cập nhật CĐR và CTĐT ngành QLNN phù hợp với sự vận động và phát triển của xã hội trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến của SV sắp tốt nghiệp, cựu SV, nhà sử dụng lao động và GV tham gia giảng dạy chuyên ngành QLNN và tham khảo CTĐT ngành QLNN của các trường đại học uy tín trong nước. Các thông tin về CĐR và CTĐT ngành QLNN được công bố công khai, rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, Khoa và các hình thức quảng bá CTĐT khác **[H1.01.02.04]**, **[H1.01.02.05]**, **[H1.01.02.06]**, **[H1.02.02.07]**.

2. Điểm mạnh

CĐR ngành QLNN được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý về các nội dung cụ thể CĐR của CTĐT năm 2015 và năm 2017 chưa thực hiện tốt.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của cựu người học đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp về các nội dung cụ thể của CĐR bao gồm: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa cập nhật các quy định mới nhất của Chính phủ về năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Khoa rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật trong năm 2021 theo các nội dung mới phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của ngành QLNN.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành QLNN đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của ngành QLNN được thực hiện theo đúng quy trình xây dựng của Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo ngày 22 tháng 04 năm 2010 và các quy định về CĐR đối với các ngành đào tạo trình độ đại học của trường ĐHQN, Nhà trường và Khoa đã thực hiện khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động tham khảo CTĐT ngành QLNN của các trường đại học uy tín trong nước tổ chức xây dựng dự thảo CĐR và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, GV, các nhà tuyển dụng lao động, cựu SV, Hội đồng Khoa bổ sung, hoàn thiện dự thảo CĐR ngành đào tạo trên cơ sở thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các cựu SV,... và báo cáo Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường. Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo CĐR, sau khi tiếp thu, hoàn

thiện và Hiệu trưởng phê duyệt **[H1.01.03.01]**, **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.04]**, **[H1.01.03.05]**, **[H1.01.03.06]**.

Khoa tiến hành khảo sát ý kiến cựu SV, nhà tuyển dụng về CĐR và CTĐT năm 2015 với tổng số phiếu 72, trong đó tổng số phiếu khảo sát ý kiến cựu SV là 40 phiếu và tổng số phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng là 32 phiếu; năm 2017 với tổng số phiếu 102, trong đó tổng số phiếu khảo sát ý kiến cựu SV là 67 phiếu và tổng số phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng là 35 phiếu; năm 2020 với tổng số phiếu 139, trong đó tổng số phiếu khảo sát ý kiến cựu SV là 80 phiếu và tổng số phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng là 59 phiếu. Hầu như các ý kiến của cựu SV và người sử dụng lao động đều đánh giá tốt về CĐR của CTĐT. Đa số phiếu đánh giá hài lòng đối với SV tốt nghiệp Trường ĐHQN đang làm việc tại đơn vị trên ba nội dung: kiến thức; kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; mức độ tự chủ và trách nhiệm. Hoàn toàn đáp ứng, có thể sử dụng được ngay công việc của SV tốt nghiệp chuyên ngành được đào tạo khi được tuyển dụng. Khoa đã tham khảo, sử dụng các thông tin phản hồi vào điều chỉnh, cải tiến về xây dựng CĐR của CTĐT **[H1.01.03.06]**.

Theo định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đã mời chuyên gia về tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội và Khoa đã cử cán bộ tham dự tập huấn “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” theo mẫu CTĐT mới và đề cương chi tiết học phần mới. Qua đó, CĐR của ngành QLNN được rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội, yêu cầu của các nhà tuyển dụng theo từng thời kỳ. Từ đó công khai với xã hội về năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng của Khoa để người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng biết và giám sát. Công khai để người học biết được các kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp chuyên ngành QLNN **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.07]**.

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT được thực hiện theo đúng quy trình công bố của Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo ngày 22 tháng 04 năm 2010, được công khai thông qua các văn bản, quyết định cũng như trên website của Trường, của Khoa và các kênh thông tin dựa trên văn bản quyết định cập nhật bổ sung CTĐT của Nhà trường **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.07]**, **[H1.01.03.08]**.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành QLNN được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các CTĐT của các trường đại học, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành QLNN.

CĐR được công bố công khai cho người học và GV trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong từng năm học, trong từng môn học.

3. Điểm tồn tại

CĐR của ngành chưa được khảo sát trên diện rộng với số lượng phiếu lớn ở những tỉnh mà Khoa đào tạo để đáp ứng được đầy đủ nhu cầu xã hội và nhà tuyển dụng trong từng giai đoạn.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa mở rộng đối tượng khảo sát lấy ý kiến về CĐR và công bố rộng rãi CĐR của CTĐT đến các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, khu vực tư nhân, các tổ chức.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với phòng Khảo thí và BĐCL rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật CĐR từng học phần của CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đúng theo quy định của Bộ GD & ĐT.

Ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ sở thực tập uy tín, những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành QLNN.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

CĐR của CTĐT ngành QLNN là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để Khoa LLCT - Luật & QLNN khẳng định mình trong quá trình phát triển đào tạo. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT, Nhà trường và Khoa đã chú trọng xây dựng một cách có khoa học dựa trên sự tham khảo CĐR của CTĐT ngành QLNN ở các trường đại học có uy tín trong nước cùng với sự đóng góp xây dựng của các nhà khoa học có uy tín, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng người học của Khoa sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Với mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ, công

chức và viên chức có năng lực vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt đáp ứng nhu cầu quản lý đất nước trong quá trình hội nhập, CDR của CTĐT ngành QLNN sau khi xây dựng đã được rà soát, điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra của sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHQN.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng CDR của CTĐT còn có điểm hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan, khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục và cựu người học và chưa thực hiện công tác này một cách rộng rãi. Căn cứ vào đánh giá của các tiêu chí, trong 3 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 Khoa LLCT - Luật & QLNN đánh giá 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 1

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 1.1					x			5,00	3	100%
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3					x					

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được thực hiện theo kế hoạch của Nhà trường và xây dựng từ năm 2010, điều chỉnh năm 2013, năm 2015, năm 2017, năm 2020, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT ngành QLNN cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của CTĐT ngành QLNN và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng, chính thống, được công bố công khai, dễ tiếp cận giúp người học, nhà tuyển dụng và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt các khối kiến thức và kỹ

năng được trang bị thông qua chương trình. Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, các GV nghiên cứu về chương trình hiện hành, giúp Nhà trường đảm bảo các CDR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CDR đó. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là nguồn thông tin giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và các cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình hiệu mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Sau khi Trường ĐHQN ban hành CTĐT ngành QLNN theo hệ thống tín chỉ vào ngày 10/9/2010, dựa trên các văn bản hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT, Khoa đã thiết kế bản mô tả CTĐT rất chi tiết, cụ thể và đã thực hiện cập nhật bản mô tả CTĐT và bản mô tả các học phần của CTĐT năm 2015 theo hướng chuẩn hóa rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học, tuy nhiên chưa thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình. Năm 2017 và năm 2020, Bản mô tả CTĐT ngành QLNN đã tiến hành cập nhật, chỉnh sửa phù hợp với hướng mục tiêu đào tạo [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN bao gồm đầy đủ các nội dung sau:

+ Tổng quan chung: Tên cơ sở giáo dục, tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo.

+ Mô tả CTĐT: Giới thiệu về CTĐT; Thông tin chung về CTĐT; Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục; Mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể); Chuẩn đầu ra của CTĐT; Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá.

+ Mô tả CTDH: Cấu trúc CTDH; Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt CDR của CTĐT; Danh sách các học phần; Sơ đồ chương trình giảng dạy; Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT; Mô tả tóm tắt các học phần.

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Bản mô tả CTĐT khi xây dựng và điều chỉnh đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp phù hợp với Luật Giáo dục ĐH, quy trình mở ngành đào tạo và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được khi tốt nghiệp theo các Thông tư của Bộ GD & ĐT [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan như Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN và Khoa LLCT - Luật & QLNN; Cấu trúc CTDH; Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt CĐR của CTĐT luôn cập nhật phù hợp với yêu cầu đào tạo năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Chính phủ. Hiện nay, đề cương chi tiết các học phần ngành QLNN đã hoàn thiện, chi tiết và thể hiện đầy đủ các yêu cầu của từng học phần. Đối sánh với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ban hành năm 2015, năm 2017 thì bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần năm 2020 thể hiện đầy đủ hơn, chi tiết hơn các yêu cầu đối với người học; đồng thời người học cũng có thể nắm bắt rõ hơn các thông tin cụ thể về các học phần **[H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được điều chỉnh, cập nhật theo quy định, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường.

Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Qua bản mô tả, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt của người học. Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý Bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện định kỳ theo từng năm học và rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa có kế hoạch rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT theo định kỳ để đảm bảo đáp ứng nhu cầu học vượt của người học.

Khoa có kế hoạch định kỳ lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý Bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện theo từng năm học.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 Khoa điều chỉnh, cập

nhật Bản mô tả CTĐT ngành QLNN cho người học có cái nhìn tổng quát về CTĐT ngành QLNN.

Khoa thực hiện công khai Bảng mô tả CTĐT thông qua các kênh thông tin và các trang website của Trường, của Khoa .

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương chi tiết học phần là bản hợp đồng ghi nhớ giữa GV và SV, trong đó thể hiện toàn bộ kế hoạch giảng dạy và học tập học phần, thông qua đó quá trình dạy và học được tiến hành theo đúng lộ trình đã được đặt ra, nhằm giúp SV nâng cao tính tự học và tự nghiên cứu để đạt kết quả tốt nhất có thể. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống tín chỉ, Khoa LLCT - Luật & QLNN đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD & ĐT. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường về mục đích, yêu cầu và thể thức [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

100% đề cương các môn học/ học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin:

+ Về mục đích của đề cương các học phần: Đáp ứng các yêu cầu của kiểm định chất lượng đào tạo; Từng bước nâng cao chất lượng dạy - học và hội nhập quốc tế về giáo dục đại học của Trường ĐHQN; Là cơ sở để thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra - đánh giá; Xây dựng một công cụ pháp quy để GV thực hiện công tác giảng dạy và SV thực hiện công tác học tập; Đồng thời giám sát, kiểm tra việc giảng dạy của GV và việc học tập của SV; Cung cấp cho SV thông tin về mục đích, nội dung học phần và yêu cầu học tập học phần; Tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của SV.

+ Về yêu cầu của đề cương các học phần: Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ; Cung cấp thông tin về hình thức dạy học và hướng dẫn tự học cho SV; Tiếp cận chuẩn mực khu vực và quốc tế, khả thi trong điều kiện của Trường ĐHQN.

+ Về dạng thức của đề cương các học phần: Bao gồm đầy đủ các mục (10 mục) theo quy định sau:

- Thông tin chung về học phần (Tên học phần, Mã học phần, Loại học phần,

Các học phần học trước, Các yêu cầu khác đối với học phần, Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động nghe giảng lý thuyết, tự học, Khoa phụ trách học phần).

- Mô tả học phần
- Mục tiêu của học phần (Kiến thức, Kỹ năng, Mức độ tự chủ và trách nhiệm)
- Ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR
- Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
- Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học
- Kế hoạch giảng dạy chi tiết
- Đánh giá kết quả học tập
- Thông tin về GV đảm nhận giảng dạy
- Các yêu cầu của học phần.

Đề cương chi tiết học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định, gồm có 7 chữ số trong đó thể hiện khoa quản lý học phần, ngành đào tạo và số thứ tự. Đề cương chi tiết các môn học ngành QLNN được mô tả chi tiết trong CTĐT hiện hành. CTĐT này được thực hiện theo chủ trương chỉnh sửa, cập nhật lại CTĐT của Nhà trường, viết đề cương môn học theo mẫu mới, và mô tả Ma trận phát triển kiến thức kỹ năng cho người học trong năm 2020 **[H2.02.02.05]**.

100% đề cương các học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của nhà trường. Thực hiện theo quy trình, nội dung các học phần ngành QLNN sau khi được các bên liên quan thảo luận, đóng góp trong các đợt khảo sát của Khoa, Bộ môn QLNN đã họp và lĩnh hội những ý kiến của các bên. Sau đó viết dự thảo đề cương chi tiết các học phần trình lên Hội đồng Khoa. Hội đồng Khoa đã tiến hành thảo luận và cho góp ý hoàn thiện CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành QLNN. Đề cương chi tiết các học phần sau khi hoàn thiện được Khoa gửi lên nhà trường và Nhà trường họp phê duyệt và ban hành **[H2.02.02.01]**, **[H2.02.02.02]**, **[H2.02.02.03]**, **[H2.02.02.04]**.

Hàng năm, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành QLNN được công bố công khai trên các trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và được thông tin rộng rãi đến người học dưới nhiều hình thức khác nhau **[H2.02.02.05]**, **[H2.02.02.06]**,

[H2.02.02.07], [H2.02.02.08].

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần của ngành QLNN được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHQN theo hướng phù hợp yêu cầu của Nhà nước về năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức, phù hợp với CTĐT và CĐR. Đề cương chi tiết các học phần liên tục được cập nhật qua các năm 2015, 2017, 2020, đáp ứng đào tạo và kỹ năng nghề nghiệp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay.

Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá,... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần còn ít giáo trình, tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng.

Các tài liệu tham khảo như giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành QLNN trên website của Trường, của Khoa còn chưa nhiều. Điều này dẫn đến GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa triển khai xuất bản giáo trình và tài liệu tham khảo các học phần chuyên ngành, cơ sở ngành QLNN để SV có tài liệu học tập, tham khảo.

Khoa triển khai giáo trình điện tử, các đề tài khoa học, bài báo trên các tạp chí để GV, SV tiếp cận các tài liệu hiện đại, mới và thời sự.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để hoàn thiện đề cương các học phần của ngành QLNN.

Khoa thực hiện rà soát và cập nhật đề cương các học phần của ngành QLNN theo hướng phù hợp yêu cầu của Nhà nước về năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức.

Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu chuyên ngành QLNN.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT sau khi điều chỉnh được Khoa LLCT - Luật & QLNN công bố công khai cho người học, GV, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố bằng các quyết định chính thức của Nhà trường công bố công khai trên website Nhà trường, trên website Khoa theo đúng quy định của Bộ GD & ĐT và Nhà trường [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

Trong buổi gặp mặt SV đầu khóa, khoa triển khai sơ lược bản mô tả CTĐT nhằm giúp người học có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, người học có thể nắm được việc đăng ký các học phần trong một học kỳ, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm và cả khóa học, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được CDR, các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp và công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

100% đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: công bố bằng các quyết định chính thức của Nhà trường, công bố công khai trên website Nhà trường, trên website Khoa theo đúng quy định của Bộ GD & ĐT và Nhà trường [H2.02.03.07], [H2.02.03.08], [H2.02.03.09].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, SV đã tốt nghiệp,... đều có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất vì ngoài đăng trên trang thông tin điện tử của khoa và trường thì trên kênh youtube có các clip quảng bá, giới thiệu bản mô tả CTĐT ngành QLNN. Hoặc quảng bá trong cắm nang tuyển sinh và quảng cáo tờ rơi về ngành QLNN [H2.02.03.07], [H2.02.03.08], [H2.02.03.09].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành QLNN được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục điểm tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất với Nhà trường cập nhật bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trong quyển sổ tay đầu khóa cho các em SV để các em SV có thể theo dõi suốt quá trình 4 năm học.

Khoa triển khai giáo trình điện tử, các đề tài khoa học, bài báo trên các tạp chí để GV, SV tiếp cận các tài liệu hiện đại, mới và thời sự.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa mở rộng địa bàn lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để hoàn thiện bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành QLNN.

Khoa rà soát và cập nhật bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành QLNN theo hướng phù hợp yêu cầu của Nhà nước về năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

CTĐT ngành QLNN đã được Nhà trường thực hiện chuyển đổi từ hệ niên chế sang hệ tín chỉ theo đúng quy định. Trong quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT, khoa đã chú trọng xây dựng một cách khoa học, đồng thời cũng có sự tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới. CTĐT ngành QLNN thực hiện theo hệ tín chỉ, có mục tiêu và CDR rõ ràng, có kết cấu gồm các khối kiến thức: kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn sâu, hỗ trợ đào tạo và rèn luyện kỹ năng nghề của ngành.

Chương trình đã được rà soát, hiệu chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra, đáp ứng nhu cầu xã hội nên đã có sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng cựu người học của trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành QLNN được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, xây dựng chương trình phù hợp với nhu cầu QLNN hiện nay về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. CTĐT được nhà trường và khoa công khai, dễ tiếp cận.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT còn có hạn chế là việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên, chưa được bài bản và chuyên nghiệp.

Căn cứ vào đánh giá của các tiêu chí, Khoa LLCT, Luật và QLNN đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 2

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 2		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 2.1					x			5,00	3	100%
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3					x					

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo. Do đó, Khoa LLCT - Luật & QLNN đã mời các chuyên gia, các nhà khoa học, các GV chuyên ngành trong và ngoài Nhà trường tham gia xây dựng CTDH ngành QLNN theo các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường.

Cấu trúc và nội dung của CTDH ngành QLNN được thiết kế một cách hệ thống, khoa học, nhằm đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học. CTDH được cấu trúc hệ thống, hợp lý giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần được xây dựng đề cương chi tiết bởi các GV chuyên ngành, đáp ứng được các yêu cầu về CĐR của môn học. Các học phần được thiết kế tích hợp giữa lý thuyết và thực hành và được phân bổ hợp lý trong 08 học kỳ. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

Theo kế hoạch của Nhà trường, CTDH ngành QLNN đã được rà soát, điều chỉnh 02 năm 01 lần dựa trên những góp ý của các bên liên quan và tham khảo CTDH ngành QLNN của các trường đại học có uy tín trong nước. Vì vậy, CTDH của ngành QLNN đã đảm bảo được sự kế thừa và cập nhật, điều chỉnh nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH ngành QLNN được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT ngành QLNN. CĐR của CTĐT ngành QLNN được xây dựng dựa trên các quy định CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học của Bộ GD & ĐT và các quy định CĐR các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHQN [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. CTDH ngành QLNN năm 2015 được xây dựng tích hợp trong CTĐT ngành QLNN và CTDH ngành QLNN được xây dựng trong năm 2020 đều đáp ứng được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm trong CĐR của CTĐT [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Dựa trên các CĐR được xây dựng trong CTĐT, CTDH ngành QLNN được thiết kế khoa học, hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của các CĐR. Nội dung đào tạo trong CTDH ngành QLNN được xây dựng với tổng số 135 tín chỉ (không bao gồm 03 tín chỉ Giáo dục thể chất và 09 tín chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh) [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ cung cấp cho người học các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, ngoại ngữ, khoa học xã hội và khoa học quản lý; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 111 tín chỉ cung cấp cho người học tổ hợp kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Các khối kiến thức đều được xác định cụ thể mức độ đóng góp vào việc đạt CĐR và được thể hiện cụ thể trong ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt CĐR của ngành học [H3.03.01.05].

Để đáp ứng các CĐR của CTĐT ngành QLNN, CTDH ngành QLNN đã sắp xếp hợp lý các học phần trong 08 học kỳ, cụ thể: Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được phân bổ đều trong học kỳ I, II, III; các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được sắp xếp từ học kỳ IV đến học kỳ VIII. Bên cạnh đó,

từng học phần đều được xây dựng đề cương chi tiết, trong đó xác định cụ thể các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm tương ứng với các CĐR của ngành học và được thể hiện trong ma trận đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT **[H3.03.01.03]**, **[H3.03.01.04]**, **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**.

CTDH ngành QLNN xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học sử dụng trong các học phần phù hợp, nhằm đạt được CĐR của CTĐT **[H3.03.01.03]**, **[H3.03.01.04]**. CTDH đã thống nhất sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Các học phần lý thuyết được đánh giá ở 03 hình thức với trọng số phù hợp với nội dung của từng học phần, cụ thể: Đánh giá chuyên cần có trọng số 10%; đánh giá quá trình có trọng số 20%, 30%, 40%; đánh giá cuối kỳ có trọng số tương ứng là 70%, 60%, 50%. Đối với các học phần thực hành, SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành, điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ là điểm của học phần thực hành. Phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTDH ngành QLNN gồm 02 loại là đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết, trong đó: Đánh giá tiến trình được thực hiện bằng các hình thức đánh giá đa dạng chuyên cần, đánh giá bài tập, đánh giá thuyết trình; đánh giá tổng kết áp dụng các hình thức kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm, bảo vệ và thi vấn đáp, báo cáo, đánh giá thuyết trình, đánh giá làm việc nhóm, thực hành. Nhìn chung, từng học phần trong CTDH ngành QLNN đã lựa chọn, thiết kế các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với nội dung và CĐR của học phần **[H3.03.01.03]**, **[H3.03.01.04]**, **[H3.03.01.06]**. Mỗi phương pháp đánh giá trong CTDH đều có những đóng góp cụ thể trong việc đạt được CĐR của CTĐT ngành QLNN **[H3.03.01.03]**, **[H3.03.01.04]**.

Để thực hiện tốt CTDH nhằm đáp ứng các CĐR, Nhà trường đã có những kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH của từng năm học, mỗi GV đều có hồ sơ giảng dạy **[H3.03.01.07]**.

Để điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện CTDH, Khoa đã thường xuyên xem xét các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, các ý kiến của SV năm cuối, cựu SV và nhà sử dụng lao động về CTDH và CĐR của CTĐT ngành QLNN, ý kiến của GV tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành QLNN về CTĐT, CĐR và mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT **[H3.03.01.08]**, **[H3.03.01.09]**, **[H3.03.01.10]**, **[H3.01.01.11]**. Bên cạnh đó, Khoa cũng tiến hành đối

chiều, so sánh CTĐT ngành QLNN đã xây dựng với các CTĐT ngành QLNN của các trường đại học uy tín trong nước với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất [H3.03.01.03], [H3.03.01.12].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành QLNN được thiết kế có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên CĐR. Mối quan hệ giữa CĐR của các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong từng học phần của CTDH. Tất cả các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT.

Với mong muốn đạt được CĐR tốt nhất, Nhà trường có kế hoạch định kỳ tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của ngành được lấy ý kiến thông qua SV năm cuối, cựu SV ngành QLNN, CTĐT và CĐR của CTĐT và mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát thông qua nhà sử dụng lao động và các GV tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành QLNN.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của cựu SV ngành QLNN và nhà sử dụng lao động khi xây dựng CTDH còn một số hạn chế: Số lượng cựu SV, các cơ quan, đơn vị tham gia khảo sát còn hạn chế, một số ý kiến phản hồi có chất lượng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN mở rộng quy mô và thường xuyên thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của người học, cựu SV, nhà sử dụng lao động và GV tham gia giảng dạy các học phần ngành QLNN để điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành QLNN phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nâng cao chất lượng SV ngành QLNN.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành QLNN theo định kỳ 02 năm một lần.

Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, GV tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành QLNN thực hiện đúng tiến độ giảng dạy, đúng nội dung học phần, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm đảm bảo đạt được các CĐR của học phần trong CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong CTDH ngành QLNN. Mỗi học phần đều được xây dựng đề cương chi tiết phù hợp với yêu cầu về chuyên môn của từng học phần và phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ và CĐR của CTĐT ngành QLNN **[H3.03.02.01], [H3.03.02.02]**. Đề cương chi tiết của từng học phần đều xác định cụ thể, rõ ràng các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của học phần tương ứng với các mục tiêu cần đạt được của học phần và tương ứng với các mức độ năng lực cần đạt được phù hợp với CĐR của CTĐT được thể hiện cụ thể trong ma trận đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT **[H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]**.

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành QLNN được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy ở các bộ môn của Khoa LLCT - Luật & QLNN và các khoa phối hợp trong Nhà trường như Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng; Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn. Vì vậy, nội dung đề cương chi tiết của từng học phần đều đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn, đáp ứng được các CĐR của học phần và phù hợp với CĐR của CTĐT **[H3.03.02.01], [H3.03.02.02]**.

Tất cả các học phần trong CTDH đều được xác định rõ tổ hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với CĐR của học phần và CĐR của CTĐT **[H3.03.02.02], [H3.03.02.03]**. Trong quá trình giảng dạy, các GV Khoa LLCT - Luật & QLNN và GV các Khoa liên kết đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, chú trọng phát triển năng lực cho người học; các phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực người học được tiến hành phù hợp với nội dung của từng buổi học và được thể hiện thông qua điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình và điểm cuối kỳ với các trọng số được phân bổ linh hoạt, phù hợp với nội dung các học phần **[H3.03.02.02]**. Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức phổ biến đến người học về CTĐT và kế hoạch thực hiện CTDH **[H3.03.02.04]**. Kết quả đánh giá của từng SV được Phòng Đào tạo đại học công bố thông qua tài khoản cá nhân của SV được cấp đầu khoá học **[H3.03.02.05]**.

Theo kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT trình độ đại học của Trường ĐHQN, Khoa LLCT - Luật & QLNN đã triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần nhằm tăng mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành QLNN [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.06]. Quá trình được thực hiện dựa trên các kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu SV ngành QLNN; ý kiến phản hồi của SV năm cuối về chất lượng đào tạo ngành QLNN; ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp sau một năm ra trường [H3.03.02.07], [H3.03.02.08], [H3.03.02.09], [H3.03.02.10]. Ngoài ra, Khoa LLCT - Luật & QLNN cũng đã tham khảo các CTĐT ngành QLNN của các trường đại học có uy tín trong nước để tăng cường sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR sát với thực tiễn [H3.03.02.11].

2. Điểm mạnh

Theo kế hoạch của Nhà trường, CTDH ngành QLNN được điều chỉnh, cập nhật, bổ sung theo định kỳ 02 năm một lần. Đề cương chi tiết của các học phần trong CTDH ngành QLNN được định kỳ rà soát, cập nhật về nội dung, xác định rõ tổ hợp các phương pháp đánh giá phù hợp với nội dung học phần nhằm tăng mức độ đạt được các CĐR của học phần.

Đề cương chi tiết của các học phần trong CTDH ngành QLNN được biên soạn bởi các GV chuyên ngành nhằm đảm bảo nội dung của học phần đáp ứng các CĐR tương ứng của CTĐT ngành QLNN.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà sử dụng lao động tham gia khảo sát ý kiến về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT ngành QLNN còn hạn chế. Chất lượng ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động tham gia khảo sát chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN mở rộng quy mô và định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT hiệu quả hơn.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020-2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN thực hiện điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành QLNN theo định kỳ 02 năm một lần theo các kế hoạch điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành QLNN của Nhà trường; cập nhật và điều chỉnh đề cương chi tiết cho tất cả các học phần trong

CTDH định kì 02 năm một lần.

Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, các GV tham gia giảng dạy ngành QLNN thực hiện đúng các cam kết giảng dạy nhằm nâng cao mức độ đạt được các CDR của các học phần trong CTDH.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. *Mô tả*

CTDH ngành QLNN được xây dựng, cập nhật theo Quy chế của Bộ GD & ĐT và các quy định của Trường ĐHQN [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. CTDH ngành QLNN có cấu trúc hợp lý, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05]. Trong số 135 tín chỉ của CTDH ngành QLNN (không bao gồm 03 tín chỉ Giáo dục thể chất và 09 tín chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh), khối kiến thức giáo dục đại cương được phân bổ 24 tín chỉ đã cung cấp các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, ngoại ngữ, khoa học quản lý; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 111 tín chỉ, bao gồm 33 tín chỉ thuộc kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, 42 tín chỉ thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành, 30 tín chỉ thuộc kiến thức bổ trợ, 06 tín chỉ được phân bổ cho khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp [H3.03.03.03], [H3.03.03.04].

Các học phần trong CTDH ngành QLNN được bố trí hợp lý từ năm thứ nhất đến năm thứ tư: các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành được trang bị trước nhằm xây dựng đạo đức, ý thức và các kỹ năng mềm cần thiết cho SV; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành; đây là nền tảng giúp SV hoàn thành các học phần về rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp và hoàn thành khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Kế hoạch giảng dạy hằng năm được xây dựng theo kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường [H3.03.03.06].

Tính tích hợp cũng được thể hiện rõ trong CTDH ngành QLNN. CTDH được xây dựng bao gồm các học phần lý thuyết và các học phần đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp cho SV [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Trong mỗi học phần, thời lượng giờ lên lớp lý thuyết, thảo luận, thực hành, bài tập, tự học cũng được phân

bổ phù hợp với nội dung của học phần [H3.03.03.07].

Bên cạnh các học phần lý thuyết, các học phần thực hành, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp được xây dựng để hình thành cho SV các kỹ năng cần thiết trong hoạt động QLNN như: Kỹ năng quản trị công sở, kỹ năng giao tiếp hành chính, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng quản lý thời gian, nghiệp vụ công tác văn thư, nghiệp vụ công tác lưu trữ. Quá trình thực tế chuyên môn và thực tập tốt nghiệp cũng giúp SV có cơ hội vận dụng các kỹ năng được học và tích lũy thêm các kiến thức từ thực tiễn hoạt động QLNN tại các cơ quan, đơn vị [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.07].

Theo quy định chung của Nhà trường, định kỳ ít nhất hai năm một lần, tất cả các học phần đều được rà soát, bổ sung và cập nhật [H3.03.03.02]. Theo đó, từ năm 2015 đến nay, Khoa đã tiến hành cập nhật CTĐT vào năm 2015, 2020 và đề cương chi tiết các học phần vào năm 2015, 2017, 2020 [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.07]. Để cập nhật các kiến thức mới phù hợp với yêu cầu của xã hội, Nhà trường và Khoa đã tổ chức lấy ý kiến của SV năm cuối, cựu SV ngành QLNN, người sử dụng lao động và các GV tham gia giảng dạy các học phần ngành QLNN về CDR và CTĐT ngành QLNN [H3.03.03.08], [H3.03.03.09], [H3.03.03.10]. Ngoài ra, trong quá trình cập nhật và điều chỉnh, Khoa luôn tham khảo CTĐT ngành QLNN của các trường đại học uy tín trong nước để ngày càng hoàn thiện CTDH ngành QLNN [H3.03.03.11].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành QLNN được cấu trúc thành một khối thống nhất, đảm bảo được sự gắn kết, liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần trong CTDH ngành QLNN được sắp xếp, bố trí hợp lý ở từng học kỳ.

CTDH ngành QLNN được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường. Quá trình điều chỉnh CTDH ngành QLNN đã có sự tham khảo CTĐT ngành QLNN của các trường đại học có uy tín trong nước, đảm bảo được tính linh hoạt và tích hợp của CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động về CTDH và CTĐT ngành QLNN còn hạn chế về quy mô và chất lượng của các ý kiến phản hồi, vì vậy, một số

học phần trong CTDH có tính cập nhật chưa cao, chưa đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động QLNN trong thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN có kế hoạch triển khai rà soát và điều chỉnh nội dung các học phần trong CTDH ngành QLNN đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với yêu cầu của xã hội, bám sát những ý kiến phản hồi, góp ý của các bên liên quan.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường, sắp xếp, bố trí các học phần được cập nhật, bổ sung trong CTDH hợp lý ở từng học kỳ.

Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN thực hiện tham khảo CTĐT ngành QLNN của các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế để cập nhật CTDH ngành QLNN phù hợp với yêu cầu, sự phát triển và hội nhập của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành QLNN được xây dựng, cập nhật và hoàn thiện theo các quy chế của Bộ GD & ĐT và quy định của Trường ĐHQN. CTDH ngành QLNN được thiết kế khoa học, hợp lý dựa trên các CĐR của CTĐT ngành QLNN về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTDH được xác định phù hợp, góp phần đạt được các CĐR của CTĐT.

Tất cả các học phần được thiết kế trong CTDH ngành QLNN đều có những đóng góp rõ ràng trong việc đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CTĐT ngành QLNN. Các học phần trong CTDH ngành QLNN có nội dung tương thích với ngành đào tạo, mỗi học phần đều có những đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR của CTĐT. Cùng với việc xây dựng nội dung chi tiết của học phần, các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá được xây dựng trong đề cương chi tiết học phần cũng phù hợp với nội dung giảng dạy, giúp cho việc đạt được các CĐR được thể hiện rõ ràng và hiệu quả hơn. Nội dung của các học phần cũng được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và cập nhật phù hợp với hoạt động QLNN trong thực tiễn.

CTDH ngành QLNN được thiết kế với cấu trúc logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Các học phần trong CTDH đảm bảo được sự gắn kết, liền mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần được bố trí hợp lý xuyên suốt 08 học kỳ của CTDH. Định kỳ 02 năm một lần, chương trình dạy học ngành QLNN được rà soát, bổ sung và cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường, trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan và tham khảo CTĐT ngành QLNN của các trường đại học có uy tín trong nước.

Bên cạnh những điểm mạnh, CTDH ngành QLNN cũng còn tồn tại hạn chế: Số lượng và chất lượng ý kiến tham gia khảo sát về nội dung của các học phần trong việc đạt được CDR của CTĐT ngành QLNN còn ít, các ý kiến góp ý chưa cụ thể, vì vậy, một số học phần trong CTDH có tính cập nhật chưa cao, các học phần sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy còn hạn chế, chưa đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động QLNN trong thực tiễn.

Khoa LLCT - Luật & QLNN đã xây dựng chương trình hành động cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại và phát huy những điểm mạnh trong CTDH, nhằm hoàn thiện cấu trúc và nội dung CTDH, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo ngành QLNN.

Tự đánh giá: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3 và 3/3 tiêu chí đạt mức 4/7.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 3

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 3		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 3.1				X				4,00	3	100%
Tiêu chí 3.2				X						
Tiêu chí 3.3				X						

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trên cơ sở nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời dựa trên kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa LLCT - Luật & QLNN lựa chọn phương pháp tiếp cận lấy người học làm trung tâm, dạy học theo phương pháp tiếp cận năng lực người học, tôn trọng tài năng, cá tính và sáng tạo của người học. Từ phương pháp tiếp cận này, và dựa vào những khảo sát thực tế, Khoa đã xây dựng CTĐT, xác định rõ mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với năng lực người học và yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, thông qua các hoạt động hỗ trợ thích hợp, Khoa và Trường đã hỗ trợ, hướng dẫn người học hình thành ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu để góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Trường đã ban hành các văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục [H4.04.01.01]. Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường ĐHQN được công bố trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN, ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN, ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, với nội dung: “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*”. Mục tiêu giáo dục đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.02]. Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 tiếp tục nêu rõ mục tiêu giáo dục và khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.03]. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường cũng được công khai trên Trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng khác [H4.04.01.04].

Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa LLCT - Luật & QLNN đã cụ thể hóa và xác định rõ mục tiêu đào tạo ngành QLNN là đào tạo cử nhân QLNN có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, đạt chuẩn nghề nghiệp và đáp ứng được nhu cầu của xã hội [H4.04.01.05], [H4.04.01.06].

Triết lý, mục tiêu giáo dục được Trường và Khoa phổ biến rộng rãi đến SV, GV, nhà tuyển dụng,... thông qua nhiều kênh khác nhau. Triết lý, mục tiêu giáo dục được đề cập trong một số văn bản quan trọng của Trường, với mục đích phổ biến, triển khai rộng rãi đến toàn thể công chức, viên chức, SV, học viên. Hằng năm, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá nhằm giúp cho SV năm thứ nhất tiếp cận với triết lý, mục tiêu giáo dục được Trường, Khoa và các hoạt động dạy và học [H4.04.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ SV, gặp mặt và định hướng học tập cho các tân SV đầu khóa học [H4.04.01.08].

Để có căn cứ xây dựng, điều chỉnh mục tiêu, triết lý giáo dục, Trường đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về triết lý, mục tiêu giáo dục, CDR, CTĐT, chất lượng dạy và học [H4.04.01.09]. Kết quả khảo sát được tiếp thu và làm cơ sở cho việc rà soát và điều chỉnh mục tiêu, triết lý giáo dục và CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN có văn bản tuyên bố chính thức về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục và giới thiệu, phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau.

Triết lý, mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học của Trường ĐHQN hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người sử dụng lao động, cựu SV, SV,... đối với triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục có vai trò rất quan trọng, tuy nhiên, công tác này chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Theo định kỳ 2 năm 1 lần, bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Trường, Khoa và Bộ môn QLNN tổ chức các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục.

Phát huy điểm mạnh: Hằng năm, bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Trường, Khoa và Bộ môn QLNN tổ chức các hoạt động nhằm giúp người học tiếp cận mục tiêu, triết lý giáo dục để xác định động cơ học tập đúng đắn. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh CDR, CTĐT nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Thực hiện kế hoạch của Nhà trường về rà soát, đánh giá, cập nhật các CTĐT, CTĐT của ngành QLNN cũng được đánh giá, rà soát, bổ sung, điều chỉnh thường xuyên [H4.04.02.01]; các quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ cũng không ngừng được bổ sung, hoàn thiện [H4.04.02.02]. Trên cơ sở đó, CTĐT ngành QLNN cũng được điều chỉnh theo hướng phù hợp với học chế mới [H4.04.02.03]. Các hoạt động dạy và học trong khuôn khổ chương trình được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chương trình được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập [H4.04.02.03], [H4.04.02.04]. GV chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, bên cạnh các phương pháp giảng dạy truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, các phương pháp dạy học tích cực như nêu vấn đề, thảo luận và làm việc nhóm được chú ý sử dụng [H4.04.02.03], [H4.04.02.04]. Các hoạt động thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CĐR cũng được Khoa và Bộ môn QLNN chú trọng thực hiện thông qua việc tổ chức các sinh hoạt chuyên môn, các buổi seminar về nội dung và phương pháp giảng dạy [H4.04.02.05].

Các hoạt động dạy học gắn với thực tiễn như thực tế chuyên môn, thực tập nghề nghiệp cũng được coi trọng. Hằng năm, Khoa tổ chức cho SV năm thứ 2 đến các địa phương để thực tập nhận thức nghề nghiệp, nâng cao kiến thức thực tiễn [H4.04.02.06]. SV năm cuối được thực tập tốt nghiệp, Trường và Khoa đã xây dựng và hoàn thiện các quy định về thực tập tốt nghiệp; liên kết với các cơ quan, đơn vị để gửi SV đến thực tập nhằm giúp SV tiếp cận môi trường làm việc thực tế, có điều kiện áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp [H4.04.02.07], [H4.04.02.08]. Bên cạnh đó, GV của Khoa cũng tham gia hướng dẫn các nhóm SV có năng lực và có niềm say mê nghiên cứu thực hiện các đề tài NCKH SV [H4.04.02.09]. Một số đề tài NCKH SV của Khoa đã được chọn tham gia nghiệm thu đề tài NCKH SV cấp cao hơn và đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ [H4.04.02.10]. SV được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận và nắm bắt các thông tin phục vụ hoạt động học tập, bên cạnh các thông

báo thông qua cố vấn học tập, ban cán sự lớp, SV có thể thông qua các cổng thông tin học tập trực tuyến như Website của Trường, Khoa, phòng Đào tạo để đăng kí học phần, xem kết quả học tập, tải giáo trình, tài liệu phục vụ học tập, nắm bắt các thông tin từ phía nhà trường,... [H4.04.02.11].

Hoạt động khảo sát ý kiến cựu người học, nhà tuyển dụng lao động về CĐR và CTĐT, về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành của GV được Trường và Khoa tiến hành thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy đa số ý kiến của các bên liên quan đều đánh giá tốt về CĐR, CTĐT, các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Đồng thời, cung cấp nhiều thông tin, ý kiến hữu ích để Khoa và Trường điều chỉnh CTĐT, hoạt động dạy và học phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H4.04.02.12].

2. Điểm mạnh

Khoa, Bộ môn, GV xây dựng hoạt động dạy học và phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Tích cực đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo chung của ngành.

Khoa, Bộ môn, GV chú ý đến việc đa dạng hóa các hình thức học tập, hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

Đa số người học hài lòng với CTĐT, các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động hướng dẫn SV NCKH đã được chú ý thực hiện, nhưng mức độ thường xuyên và hiệu quả chưa cao.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào không đồng đều tạo nên những rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Trường nâng cao chất lượng tuyển sinh, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Khoa, Bộ môn QLNN và các GV tăng cường hoạt động hướng dẫn SV NCKH.

Phát huy điểm mạnh: Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT theo từng

năm học nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn. Bộ môn QLNN và GV đẩy mạnh các hoạt động thảo luận, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, NCKH.

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Để đáp ứng mục tiêu của chương trình đào tạo, các hoạt động dạy và học đều hướng tới việc thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, từ năm 2010, Trường ĐHQN đã triển khai việc tổ chức đào tạo đại học theo phương thức tín chỉ. CTĐT và ĐCCT của học phần đều có những thay đổi để phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ đó [H4.04.03.01]. Việc thay đổi CTĐT từ đào tạo học phần sang đào tạo tín chỉ là một sự chuyển đổi theo xu hướng rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng tự học của người học. CTĐT theo hệ thống tín chỉ giúp SV có thể tự chủ động sắp xếp thời gian, lựa chọn chiến lược học tập phù hợp cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. CTĐT đã đưa “năng lực tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm” trở thành một CĐR [H4.04.03.02]. Đề cương chi tiết nhiều học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế theo CTĐT tín chỉ đều xác định rõ thời gian SV phải tự học ngoài giờ lên lớp. Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều xác định mỗi tiết học lý thuyết, SV phải có tối thiểu hai tiết tự học. Với yêu cầu cụ thể như vậy của các học phần, GV cũng xây dựng các nội dung bài tập, nội dung tự thảo luận hay các vấn đề thuyết trình, làm cơ sở cho việc kiểm tra đánh giá quá trình tự học, tự rèn luyện ngoài giờ lên lớp của sinh viên [H4.04.03.03]. Phương pháp giảng dạy và hình thức tổ chức dạy học của GV cũng được thiết kế đa dạng. Trong mỗi học phần, các GV đều thiết kế nhiều phương pháp và hình thức tổ chức giảng dạy khác nhau như phương pháp diễn giảng, phương pháp đàm thoại vấn đáp, phương pháp tổ chức thảo luận, phương pháp thuyết trình,... Sự đa dạng trong phương pháp giảng dạy và hình thức tổ chức dạy học là một nội dung quan trọng nhằm hình thành ý thức và năng lực tự học, rèn luyện ý thức và kỹ năng học tập suốt đời [H4.04.03.04].

Các hoạt động học tập được xây dựng trong CTĐT khá đa dạng bao gồm học tập lý thuyết, học tập thông qua thảo luận nhóm, thuyết trình, học tập thông qua các đợt thực tế chuyên môn, thực tập tốt nghiệp và NCKH [H4.04.03.05]. Các hoạt động học tập đa dạng giúp SV hình thành các kỹ năng học tập khác nhau. Việc học tập

thông qua thảo luận nhóm, thông qua hoạt động thuyết trình giúp SV tự bổ sung kiến thức lý thuyết và những kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành. Việc học tập thông qua các đợt thực tế chuyên môn, thực tập tốt nghiệp giúp SV có sự kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn, bước đầu hình thành kỹ năng áp dụng lý thuyết vào thực tiễn. Mặt khác, việc SV phải hoàn thành báo cáo thực tế chuyên môn, thực tập tốt nghiệp, viết khóa luận tốt nghiệp giúp SV hình thành kỹ năng tự tìm kiếm tài liệu học tập, tự tìm kiếm giải pháp giải quyết vấn đề, tự trình bày suy nghĩ và phản biện lẫn nhau, tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, góp phần hình thành kỹ năng tự học và khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.05]. Để tạo điều kiện cho người học rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu, Trường và Khoa đã xây dựng thư viện, phòng đọc với nhiều sách giáo trình, sách tham khảo, tạp chí khoa học,... đáp ứng nhu cầu người học. Giáo trình, học liệu ở thư viện cũng được bổ sung thường xuyên để cập nhật tri thức mới [H4.04.03.06].

SV cũng được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ của Đoàn và Hội SV trường ĐHQN. Thông qua các hoạt động ngoại khóa và các hoạt động Đoàn, Hội này, SV cũng hình thành nhiều kỹ năng có ích cho đời sống và công việc trong tương lai như: Câu lạc bộ Thanh niên xung kích, Câu lạc bộ Pháp luật - Hành chính, Câu lạc bộ Dấu chân tình nguyện,... Đoàn Trường cũng thường tổ chức các cuộc thi như Rung Chuông Vàng, Hùng biện,... Các cuộc thi ngoài giờ lên lớp tạo điều kiện cho SV có sân chơi bổ ích để bổ sung những kỹ năng còn thiếu hay bồi dưỡng những tố chất vượt trội của SV. Để tham gia và đạt được thành tích trong các hoạt động ngoại khóa này, SV cũng phải tự mình học hỏi, tự mình trau dồi kiến thức và kỹ năng của mình. Đội ngũ GV luôn tích cực tìm tòi, học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng bài giảng của mình, sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Việc trau dồi, trao đổi kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả giảng dạy được thực hiện hằng năm thông qua các hoạt động NCKH như hoạt động seminar, hoạt động NCKH cấp trường. Năm 2013, các GV giảng dạy chuyên ngành QLNN cùng phối hợp để hoàn thành 1 đề tài nghiên cứu cấp trường: “Xây dựng hệ thống các hoạt động nhằm rèn luyện và phát triển kỹ năng nghề cho sinh viên ngành quản lý nhà nước Trường ĐHQN”. Đây là một đề tài có ý nghĩa lớn nhằm hướng đến việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngoài giờ lên lớp. Đặc biệt là,

khi tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp này, sinh viên sẽ phải tự học, tự nghiên cứu, tự hoàn thiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu của mình [H4.04.03.07].

2. Điểm mạnh

CTĐT đã đưa “năng lực tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm” trở thành một CDR của CTĐT.

Đề cương chi tiết các học phần đã thể hiện đa dạng trong phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đều đạt được mục tiêu rèn luyện kỹ năng tự học, bồi dưỡng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Sự phối hợp hành động từ nhiều bên: Trường, Khoa đã tạo điều kiện cho SV tham gia các hoạt động chuyên môn; GV tích cực tham gia hướng dẫn, hỗ trợ Đoàn, Hội SV tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa; SV nỗ lực và tích cực tham gia hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp cũng như hoạt động ngoại khóa, góp phần rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho SV có khả năng học tập ngoài giờ lên lớp, bồi dưỡng, rèn luyện ý thức và kỹ năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Tính chủ động, tích cực học tập mới chỉ được thể hiện ở một bộ phận SV, đa phần SV vẫn chưa hiểu hết ý nghĩa của việc tự học và việc học tập suốt đời nên vẫn còn thụ động trong học tập, chưa thể hiện được kỷ luật tự giác trong học tập.

SV trong một lớp học còn khá đông, nên chưa thuận lợi cho việc tổ chức thảo luận nhóm và gây khó khăn cho việc tương tác trực tiếp giữa GV với SV.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, phòng Đào tạo tổ chức những lớp học nhỏ, số lượng SV từ 40 - 60 SV để thuận lợi hơn trong việc tổ chức thảo luận và tương tác trực tiếp giữa GV và SV. GV tích cực hỗ trợ SV về phương pháp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tự tìm kiếm tri thức và đánh giá cao những nỗ lực trong kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của SV. SV tích cực, chủ động hơn trong việc rèn luyện ý thức và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

Phát huy điểm mạnh: bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa quản lý học phần rà soát CTĐT, cập nhật, bổ sung mục tiêu và chuẩn đầu ra phù hợp, đưa kỹ năng “tự học, tự nghiên cứu” trở thành một chuẩn đầu ra riêng trong CTĐT. GV rà soát đề cương chi tiết, bổ sung, cập nhật những nội dung kiến thức mang tính thời sự, đa dạng hóa phương thức tổ chức dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá. Đoàn, Hội SV tăng cường các hoạt động

ngoại khóa bổ ích, truyền cảm hứng học tập ngoài giờ lên lớp cho SV.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, người học, người tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh khác nhau: các văn bản chính thức, mô tả CTĐT; website của Trường và Khoa; các hoạt động ngoại khóa; các kênh hỗ trợ SV như Đoàn thành niên, Hội SV,... Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp và không ngừng được đổi mới để đạt được CDR; các hình thức học tập được đa dạng hóa, việc hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp để giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR cũng được chú trọng. CTĐT và phương thức tổ chức dạy học tạo điều kiện cho SV rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Qua khảo sát, đa số người học hài lòng với CTĐT, các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục để nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người sử dụng lao động, cựu SV, SV,... đối với việc thực hiện các mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên. Hoạt động hướng dẫn SV NCKH đã được chú ý thực hiện, nhưng mức độ thường xuyên và hiệu quả chưa cao. Sĩ số lớp học còn khá đông, tính chủ động, tích cực học tập của đa phần SV ngành QLNN còn thấp. Ngoài ra, CSVC trang thiết bị chưa đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, chất lượng SV đầu vào không đồng đều cũng ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

Tự đánh giá: số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 6/7.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 4

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 4		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 4.1					x			5,33	3	100%

Tiêu chí 4.2					x				
Tiêu chí 4.3						x			

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá mức độ đáp ứng CDR của CTĐ. Kết quả đánh giá sẽ có ảnh hưởng đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp sau này của người học, đồng thời cung cấp cho Trường và Khoa các thông tin giá trị về tính hiệu quả giảng dạy và CTĐT. Vì vậy, việc đánh giá kết quả học tập của người học được Trường và khoa LLCT - Luật & QLNN thực hiện thường xuyên, chuyên nghiệp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành QLNN được thiết kế để đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm cả kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm chung cũng như của ngành QLNN thông qua sự đa dạng của các phương pháp kiểm tra, đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai tới người học thông qua tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa và Sổ tay sinh viên cho người học ngay sau khi người học nhập học. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trường đã ban hành các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện thông qua quyết định quy định về đào tạo ĐH, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Trong CTĐT của cơ sở giáo dục đào tạo việc đánh giá kết quả học tập của người học là một khâu quan trọng. Việc đánh giá kết quả học tập của người học luôn được thiết kế dựa trên CDR [H5.05.01.04]. Đánh giá kết quả của người học dựa trên CDR của ngành QLNN được thể hiện qua các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố công khai cho người học biết trên website Trường, Khoa, Sổ tay sinh viên [H5.05.01.05].

Căn cứ vào quy định của Bộ GD&ĐT, hàng năm, sau khi SV nhập học Trường, Khoa đã công bố các CĐR của ngành đào tạo, phổ biến các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đạt mức độ CĐR của ngành đào tạo thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Trường và chương trình chào đón Tân sinh viên của Khoa LLCT - Luật & QLNN [H5.05.01.06], [H5.05.01.07].

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN đã thể hiện rõ mối quan hệ giữa phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá đối với CĐR của CTĐT [H5.05.01.08]. Trong các đề cương chi tiết học phần, có quy định rõ các CĐR tương ứng với từng nội dung của học phần và tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập đều được GV triển khai thực hiện từ trong quá trình xây dựng đề cương chi tiết, dạy, học đến khi thi kết thúc học phần, đánh giá. Đồng thời các đề cương chi tiết đã thể hiện rõ kế hoạch đánh giá chuyên cần, giữa kỳ và cuối kỳ cụ thể: đánh giá chuyên cần trong tất cả các buổi học, đánh giá giữa kỳ vào tuần thứ 8 của học kỳ và đánh giá cuối kỳ vào tuần 17 của học kỳ. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học với các phương pháp đa dạng như: thuyết trình, thảo luận, bài tập, tự luận,... có thể đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT [H5.05.01.09].

Quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập bao gồm: kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; thi kết thúc học phần hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Đề thi học phần đều đảm bảo người học đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm được Trường bộ môn xem xét, phê duyệt trước khi thi [H5.05.01.10].

Đối với học phần thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan và doanh nghiệp, GV và cán bộ, nhân viên, chuyên viên hướng dẫn tại nơi thực tập tốt nghiệp cùng đánh giá SV theo quy định điểm của đơn vị thực tập (30%) và điểm của GV chấm thực tập tốt nghiệp (70%) yêu cầu đảm bảo CĐR về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm, việc đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là Khoa, mà còn trên cơ sở ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động [H5.05.01.04], [H5.05.01.05].

Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, SV cần đạt điều kiện cần theo yêu cầu của Nhà trường [H5.05.01.11]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính ứng dụng cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV. Đối với đánh giá khóa luận tốt nghiệp, các

yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa đề tài và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Toàn thể SV được biết các quy định, hình thức đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học nhằm đáp ứng CĐR .

Đánh giá kết quả học tập của người học ngành QLNN của Khoa LLCT - Luật & QLNN luôn được thiết kế phù hợp với mức độ đạt CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm thông qua đánh giá quá trình, thi kiểm tra học phần, làm khóa luận tốt nghiệp.

Tất cả đề thi của các học phần đều được Trưởng Bộ môn xem xét, phê duyệt. Các câu hỏi đánh giá được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT theo các cấp độ miền nhận thức: Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo và đảm bảo nguyên tắc SMART.

Đối với học phần thực tập tốt nghiệp tại cơ sở, có thêm sự phối hợp đánh giá cán bộ, nhân viên, chuyên viên nơi thực tập về thái độ nghề nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, tuân thủ theo các quy định tại cơ sở thực tập,...

3. Điểm tồn tại

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR chưa được cập nhật và rà soát thường xuyên.

Khoa chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN, Khoa LLCT - Luật & QLNN định kỳ rà soát, cập nhật, ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá đề thi tự luận, trắc nghiệm, thảo luận,... nhằm đáp ứng CĐR.

Nhà trường, Khoa thực hiện thống kê, phân tích định lượng các kết quả học tập của người học để xác định, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Khảo thí và BĐCL và Khoa LLCT - Luật & QLNN sẽ thực hiện rà soát, hoàn thiện công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, đặc biệt là thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp

để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề, tự chủ và trách nhiệm của người học trong thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của xã hội trong lĩnh vực chuyên môn.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. *Mô tả*

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng. Các quy định này được thể hiện rõ tại quy định đào tạo ĐH, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, quy định về tổ chức và quản lý thực tập quy định về việc tổ chức và quản lý thực tập tốt nghiệp. Các quy định này và đề cương chi tiết các học phần được thông báo công khai cho người học trên website Trường, Khoa, Sổ tay sinh viên [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04].

Đánh giá kết quả học tập hiện nay không chỉ căn cứ vào điểm thi học phần mà còn đảm bảo đáp ứng đạt CDR từ điểm học phần được tổng hợp qua điểm đánh giá quá trình và điểm kết thúc học phần. Đề cương chi tiết các học phần ngành QLNN có quy định rõ ràng cách đánh giá học phần với các trọng số đánh giá đa dạng, bao gồm: Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá quá trình (với các trọng số khác nhau: 30%, 40% hoặc 50% tùy vào từng học phần) và điểm thi kết thúc học phần (với các trọng số khác nhau: 70%, 60% hoặc 50% tùy vào từng học phần); phương pháp, hình thức, tiêu chí kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, hình thức, phương pháp thi kết thúc học phần cũng thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, bản Rubrics kiểm tra đánh giá học phần [H5.05.02.05]. Kết thúc học phần, GV thông báo công khai điểm đánh giá quá trình cho người học trên lớp vào buổi học cuối cùng. Thời gian kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần được thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo và được nhà trường phê duyệt hàng năm sau đó được công bố cho SV ngay từ đầu năm học. Phòng Khảo thí và BDCL chịu trách nhiệm lập kế hoạch tổ chức thi và thông báo cho SV thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là hai tuần trước mỗi kỳ thi [H5.05.02.06].

Nhà trường, Khoa có những quy định rõ ràng về cách đánh giá thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp ngành QLNN. Trong đó quy định rõ về trách nhiệm của SV, GV hướng dẫn, cách trình bày nội dung, hình thức thực tập tốt nghiệp, khóa luận

tốt nghiệp, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của GV phản biện với các tiêu chí đánh giá chi tiết và thang điểm rõ ràng [H5.05.02.07].

Nhà trường đã ban hành Quy định CĐR ngoại ngữ, tin học đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV được biết [H5.05.02.08]. Theo đó, khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy, SV phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CĐR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông [H5.05.02.09].

Trước mỗi học phần GV đều giới thiệu đến người học đề cương chi tiết của học phần, trong đó có các quy định về đánh giá kết quả học tập ngay trong buổi học đầu tiên. Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần, giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và công bố công khai cho người học [H5.05.02.10]. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.02.11].

Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần cũng quy định rõ ràng. Bảy ngày sau khi thi, người học được báo kết quả thi qua tài khoản cá nhân. Nếu kết quả chưa tương xứng với bài làm, người học có quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo. Trợ lý khoa tiếp nhận và thông tin lại cho GV tiến hành rà soát và phản hồi lại cho SV [H5.05.02.11].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) theo CTĐT ngành QLNN rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt CĐR. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ trong các đề cương chi tiết học phần và bản Rubrics kiểm tra đánh giá học phần.

Kết quả học tập của người học được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng SV, giúp SV chủ động trong lập kế hoạch học tập.

3. Điểm tồn tại

Trong đánh giá điểm quá trình, trong một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi lúc còn mang tính định tính. Việc triển khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học chưa được thực hiện một cách đồng bộ trong GV toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, GV cần hoàn thiện lượng hóa các tiêu chí đánh giá điểm quá trình theo hướng đa dạng phù hợp với CDR. Nhà trường, Khoa và các GV tiếp tục triển khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học một cách đồng bộ. Khoa tiến hành xây dựng và công bố công khai các tiêu chí đánh giá niên luận, khóa luận trên website của Khoa để người học tiếp cận dễ dàng.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường, Khoa tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả người học theo hướng đa dạng phù hợp với CDR

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập của người học hiện nay được áp dụng theo quy định của Trường [H5.05.03.01]. Theo đó, việc đánh giá kết quả học tập thực hiện đối với học phần theo học kỳ và cho toàn khóa học. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ngành QLNN đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng: Về đánh giá quá trình GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá điểm quá trình bao gồm: Bài kiểm tra viết ở lớp, bài tập ở nhà, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, bài tập lớn,... Về thi kết thúc học phần áp dụng nhiều hình thức thi: Thi tự luận, thi vấn đáp, thi thuyết trình,... gắn với những yêu cầu cụ thể từng tiêu chí và CDR được thể hiện trong Bản mô tả CTĐT, chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần. Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10% điểm học phần, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 20%, 30% hoặc 40% điểm học phần và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70%, 60% hoặc 50% điểm học phần [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy: Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và BĐCL xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế [H5.05.03.01],

[H5.05.03.06].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo tính khách quan, công bằng:
 Bài thi kết thúc học phần được tổ chức chấm tập trung tại văn phòng khoa, mỗi bài thi đều do hai cán bộ chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng Bộ môn, Trưởng Khoa **[H5.05.03.01]**. Trợ lý khoa quản lý học phần rập phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình **[H5.05.03.07]**. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần. Sau khi có kết quả kiểm tra, đánh giá của người học, hàng năm Khoa đã tiến hành phân tích kết quả học tập của người học thông qua các báo cáo: tổng kết về hiệu quả của các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học; báo cáo phân tích kết quả học tập của người học **[H5.05.03.08]**.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, người học và người học đã tốt nghiệp và nhà sử dụng lao động về CTĐT, lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề **[H5.05.03.09]**, **[H5.05.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Đánh giá kết quả học tập ngành QLNN được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, thuyết trình,... đề thi đảm bảo độ tin cậy được Trưởng Bộ môn duyệt và Phòng Khảo thí và BDCL kiểm tra trước khi in sao đề thi. Phần lớn ý kiến của người học đều hài lòng về tính khách quan, chính xác, công bằng trong các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá GV có thể đo lường được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát và đổi mới đề thi chưa thực hiện thường xuyên. Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

Đề thi, kết quả thi chưa được Trường và Khoa thống kê, phân tích định lượng, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi với việc đạt CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN; Khoa LLCT - Luật & QLNN, Phòng Khảo thí và BĐCL thực hiện biên soạn và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi và đưa vào sử dụng chính thức.

Khoa và Tổ bộ môn thực hiện rà soát, cập nhật, đổi mới câu hỏi đề thi định kỳ 1 năm/lần. Trường, Khoa tiến hành thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ phù hợp của đề thi với mục tiêu học phần.

Khoa triển khai các hình thức bài tập lớn để đánh giá toàn diện năng lực người học hướng đến đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực người học theo vị trí việc làm trong tương lai của SV.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN, Khoa LLCT - Luật & QLNN đa dạng hóa trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập và thực hiện đúng các quy định về công tác đánh giá kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Trường ĐHQN có những văn bản quy định rõ ràng việc phản hồi kết quả học tập của người học. Với điểm quá trình, GV công bố điểm đánh giá quá trình trên lớp vào buổi học cuối cùng để người học biết, đồng thời giúp SV có thể kịp thời nỗ lực và điều chỉnh việc học tập trong kỳ thi kết thúc học phần để cải thiện kết quả chung của học phần. Về thi kết thúc học phần, các khoa quản lý học phần tổ chức làm phách bài thi sau mỗi buổi thi. Trong thời gian 3 ngày kể từ ngày thi học phần, trợ lý khoa bàn giao bài thi cho cán bộ chấm thi. Thời gian chấm thi không quá 7 ngày kể từ khi GV nhận túi bài thi [H5.05.04.01]. Trong vòng 7 ngày, kể từ khi công bố điểm học phần, người học làm đơn xin phúc khảo, kiểm tra điểm nộp cho khoa quản lý học phần. Khoa quản lý học phần phân công GV kiểm tra, phúc khảo bài thi. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, khoa tiếp nhận đơn của SV phải thông báo kết quả cho SV [H5.05.04.02].

Kết quả học tập của người học được tổng hợp và đưa vào báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa [H5.05.04.03]. Trong đó có thống kê tỷ lệ SV khá giỏi các khóa, tỷ lệ SV tốt nghiệp của từng ngành, khóa và kết quả xét lên lớp hàng năm nhằm theo dõi kết

quả học tập của SV sau các năm học [H5.05.04.04].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học: thông tin trực tiếp đến SV, thông tin trên trang web của Trường, qua phần mềm quản lý đào tạo, qua tài khoản của người học, bảng điểm để người học có phản hồi và cải thiện việc học tập. Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ tại văn phòng Khoa, Phòng Khảo thí và BDCL, Phòng Đào tạo, theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu dễ dàng [H5.05.04.05], [H5.05.04.06]. Thông qua tài khoản cá nhân của mình, SV có thể truy cập để xem điểm của các học phần và kết quả học tập của mình [H5.05.04.07].

Định kỳ, Trường căn cứ vào điểm học tập và rèn luyện của từng SV, từ đó ra quyết định cảnh báo học vụ từng học kỳ nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết lập phương án học tập thích hợp để cải thiện việc học tập [H5.05.04.08]. Các trường hợp bị cảnh báo hoặc ngưng tiến độ, Nhà trường phối hợp với Khoa thông báo đến phụ huynh được biết, đồng thời hỗ trợ các em cải thiện kết quả học tập trong học kỳ thứ 3 của các năm học [H5.05.04.09], [H5.05.04.10].

Mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra - Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, ráp phách, nhập điểm vào phần mềm và lập biên bản có xác nhận của Khoa và Phòng Thanh tra - Pháp chế [H5.05.04.11].

Kết hợp việc đánh giá mức độ hài lòng của người học về phản hồi kết quả học tập với các mục tiêu đào tạo khác, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV đại học hệ chính quy hàng năm về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ theo “Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV Trường ĐHQN” [H5.05.04.12], [H5.05.04.13], [H5.05.04.14].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Trường, Khoa có đầy đủ hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét công nhận tốt nghiệp, xét tốt nghiệp hạn chế sai sót trong đánh giá kết quả người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa công khai đáp án thi cuối kỳ để SV đối chiếu với bài thi, giúp việc phản hồi chính xác, kịp thời và có kế hoạch điều chỉnh học tập.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa, Phòng Khảo thí và ĐBCL, đề xuất với Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi để SV đối chiếu với bài thi, từ đó giúp cho việc phản hồi chính xác, kịp thời và có kế hoạch điều chỉnh học tập.

Nhà trường và Khoa xây dựng cơ chế phản hồi về cách đánh giá kết quả học tập của người học đồng bộ.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa, Phòng Khảo thí và ĐBCL triển khai đồng bộ, nhanh chóng trong việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ để người học có kế hoạch điều chỉnh học tập

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Trường có đầy đủ những quy định, quy trình về khiếu nại, kết quả học tập và được công bố công khai đến người học qua sổ tay SV, qua tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa các năm học [H5.05.05.01], [H5.05.05.02], [H5.05.05.03]. Các hướng dẫn và quy trình cũng như mẫu đơn khiếu nại kết quả học tập (Đơn đề nghị phúc khảo bài thi, Đơn đề nghị kiểm tra lại bài thi,...) luôn được tải trên website của Trường để người học có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng [H5.05.05.04], [H5.05.05.05], [H5.05.05.06].

Với điểm quá trình, người học có thể phản hồi, khiếu nại trực tiếp với GV đảm nhận học phần đó và GV sẽ giải quyết công khai ngay trên lớp. Với điểm thi kết thúc học phần, các khiếu nại của người học đều được kiểm tra và phản hồi đến người học [H5.05.05.07]. Trong trường hợp có sai sót, nhầm lẫn được SV phát hiện và phản hồi sau khi có kết quả điểm thì GV đảm nhận học phần đó đề nghị điều chỉnh, Trưởng Bộ môn, Trưởng khoa, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCL kiểm tra ký xác nhận, phòng Đào tạo sẽ tiến hành điều chỉnh điểm cho SV và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Trường [H5.05.05.08]. Qua tài khoản cá nhân của mình, SV dễ dàng biết được điểm điều chỉnh sau khi khiếu nại về kết quả học tập. Hơn nữa, nhằm tạo điều kiện tối đa cho SV một cách kịp thời, thỏa đáng việc khiếu nại về kết quả học tập, Nhà trường có thùng thư góp ý để SV có thể gửi trực tiếp những ý kiến của mình [H5.05.05.09].

2. Điểm mạnh

Người học được tạo điều kiện để dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình. Trường, Khoa, Tổ bộ môn, GV đảm nhận học phần luôn quan

tâm và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho SV khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị Phòng ban và Khoa trong việc tiếp nhận đơn và thông báo kết quả khiếu nại đến người học.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và BDCL, Khoa LLCT - Luật & QLNN, GV, phối hợp đồng bộ trong việc tiếp nhận đơn, giải quyết kết quả khiếu nại về kết quả học tập nên tập trung về một đầu mối và thông báo kết quả khiếu nại đến người học một cách nhanh nhất.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN, Khoa LLCT - Luật & QLNN, Phòng Khảo thí và BDCL duy trì quy trình khiếu nại về kết quả học tập nhất là theo hướng thực hiện quan mạng (online) tiến tới online hoàn toàn, thay cho việc đăng ký phúc khảo qua bản in đến nộp trực tiếp như hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành QLNN được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD & ĐT và của Trường, phù hợp với CĐR, được thông báo rõ ràng, công khai tới người học, phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính khách quan, tin cậy và công bằng. Kết quả học tập được công khai và quy trình khiếu nại rõ ràng để người học biết và thực hiện. Trường có cơ chế cảnh báo học tập với những người học có kết quả học tập yếu, kém trong từng học kỳ để người học biết và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp. Tuy nhiên, các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR chưa được cập nhật và rà soát thường xuyên. Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 5

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 5		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.1					x			5,00	5	100
Tiêu chí 5.2					x					

Tiêu chí 5.3					x					
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5					x					

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, trường ĐHQN đã không ngừng phấn đấu, vượt qua những khó khăn, thử thách, vươn lên trở thành một trong những trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đảm bảo chuẩn chất lượng; một trong những trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các lĩnh vực khoa học công nghệ; trung tâm văn hóa, giáo dục của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Những thành tựu to lớn mà Nhà trường đã đạt được là sự kết tinh những nỗ lực, cống hiến của các thế hệ lãnh đạo Nhà trường, của tất cả các GV, viên chức cùng toàn thể SV, học viên của Trường. Nhà trường luôn xác định rõ công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn cho đội ngũ GV, nghiên cứu viên ở các khoa là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và phải được thực hiện một cách liên tục.

Khoa LLCT - Luật & QLNN hiện có một đội ngũ GV giỏi về chuyên môn, năng lực NCKH, kinh nghiệm giảng dạy và năng lực quản lý; có nghiệp vụ sư phạm tốt, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng tốt mọi yêu cầu trong thực hiện CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Để xây dựng được đội ngũ GV có chất lượng, Khoa đã thực hiện việc quy hoạch, tuyển dụng GV luôn đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khoa đã căn cứ trên trình độ chuyên môn, thành tích NCKH, kinh nghiệm giảng dạy và kỹ năng của GV để thực hiện phân công trách nhiệm đào tạo, trách nhiệm quản lý một cách rõ ràng, phù hợp đối với từng GV. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện quản lý, đánh giá theo kết quả công việc và ghi nhận kịp thời thành tích của GV. Điều này đã giúp các GV của Khoa có động lực để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Khoa xem việc quy hoạch đội ngũ GV là nhiệm vụ quan trọng, cần phải thực hiện thường xuyên để có thể đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học. Dựa trên chiến lược phát triển Nhà trường và đơn vị, Khoa luôn có kế hoạch rà soát số lượng GV cần bổ sung để thay thế cho các giảng viên đã nghỉ hưu, sắp nghỉ hưu hoặc chuyển công tác. Căn cứ vào kết quả rà soát, Khoa kịp thời đề xuất với Nhà trường chủ động có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ GV, đảm bảo cả về số lượng và tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Chính nhờ vậy, đội ngũ GV của Khoa không chỉ được xây dựng đủ về số lượng và có cơ cấu chuyên môn phù hợp giữa các tổ, mà còn có trình độ chuyên môn, năng lực NCKH và nghiệp vụ sư phạm vững vàng đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong quá trình thực hiện CTĐT [H6.06.01.01].

Trường ĐHQN là một trường đào tạo đa ngành, góp phần quan trọng vào việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên và thậm chí là của cả nước. Nhu cầu đào tạo của Trường ĐHQN được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2016 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và trong tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường, trong chủ trương của Nhà trường và của Khoa, hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện rõ ở công tác giảng dạy, đào tạo và hoạt động NCKH [H6.06.01.01] , [H6.06.01.02].

Để đáp ứng yêu cầu phát triển chung của Nhà Trường, với tư cách là một Khoa vừa đào tạo chuyên ngành, vừa đảm nhận giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho SV toàn Trường, Khoa LLCT- Luật & QLNN đã chủ động trong việc quy hoạch đội ngũ GV. Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ GV của Khoa được tiến hành theo quy trình chặt chẽ, phù hợp với quy định chung của Nhà trường và theo nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ GV [H6.06.01.03] [H6.06.01.04].

Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 36 người (nam:14; nữ: 22) trong đó gồm 32 GV cơ hữu được chia làm 4 tổ bộ môn (tổ Pháp Luật, tổ Quản lý nhà nước, tổ Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh; Triết học - Kinh tế Chính trị - Chủ nghĩa xã hội khoa học), 02 GV tập sự và 02 chuyên viên [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Hiện cán bộ cơ hữu của Khoa giảng dạy ngành QLNN có độ tuổi bình quân là 40,28. Số cán bộ GV có học hàm PGS, TS: 03 (chiếm 9,4%), số GV có trình độ TS: 09 (chiếm 28,1%), số GV có trình độ ThS: 20 (chiếm 62,5%). Phân hạng GV, bao gồm GV cao

cấp: 03, GV chính: 12, GV: 19, chuyên viên: 02 **[H6.06.01.06]**.

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, tập thể lãnh đạo Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ cán bộ trong 5 năm. Đây là căn cứ để Lãnh đạo Khoa xây dựng lộ trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ của Khoa **[H6.06.01.07]**, **[H6.06.01.08]**, **[H6.06.01.09]**.

Đội ngũ GV của Khoa không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn mà còn tích cực trong công tác NCKH, nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua việc dự các hội nghị, hội thảo, seminar trong và ngoài nước **[H6.06.01.10]**. Hàng năm, GV của Khoa có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành **[H6.06.01.11]**. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV luôn được Khoa rất quan tâm và có hình thức hỗ trợ phù hợp. Các GV của Khoa được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đi học tập, nghiên cứu sau đại học tại các cơ sở đào tạo có uy tín, đồng thời được tham gia các khóa học bồi dưỡng tại Trường **[H6.06.01.12]**, **[H6.06.01.13]**, **[H6.06.01.14]**.

Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho các GV trẻ luôn được Khoa quan tâm hỗ trợ. Mỗi GV trẻ trước khi đứng lớp đều được tổ bộ môn phân công một GV có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, bồi dưỡng **[H6.06.01.15]**.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện CTĐT cho các hệ Đại học và Sau Đại học, Khoa còn có sự hợp tác rộng rãi với nhiều GV thỉnh giảng là các nhà khoa học, GV có uy tín đến từ các trường đại học **[H6.06.01.16]**.

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa được thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và theo đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN **[H6.06.01.03]**. Các trưởng bộ môn được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ dựa trên tiêu chí về trình độ, năng lực và thành tích NCKH, điều này góp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như năng lực NCKH của các tổ bộ môn trong đơn vị **[H6.06.01.03]**.

Khoa luôn kịp thời đề nghị Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo quy định đối với trường hợp GV hết thời gian tập sự **[H6.06.01.17]**; hay đề nghị Nhà

trường cử đi thi nâng ngạch nếu GV của Khoa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước **[H6.06.01.18]**.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường có thực hiện hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Căn cứ trên kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa tiến hành kiểm tra, họp tổng kết, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV trong Khoa nhằm chấn chỉnh những mặt còn tồn tại đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo. Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đội ngũ GV của Khoa đã đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo **[H6.06.01.19]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã luôn quan tâm việc phát triển đội ngũ GV nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhờ có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định, Khoa LLCT- Luật & QLNN đã xây dựng được một đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, có tâm huyết, thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, GV trẻ của Khoa chiếm 50%, kinh nghiệm giảng dạy còn có phần hạn chế. Nhiều GV còn đang thời gian tham gia CTĐT sau ĐH nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong điều kiện đặc thù của khối ngành được phân công đào tạo và các môn đảm nhiệm, việc Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt dành cho đội ngũ GV của Khoa dẫn đến thực trạng chưa tuyển dụng được nhiều GV có năng lực, được đào tạo bài bản về công tác tại đơn vị. Bên cạnh đó, nhiều GV trẻ chưa được tạo điều kiện thuận lợi về nơi lưu trú, với mức thu nhập còn khá khiêm tốn, việc phải thuê phòng trọ và nhiều chi phí khác khiến cuộc sống còn nhiều chật vật.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường thực hiện điều chỉnh và giải quyết tình trạng còn mất cân đối trong đội ngũ cán bộ hiện có (nội bộ các khoa, giữa các khoa, phòng ban với nhau, với nội dung công việc cần thực hiện).

Nhà trường quan tâm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho đội ngũ GV, GV trẻ, đặc biệt là vấn đề lưu trú để họ có sự an tâm công tác.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ GV của Khoa.

Lãnh đạo Khoa quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ GV trẻ kế cận của Khoa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khoa kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân, thu hút những GV, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. *Mô tả*

Hàng năm, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD & ĐT, Trường ĐHQN công bố tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát [H6.06.02.01].

Hiện nay, tổng số cán bộ của Khoa LLCT- Luật & QLNN là 32 giảng viên cơ hữu giảng dạy ngành QLNN trong đó gồm 03 PGS, 09 TS, 20 ThS (trong đó có 08 NCS đang trong thời gian đào tạo). Với lực lượng GV như vậy, Khoa là một trong những đơn vị có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn tương đối mạnh của Nhà trường [H6.06.02.01]. Số lượng GV quy đổi của ngành học hiện nay là 42,1 người và số lượng người học chính quy ngành QLNN là 732 SV. Như vậy, tỷ lệ SV/GV của Khoa là 17,4/1. Tỷ lệ này có thể nói là thấp so với chuẩn quy định của Bộ GD & ĐT về tiêu chí tỷ lệ số SV chính quy tính trên một GV quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành VII là 25/1) [H6.06.02.02]. Điều này dẫn đến số giờ giảng của GV cho SV hai ngành khoa chịu trách nhiệm trực tiếp đào tạo là khá cao. Từ thực tế này, Khoa luôn có chính sách phân bổ hợp lý, công bằng tổng số giờ giảng cho SV thuộc các ngành khác của Trường ĐHQN (Khoa Khoa học tự nhiên, Khoa Khoa học xã hội, Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non, Khoa Ngoại ngữ,...), các lớp cao học (ở 02 chuyên ngành: Quản lý kinh tế, Chính trị học) và các lớp vừa làm vừa học ở các tỉnh Quảng Ngãi, Kon Tum,

Đắk Lắk, Bình Định,... nhằm đảm bảo khối lượng giờ giảng hằng năm cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng của đội ngũ GV. Do vậy, các cán bộ GV của Khoa đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và số giờ định mức về NCKH hằng năm theo đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó, Khoa đã tích cực, chủ động trong việc xây dựng chương trình đào tạo và đội ngũ GV đủ điều kiện để mở thêm hai ngành đào tạo cao học (Quản lý kinh tế; Chính trị học); đồng thời Khoa đã đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh ở tất cả các hệ (ĐH, cao học, vừa làm vừa học) bằng nhiều hình thức để tăng số lượng tuyển sinh hằng năm. Điều này đã góp phần quan trọng giúp Khoa luôn bảo đảm khối lượng giờ giảng, NCKH và phục vụ cộng đồng của GV trong tình hình hiện nay.

Trong công tác giám sát và thi đua, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ vào cuối mỗi năm học và lập kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, trước tiên cá nhân từng GV tự đánh giá khối lượng công việc, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành. Tiếp theo Trưởng bộ môn đánh giá, Lãnh đạo Khoa đánh giá và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua **[H6.06.02.03]**. Bên cạnh đó, một kênh thông tin để GV có thể tham khảo nhằm phát huy mặt tích cực và điều chỉnh những hạn chế trong giảng dạy đó là việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV hàng năm; việc này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp các cấp Lãnh đạo Khoa nắm được tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, để từ đó đưa ra định hướng thích hợp **[H6.06.02.04]**.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được thực hiện theo chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD &ĐT, quyết định về việc ban hành quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN **[H6.06.02.05]**. Việc thực hiện công tác giảng dạy và NCKH của GV có sự giám sát chặt chẽ của Bộ môn, Khoa và các phòng chức năng của Trường **[H6.06.02.06]**. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường **[H6.06.02.05]**. GV Khoa LLCT- Luật & QLNN tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua

số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí khoa học [H6.06.02.07], [H6.06.02.08], [H6.06.02.09], [H6.06.02.10].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV là tương đối thấp so với quy định. Khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng, hợp lý và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Điều này đã góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn được đào tạo bài bản và giàu kinh nghiệm có thể phục vụ công tác đào tạo của đơn vị (cả trình độ ĐH và cao học). Đội ngũ GV của Khoa với sự đa dạng về cơ cấu độ tuổi, trình độ và các chuyên ngành được đào tạo đảm bảo việc giảng dạy cho SV thuộc nhiều ngành khác của Trường ĐHQN (Khoa Khoa học tự nhiên, Khoa Khoa học xã hội, Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non, Khoa Ngoại ngữ...) và các lớp hệ vừa làm vừa học ở các tỉnh Đà Lạt, Quảng Ngãi, KonTum. Hàng năm, các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo đúng quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đã được Nhà trường ban hành. Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đội ngũ GV của Khoa rất nỗ lực trong công tác NCKH.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù tỷ lệ GV trên SV thuộc chuyên ngành được đào tạo là đảm bảo, nhưng vì Khoa còn đảm trách một khối lượng giờ dạy khá lớn cho SV toàn trường, chưa kể số GV nữ đang trong độ tuổi sinh đẻ và con nhỏ, số chưa hoàn thành CTĐT NCS còn đông, Nhà trường lại có nhiều các hoạt động ngoài hoạt động giảng dạy nên áp lực công việc đối với đội ngũ GV trong Khoa là khá lớn.

GV thực hiện nhiều đề tài NCKH nhưng đa số các đề tài nghiên cứu nặng về lý thuyết nên tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa phân bổ hợp lý hơn số giờ giảng cho các GV phụ trách từng chuyên ngành đào tạo ĐH chính quy, cao học và hệ vừa làm vừa học, đảm bảo việc giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong đơn vị.

Nhà trường có quy hoạch đào tạo và sử dụng đội ngũ GV hiện có đồng thời với

việc tuyển dụng mới gắn với yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

Phát huy điểm mạnh: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Lãnh đạo Khoa tích cực đẩy mạnh việc đề tạo điều kiện cho các GV trẻ có kế hoạch học tập, đào tạo nhằm nâng cao trình độ;

GV trong Khoa hình thành các nhóm nghiên cứu theo định hướng ứng dụng để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. *Mô tả*

Trường ĐHQN đã ban hành văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV rất rõ ràng, cụ thể để bổ nhiệm, điều chuyển, bao gồm cả về đạo đức và năng lực học thuật. Trong đó 02 tiêu chuẩn quan trọng nhất chính là tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của chương trình đào tạo đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5 - Lý lịch bản thân rõ ràng [H6.06.03.01].

Nhà trường thông báo công khai điều kiện tuyển dụng cũng như kết quả thi tuyển trên website của Trường ĐHQN và đồng thời niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức Nhân sự [H6.06.03.02]. Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện nhiệm vụ biên soạn bài giảng, thông qua bài giảng ở Tổ bộ môn và giảng đánh giá tại Tổ bộ môn rồi mới dạy chính thức. Trong một năm thử việc, theo quy định của nhà trường, lãnh đạo khoa cử một GV hướng dẫn trực tiếp cho GV mới được tuyển dụng [H6.06.03.01], [H6.06.03.03]. Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, GV cao cấp, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trường/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.03.04],

[H6.06.03.05], [H6.06.03.06]. GV của Khoa được điều chuyển, bổ nhiệm giữ chức vụ quan trọng trong Nhà trường như: Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Phó Trưởng phòng Công tác và quản lý SV,... [H6.06.03.07].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở quy định các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ.

Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tuân thủ nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm có yêu cầu cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được GV có trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn GV có trình độ cao.

Phát huy điểm mạnh: từ năm 2020 - 2021, Trường ĐHQN, Khoa thực hiện nghiêm túc các quy định của Trường trong tuyển chọn GV, nghiên cứu viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Trong thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo thì đội ngũ GV là nguồn lực rất quan trọng. Vì vậy, việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn được Khoa xem là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Khoa. Các ứng viên khi được tuyển làm GV của Trường ĐHQN nói chung và Khoa LLCT- Luật & QLNN nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Sau khi trúng tuyển, các GV vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện tham gia các khóa học bồi dưỡng về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức [H6.06.04.01].

Đội ngũ GV của Khoa rất nỗ lực, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và điều đó được thể hiện rõ ràng qua số lượng công trình nghiên cứu được công bố hằng năm trên các tạp chí chuyên ngành uy tín cũng như số lượng đề tài nghiên cứu khoa học các cấp mà GV của Khoa đã và đang thực hiện [H6.06.04.02], [H6.06.04.03].

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.04]. Cuối mỗi năm học, các GV đều phải thực hiện nhiệm vụ kê khai số bài báo, số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã thực hiện và việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao [H6.06.04.02], [H6.06.04.03]. Hàng năm, sau khi kết thúc năm học Nhà trường đều triển khai công tác thi đua khen thưởng [H6.06.04.05]. Trên cơ sở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa đánh giá, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức [H6.06.04.06], [H6.06.04.07]. Theo kết quả đánh giá viên chức hằng năm, đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Công tác bình xét thi đua – khen thưởng không chỉ giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của GV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, qua đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp. Ngoài ra, GV cơ hữu của Khoa phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá theo 4 tiêu chí đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa. Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp [H6.06.04.08], [H6.06.04.09], [H6.06.04.10].

2. Điểm mạnh

Khoa LLCT - Luật & QLNN hiện nay có 3 Phó giáo sư, 9 tiến sĩ, 20 thạc sĩ, trong đó có 8 nghiên cứu sinh, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt, vì vậy có thể đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn trong việc thực hiện CTĐT

ngành Quản lý nhà nước.

Đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Trình độ tiếng Anh của đội ngũ GV chưa được đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, GV Khoa LLCT - Luật & QLNN sẽ tập trung nâng cao trình độ tiếng Anh.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, GV Khoa LLCT - Luật & QLNN nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Năng lực chuyên môn của đội ngũ GV được coi là nhân tố cực kỳ quan trọng, then chốt giúp cho Nhà trường phát triển và có uy tín cao. Vì vậy Trường ĐHQN xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên. Hằng năm, Nhà Trường đã tiến hành khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, từ đó lập kế hoạch phát triển đội ngũ GV cụ thể, đáp ứng nhu cầu thực tế [H6.06.05.01].

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên luôn được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, điều đó thể hiện qua: Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD & ĐT giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.02]; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2020 [H6.06.05.03]; Thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN [H6.06.05.04]; Thống kê số lượng cán bộ GV học cao học và nghiên cứu sinh của Khoa giai đoạn 2015 - 2020; thống kê trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ cán bộ quản lý và GV [H6.06.05.05]; Bảng mô tả vị trí việc làm của GV, nghiên cứu viên [H6.06.05.06]; Hồ sơ năng lực của GV, nghiên cứu viên [H6.06.05.07]; Sổ tay GV [H6.06.05.08].

Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng giảng viên Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước tham gia các khóa đào tạo; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (Từ năm 2015 - 2020)

STT	Loại hình đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tiến sĩ	0	3	2	0	0	1
2	Thạc sĩ	0	1	0	0	0	0
3	Tin học	0	0	0	4	15	2
4	Văn bằng 2	0	6	0	0	0	3
5	Cao cấp LLCT	0	0	0	2	1	0
6	Nghiệp vụ sư phạm	0	30	0	0	0	0
7	Chức danh nghề nghiệp	0	0	0	2	20	5

Nguồn: Phòng Tổ chức - Nhân sự

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, nghiên cứu viên được triển khai thực hiện. Hằng năm, Nhà trường đều triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, và sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nếu GV đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh Nhà trường đều cử đi học tập và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của Trường [H6.06.05.09]. Nhiều GV được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại các nước phát triển [H6.06.05.10]; nhiều GV được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.11]; được đào tạo nâng cao trình độ từ đại học lên thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước [H6.06.05.12]. Nhiều GV được cử đi hợp tác NCKH ở các Trường/Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế [H6.06.05.13]. Các GV được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí khi tham gia các hội nghị, hội thảo ở trong nước và quốc tế và được cử đi hợp tác NCKH [H6.06.05.14], [H6.06.05.15]. Dựa theo nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, Nhà trường tạo điều kiện cho GV tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng GV chính [H6.06.05.16].

Bảng 6.5.2. Số lượt người trao đổi, học tập, nghiên cứu, đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các nước trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của Trường Đại học Quy Nhơn (Từ năm 2015 - 2020)

STT	Tên Chương trình, Dự án	Số lượt người
1	Đi học và tham gia các hoạt động theo các thỏa thuận hợp tác với Đại học Prince of Songkla (PSU)	10
2	Tham gia các khóa học, các hoạt động với Đại học Silpakorn, Thái Lan	14
3	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (Dự án EMMAE14)	9
4	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (VILR-OUS- sáng kiến Miền Nam (SI))	8
5	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (VLIR-OUS (TEAM))	19
6	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (HR4Asia))	13
7	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (Erasmus + ICMKA17)	12
8	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (Dự án MOMA)	2
9	Đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các nước trong khuôn khổ hợp tác quốc tế	111

Nguồn: Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

Bảng 6.5.3. Tổng hợp kinh phí bồi dưỡng, nâng cao trình độ, hội thảo trong và ngoài nước của Trường Đại học Quy Nhơn (Từ năm 2015 - 2020)

ĐVT: đồng

Năm	Loại hình	
	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ	Hội thảo
2015	1.756.132.300	110.000.000
2016	2.404.169.400	42.240.000
2017	2.777.684.925	74.395.400
2018	2.891.264.000	8.000.000
2019	3.202.481.600	67.596.100
Tổng cộng	13.031.732.225	302.204.500

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính

Việc tuyển GV của Trường được thực hiện theo nhu cầu nguồn nhân lực thực tế và được thực hiện công khai, minh bạch nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại Trường [H6.06.05.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của GV để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên [H6.06.05.18], [H6.06.05.09].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm thông qua các Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học - Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm của Khoa [H6.06.05.19]. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy cũng được Nhà trường chú trọng nhằm giúp GV rút kinh nghiệm trong quá trình đào tạo SV [H6.06.05.20], [H6.06.05.21].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN đã triển khai thực hiện nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên.

Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV, chuyên viên tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Do trình độ ngoại ngữ của một bộ phận GV còn hạn chế nên chưa đáp ứng

được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa thuận lợi, phù hợp để GV tham gia

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN định kỳ khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN có cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, kinh phí, để GV, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Quản trị theo kết quả công việc của GV là việc mà Trường ĐHQN đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch công tác cụ thể đối với GV, nghiên cứu viên; có báo cáo về kết quả quản trị đội ngũ GV, nghiên cứu viên để rút kinh nghiệm trong việc quản trị đội ngũ GV, nghiên cứu viên trong những năm tiếp theo [H6.06.06.01]. Nhà trường đã ban hành những Quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng cán bộ (GV, chuyên viên). Đối với GV phải đảm bảo số giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong một năm học [H6.06.06.02], [H6.06.06.03]. Dựa vào đó Khoa thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hoạt động thi đua, khen thưởng được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả, thể hiện qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN [H6.06.06.04];

Các Quyết định về công nhận, khen thưởng các danh hiệu thi đua của cán bộ quản lý hàng năm [H6.06.06.05]; Các quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng [H6.06.06.06]; Kết quả xếp loại viên chức hàng năm [H6.06.06.07].

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên luôn được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH. Để khuyến khích động viên GV tham gia NCKH, Nhà trường đã có Quy định về khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế [H6.06.06.08]. Việc này đã có tác dụng đẩy mạnh sự nỗ lực trong công tác NCKH của GV. Nhiều GV đã và đang làm chủ nhiệm các đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ, cấp Nhà nước, đề tài Nafosted; hàng năm GV có nhiều công trình nghiên cứu được xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín trong danh mục ISI [H6.06.06.09], [H6.06.06.10], [H6.06.06.11], [H6.06.06.12]. Các đề tài hoàn thành đều được nghiệm thu và đánh giá tốt. Các bài báo khoa học và các đề tài sau khi nghiệm thu được quy đổi điểm cho GV là tác giả bài báo, là chủ nhiệm đề tài hoặc thành viên tham gia nghiên cứu làm cơ sở bình xét thi đua [H6.06.06.13].

Bảng 6.6.1. Thống kê số giờ dạy, giờ nghiên cứu khoa học đã quy đổi của Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

Năm học 2015 - 2016		Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018 - 2019		Năm học 2019- 2020	
Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH
33722,1	5647	29085,1	3715	27936	4181,6	28550,9	5006	22953,7	3455

Nguồn: Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

GV, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường, Khoa. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích đạt được trong quá trình công tác của cá nhân. Những GV hoàn thành tốt công tác giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác, luôn được ghi nhận và khích lệ bằng những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng... Mức độ hoàn thành công việc sẽ là căn cứ để Nhà trường tổ chức họp bình xét thi đua - khen thưởng cấp Trường và các cấp cao hơn, đồng thời xếp loại lao động đối với GV. Dựa vào kết quả xếp loại lao động của cán bộ, kết quả lấy ý kiến phản hồi của GV, nghiên cứu viên về việc quản trị theo kết quả lao động [H6.06.06.14], [H6.06.06.15], Nhà trường sẽ chi trả thu nhập tăng

thêm cho cán bộ theo từng quý và đây thực sự là nguồn động viên, khuyến khích cán bộ nỗ lực hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao [H6.06.06.16]. Đặc biệt, Nhà trường còn thực hiện xét nâng lương trước hạn cho những cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc [H6.06.06.17].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng đã giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhiều GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen của Công đoàn ngành Giáo dục,... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

3. Điểm tồn tại

Việc khen thưởng chưa có sự khác biệt đối với GV là tác giả chính, GV là thành viên tham gia của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 -2021, Trường ĐHQN thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế trong thời đại Cách mạng 4.0, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được Khoa và Nhà trường xác lập rõ ràng. Đầu năm học, các GV phải đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; Hướng dẫn SV làm NCKH, khóa luận tốt nghiệp; Hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ và hướng dẫn NCS làm luận án tiến sĩ) đảm bảo đủ số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh đã được quy định [H6.06.07.01], [H6.06.07.02].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường và Khoa luôn tổ chức tổng kết, đánh giá để đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV. Điều này được thể hiện qua quyết định cử GV dự hội thảo và hợp tác nghiên cứu khoa học tại các trường Đại học/Viện nghiên cứu trong và ngoài nước [H6.06.07.03]; Quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.07.04]; Các tài liệu quy định về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.05]; Thống kê các đề tài NCKH của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.06]; Thống kê và các báo cáo sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.07]; Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện [H6.06.07.08]; Thống kê công bố trong nước và công bố quốc tế [H6.06.07.09], [H6.06.07.10]; Thống kê số giờ NCKH của GV hằng năm [H6.06.07.11]; Hồ sơ năng lực của GV, nghiên cứu viên [H6.06.07.12]. Dựa vào đó, Khoa và Nhà trường tiến hành đánh giá và phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm một cách chính xác, công bằng [H6.06.07.13].

Bảng 6.7.1. Thống kê số giờ dạy, giờ nghiên cứu khoa học đã quy đổi của Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

Năm học 2015 -2016		Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018 - 2019		Năm học 2019- 2020	
Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH	Giờ dạy	Giờ NCKH
33722.1	5647	29085.1	3715	27936	4181.6	28550.9	5006	22953.7	3455

Nguồn: Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa học Khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐHQN, Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia [H6.06.07.14], [H6.06.07.15]. Các công trình nghiên cứu của các GV trong Khoa được đăng trên những tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước có hội đồng phản biện chặt chẽ đảm bảo về chất lượng [H6.06.07.09].

Khoa và Nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích cán bộ GV trong Khoa tăng cường trao đổi, hợp tác NCKH với các GV, chuyên gia từ các trường đại học, các

trung tâm nghiên cứu có uy tín để giúp nâng cao trình độ NCKH của GV cũng như nâng cao uy tín NCKH học của Khoa và Nhà trường.

Bảng 6.7.2. Số lượt người trao đổi, học tập, nghiên cứu, đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các nước trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của Trường Đại học Quy Nhơn (Từ năm 2015 - 2020)

STT	Tên Chương trình, Dự án	Số lượt người
1	Đi học và tham gia các hoạt động theo các thỏa thuận hợp tác với Đại học Prince of Songkla (PSU)	10
2	Tham gia các khóa học, các hoạt động với Đại học Silpakorn, Thái Lan	14
3	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (Dự án EMMAE14)	9
4	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (VILR- OUS- sáng kiến Miền Nam (SI))	8
5	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (VLIR- OUS (TEAM))	19
6	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (HR4Asia))	13
7	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (Erasmus + ICMKA17)	12
8	Trao đổi, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế (Dự án MOMA)	2
9	Đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại các nước trong khuôn khổ hợp tác quốc tế	111

Nguồn: Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

Ngoài ra, Nhà trường còn tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, nghiên cứu viên về các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV, nghiên cứu viên để nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển **[H6.06.07.16]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV Khoa LLCT - Luật & QLNN đã tham gia rất nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước; công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành; xuất bản nhiều sách chuyên khảo, tham khảo...

3. Điểm tồn tại

Phần lớn các bài báo khoa học của GV trong khoa được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, chưa có công trình được đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế có xếp hạng cao.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN khuyến khích, hỗ trợ cho công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tạo mọi điều kiện để đẩy mạnh nhiều loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước; công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành; xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo,...

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Cùng với Nhà trường, Khoa đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ GV và nghiên cứu viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, chuyên viên để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan.

Ngoài ra, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và chuyên viên đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn 6, ngành QLNN đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí, trong đó 5 tiêu chí đạt mức 5/7 và 2 tiêu chí đạt mức 4/7.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 6

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 6		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 6.1					x			4,71	7	100%
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Hiện nay, chất lượng đào tạo là vấn đề cốt lõi trong các cơ sở giáo dục đại học nói chung và Trường ĐHQN nói riêng. Vấn đề này phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, đội ngũ GV sẽ không thể thực hiện tốt

nhiệm vụ và người học sẽ khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác. Vì vậy, trong những năm qua, bên cạnh việc chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01]. Đội ngũ viên chức làm công tác hỗ trợ, phục vụ được quy hoạch theo vị trí việc làm, chiếm tỷ lệ không quá 25% trên tổng số công chức, viên chức toàn đơn vị [H7.07.01.02].

Thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN, Quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm Trường ĐHQN, Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, Nhà trường có các chế độ đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên như: Thu nhập tăng thêm; Tiền hỗ trợ phục vụ đào tạo; Chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;... được quy định chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN [H7.07.01.03] [H7.07.01.04], [H7.07.01.05].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa luôn dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động Thư viện theo hướng hiện đại đội ngũ nhân viên của Thư viện có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo

trình của cán bộ, GV và SV trong toàn trường nói chung và Khoa LLCT - Luật & QLNN nói riêng [H7.07.01.06], [H7.07.01.07], [H7.07.01.08]. Bên cạnh đó, hằng năm đội ngũ nhân viên Thư viện còn tổ chức các hoạt động phục vụ bạn đọc như: tổ chức triển lãm sách, hướng dẫn tra cứu cơ sở dữ liệu ProQuest,... [H7.07.01.09].

Về đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa, theo cơ cấu chung của Nhà trường, Khoa có 01 thư ký và 01 trợ lý giáo vụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa như: Quản lý điểm thi; Quản lý đăng ký học học kỳ phụ, xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; Quản lý công tác NCKH sinh viên; Đánh giá điểm rèn luyện, giải đáp thắc mắc của sinh viên,... Trong những năm qua, đội ngũ này thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu và triển khai ứng dụng của GV, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Khoa [H7.07.01.10].

Đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị như: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.01.11], [H7.07.01.12]. Kết quả khảo sát của Nhà trường cho thấy phần lớn SV hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa LLCT - Luật & QLNN có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến GV về hoạt động hỗ trợ

của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên; hoàn thiện đề án vị trí việc làm, trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý hơn.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN thực hiện các chính sách hỗ trợ hợp lý đối với các hoạt động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa LLCT - Luật & QLNN rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm về việc khảo sát phân tích nhu cầu nhân lực để có cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng nhân viên. Để việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên tuân thủ theo quy định của pháp luật và thuận lợi trong công việc, Nhà trường chủ động xây dựng các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,... Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác [H7.07.02.01], [H7.07.02.02].

Thực tế công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên trong một thời gian dài đã chỉ ra là cần phải hoàn thiện công tác này theo hướng cần phải phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến các bên liên quan; Từ 2015 đến nay, các văn bản quy

định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị, cá nhân trong Trường trước khi chính thức ban hành và phổ biến công khai [H7.07.02.03].

Hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, kết quả khảo sát phân tích nhu cầu tuyển dụng nhân sự của các đơn vị [H7.07.02.04]. Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng nhân viên với các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay bảng tin của Nhà trường, Khoa,... [H7.07.02.05]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số [H7.07.02.06]. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch [H7.07.02.07]. Tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.02.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

Chưa có chiến lược dài hạn và chưa có dự báo về sự biến đổi của cơ cấu việc làm trong thời đại 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

Nhà trường thực hiện việc phân tích vị trí việc làm theo yêu cầu đào tạo của nhà trường, trên cơ sở đó xây dựng các tiêu chí phù hợp với vị trí việc làm để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng người, đúng việc, đúng năng lực.

Nhà trường công khai minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuy

nhiên cần rà soát và đảm bảo tính liên kết thông tin kịp thời, thống nhất từ Nhà trường đến các đơn vị cũng như sự phản hồi, góp ý của người được tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm.

Nhà trường lấy ý kiến góp ý và phản hồi từ người được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động để có những hình thức mới, phương thức mới để công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động đạt hiệu quả hơn.

Nhà trường xây dựng kế hoạch cho sự biến đổi về vị trí việc làm trong thời gian tới nhằm tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự một cách khoa học, đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng.

Nhà trường mở rộng phạm vi và mức độ của việc khảo sát nhu cầu việc làm để giúp cho công tác xây dựng các tiêu chí tuyển dụng nhân sự khoa học và phù hợp với yêu cầu thực tế hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học trên cơ sở Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.03.01]. Trên cơ sở quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên đã được ban hành; Hằng năm, theo các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc phân loại đánh giá viên chức các đơn vị tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H7.07.03.02].

Việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến, thảo luận, phản biện. Trong cuộc họp đánh giá xếp loại viên chức cuối năm, ngoài những nội dung theo quy định, việc thông báo kết quả khảo sát ý sự hài lòng của

sinh viên về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng được đưa ra thảo luận, phân tích, đánh giá [H7.07.03.03]. Trên cơ sở tự đánh giá của cá nhân, góp ý của các thành viên trong cuộc họp, Trưởng đơn vị nhận xét, kết luận và quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H7.07.03.04].

Trong những năm gần đây, hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.03.05]. Một số nhân viên có các sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng hiệu quả trong công việc hoặc lập thành tích xuất sắc được Hiệu trưởng khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi đua [H7.07.03.06], [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của khoa LLCT- Luật & QLNN nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN thực hiện hằng năm việc khảo sát sự hài lòng của GV, SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường phân tích, đánh giá những ý kiến phản hồi của GV và học viên, SV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên và trên cơ sở đó xây dựng những tiêu chí mới, thang đánh giá mới nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ cho việc đào tạo đại học của Nhà trường và Khoa.

Nhà trường xây dựng kế hoạch, nội dung cụ thể về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tập huấn cho đội ngũ nhân viên một cách thường xuyên theo những yêu cầu, nhiệm vụ mới trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN, Khoa LLCT - Luật & QLNN thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa.

Nhà trường xây dựng và ban hành phương thức đánh giá chất lượng đội ngũ nhân viên gắn với ý kiến phản hồi của SV, học viên theo những mức độ khác nhau của từng vị trí việc làm.

Nhà trường cần ban hành những văn bản, quy định hướng dẫn tổ chức thực hiện đa dạng hình thức đánh giá theo sự phát triển của thời đại công nghệ 4.0 đảm bảo tính công khai, minh bạch trong đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trong những năm qua, Trường ĐHQN luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên đáp ứng mục tiêu chung của Nhà trường đã đề ra. Dựa trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc, hằng năm, Nhà trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên **[H7.07.04.01]**.

Kế hoạch thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, cụ thể. Trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN với các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan; Căn cứ báo cáo tổng kết hằng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà Trường đã xác định rõ nhu cầu cho năm tiếp theo, từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch, phân bổ kinh phí **[H7.07.04.02]**.

Hằng năm, Trường đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường **[H7.07.04.03]**. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa nói riêng được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại

Trường hoặc tại các tỉnh, thành trên cả nước [H7.07.04.04], [H7.07.04.05].

Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN. Qua đó, Trường hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được đi học nghiên cứu sinh, cao học, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham dự hội thảo, hội nghị khoa học,... Điều này góp phần tạo động lực cho nhân viên phấn đấu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.06], [H7.07.04.07].

Bảng 7.4.1. Tổng hợp kinh phí bồi dưỡng, nâng cao trình độ, hội thảo trong và ngoài nước của Trường Đại học Quy Nhơn (Từ năm 2015 - 2020)

ĐVT: đồng

Năm	Loại hình	
	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ	Hội thảo
2015	1.756.132.300	110.000.000
2016	2.404.169.400	42.240.000
2017	2.777.684.925	74.395.400
2018	2.891.264.000	8.000.000
2019	3.202.481.600	67.596.100
Tổng cộng	13.031.732.225	302.204.500

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường có những quy định cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên (trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận). Nhà trường đã ban hành các văn bản: Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho viên chức theo từng năm học. Quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Hằng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể [H7.07.05.01]. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.02].

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, được triển khai đúng quy định và nhận được sự ủng hộ của nhân viên. Hằng năm, trưởng đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên

dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác [H7.07.05.03].

Mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao. Kết thúc mỗi năm học, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với viên chức và thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân. Kết quả phân loại đánh giá viên chức được Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở cho việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng cá nhân được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua [H7.07.05.04], [H7.07.05.05], [H7.07.05.06].

Nhân viên luôn hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường, Khoa. Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức thực hiện lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị Viên chức và người lao động hằng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung [H7.07.05.07].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm, để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN thực hiện công khai, minh bạch công tác thi đua, khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa đảm bảo về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định của Nhà trường, được công bố công khai, minh bạch. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường nói chung và của Khoa LLCT – Luật & QLNN nói riêng hàng năm được đánh giá, khen thưởng và công nhận theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường và của Khoa. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá: đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 03 tiêu chí đạt mức 4/7, 02 tiêu chí đạt mức 5/7.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 7

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 7		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 7.1				x				4,40	5	100%
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4					x					
Tiêu chí 7.5				x						

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong những năm học qua, trường ĐHQN, Khoa LLCT - Luật & QLNN đã xây

dựng được chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương thức xét tuyển công khai, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan đẹp và tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Chính sách và quy định về tuyển sinh của trường ĐHQN rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hàng năm: Trong những năm gần đây, ngành QLNN được tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD & ĐT và thông báo tuyển sinh của trường [H8.08.01.01].

Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được công bố công khai trong các thông báo, Đề án tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]; công bố trên website, niêm yết tại bảng tin, giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT và tư vấn trực tuyến trên trang tuyensinh.qnu.edu.vn [H8.08.01.05]. Các thông tin tuyển sinh được cập nhật thường xuyên và công bố rộng rãi trên cổng thông tin tuyển sinh [H8.08.01.06], [H8.08.01.07]. Trường ĐHQN còn phối hợp với các đơn vị như Sở GD & ĐT tỉnh Bình Định, Báo Tuổi trẻ tổ chức Chương trình Ngày hội tuyển sinh ngay tại trường [H8.08.01.08], [H8.08.01.09]. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh còn được giới thiệu đến các thí sinh qua Sổ tay tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh của trường, của Khoa [H8.08.01.10].

Trường ĐHQN thực hiện tuyển sinh ngành QLNN theo 02 phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển học bạ THPT [H8.08.01.02]. Phương thức đầu tiên là xét tuyển căn cứ theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia của thí sinh theo tổ hợp môn xét tuyển và số lượng SV cho chương trình này sẽ được ban hành hàng năm. Tổ hợp môn xét tuyển vào ngành đã được xác định trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.02], bao gồm: A00, C00, C19, D01 và được mô tả trong bảng 8.1.1.

Bảng 8.1.1. Các tổ hợp môn xét tuyển vào ngành Quản lý nhà nước

STT	Tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Lý	Hóa
2	C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
3	C19	Ngữ văn	Lịch sử	Giáo dục công dân
4	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh

Nguồn: Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Quy Nhơn

Bên cạnh đó, học sinh đạt thành tích cao trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, kì thi học sinh giỏi Quốc gia đối với các môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào ngành sẽ được tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển [H8.08.01.11].

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và được cập nhật hàng năm để đảm bảo tính khoa học, khách quan, Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh hàng năm, có sự góp ý của tập thể GV tại cuộc họp cấp Khoa và của Hội đồng tuyển sinh của trường [H8.08.01.12], [H8.08.01.13]. Chính sách tuyển sinh hàng năm được cập nhật dựa trên yêu cầu tuyển dụng của các đơn vị trong và ngoài tỉnh có lĩnh vực hoạt động phù hợp với ngành đào tạo QLNN [H8.08.01.14].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, trường ĐHQN đã tuyển được số lượng không nhỏ SV ngành QLNN [H8.08.01.15].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành QLNN nói riêng mang tính lượng hóa rõ ràng (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Nhà trường có thể xét tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, kết quả học bạ THPT hoặc tuyển thẳng phù hợp với từng ngành.

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên, từ đó người học có thông tin về ngành học, CTĐT, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành QLNN nói riêng đảm bảo tính khoa học, khách quan, tin cậy vì được xây dựng và điều chỉnh dựa trên cơ sở góp ý của các bên liên quan và thực tiễn nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo trong những năm gần đây tuy phong phú hơn nhưng chưa thực sự hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá hiệu quả để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành QLNN.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa chủ động bổ sung các bài viết, hình ảnh hoạt động, các tổ chức đoàn thể, các CLB học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Khoa; đồng thời thực hiện thêm Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo hiện có, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của cử nhân sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thực hiện kết nối với Fanpage của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên để cung cấp các thông tin trực tiếp về các ngành đào tạo, CSVC, cơ hội việc làm,... và các thông tin tuyển sinh liên quan của Khoa và trường.

Phát huy điểm mạnh: Trung tâm Hỗ trợ SV & Quan hệ doanh nghiệp, Khoa liên hệ, lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động, cựu SV ngành QLNN để có căn cứ điều chỉnh chính sách tuyển sinh và cập nhật CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Trường ĐHQN luôn có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng. Việc tuyển chọn người học được quy định bằng những tiêu chí rõ ràng, cụ thể và với những phương pháp tuyển chọn hợp lý, khoa học; các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được cập nhật sửa đổi thường niên. Năm học 2015 - 2016 trở về trước, ngành QLNN tuyển thí sinh dự thi khối A (Toán - Lý - Hóa), khối D (Toán - Văn - Anh) và thí sinh được tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi chung do Bộ GD & ĐT tổ chức. Từ năm học 2016 - 2017, trên cơ sở yêu cầu của thị trường lao động, các tiêu chí tuyển sinh được cập nhật và sửa đổi theo đề xuất của Khoa LLCT - Luật & QLNN, thể hiện trong Đề án tuyển sinh [H8.08.02.01]. Ngoài ra, sau mỗi đợt tuyển sinh, Ban tuyển sinh của Trường tiến hành rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung

kip thời; Ban tư vấn tuyển sinh của Trường cũng tiến hành phân tích xu hướng người học và dự báo tình hình tuyển sinh để tư vấn cho các năm sau. Trường cũng ban hành cẩm nang tuyển sinh hay chương trình hướng nghiệp tư vấn tuyển sinh để hỗ trợ tốt nhất cho kế hoạch tuyển chọn người học **[H8.08.02.01]**. Trong Đề án tuyển sinh, Nhà trường bổ sung nhiều phương pháp xét tuyển người học như dựa trên kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, xét tuyển dựa vào học bạ THPT và hình thức xét tuyển thẳng **[H8.08.02.02]**. Ngành QLNN được xét tuyển dựa trên các tổ hợp: (Văn - Sử - Địa), (Toán - Văn - Anh), (Văn - Sử - Anh), (Toán - Lý - Hóa). Ngoài ra, Nhà trường cũng có thêm hình thức xét tuyển thẳng cho các ngành học của khoa đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các môn Văn, Sử, Địa cấp tỉnh và cấp quốc gia **[H8.08.02.03]**.

Với các tiêu chí và phương pháp để tuyển chọn người học theo cách mới như trên, Khoa LLCT - Luật & QLNN đã tuyển được thí sinh đạt các tiêu chí đặt ra và cơ bản đạt chuẩn chất lượng đầu vào. Hơn thế nữa, Khoa bước đầu cũng đã thu hút được một số thí sinh có năng lực Văn, Sử, Địa học rất tốt vào học ngành Luật và QLNN **[H8.08.02.03]**, **[H8.08.02.04]**.

Mặt khác, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/ tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá hàng năm. Hệ thống dữ liệu tuyển sinh mỗi năm của Khoa luôn được lưu trữ tại phòng Đào tạo ĐH của Nhà trường để dễ dàng phục vụ cho công tác rà soát, đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh hàng năm **[H8.08.02.05]**. Để công tác tuyển sinh hiệu quả hơn, Nhà trường nói chung và Khoa nói riêng đều có xây dựng trang tuyển sinh và các tờ rơi tuyển sinh để giới thiệu đến người học trên cả nước, quảng bá và củng cố hình ảnh, uy tín và chất lượng đào tạo của đơn vị **[H8.08.02.06]**, **[H8.08.02.07]**. Nhà trường cũng cho rà soát, thống kê, so sánh đối chiếu thời gian trung bình SV tốt nghiệp ra trường hàng năm để có hướng hỗ trợ cho hoạt động học tập hiệu quả hơn **[H8.08.02.08]**. Trên cơ sở đó, tiêu chí và phương pháp tuyển người học sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên **[H8.08.02.09]**.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có những ưu điểm nêu trên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, dựa vào học bạ, đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành QLNN yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số SV (đặc biệt là SV người đồng bào - chiếm tỷ lệ khá cao) không theo kịp CTĐT của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trước thời điểm tuyển sinh, Khoa chủ động phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đầu vào của SV và chú ý đào tạo SV tại trường để nâng cao chất lượng đầu ra.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển phù hợp; theo dõi tỷ lệ thí sinh nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp kịp thời; có các hình thức quảng bá phù hợp, nhằm thu hút nhiều thí sinh có năng lực tốt vào học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Trường ĐHQN có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của SV, có bộ phận chuyên trách là các phòng chức năng và giáo vụ thường xuyên giám sát trong học tập, rèn luyện, kết quả, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ dựa trên các quy chế đào tạo cụ thể. Kết quả học tập của SV được đánh giá dựa trên quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ và đề cương chi tiết của từng học phần do Nhà trường ban hành [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Hiện nay cách đánh giá đối với SV ngành QLNN khá linh hoạt để phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT ngành QLNN, hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, cụ thể, điểm đánh giá của mỗi học phần trong khối kiến thức chung là trung bình có trọng số của điểm chuyên cần (trọng số 0,1), điểm đánh giá quá trình (trọng số 0,2) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 0,7); đối với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành là trung bình có trọng số của điểm chuyên cần (trọng số 0,1), điểm đánh giá quá trình (trọng số 0,3) và điểm thi kết

thức học phần (trọng số 0,6); đối với khối kiến thức bổ trợ, kỹ năng nghề là trung bình có trọng số của điểm chuyên cần (trọng số 0,1), điểm đánh giá quá trình (trọng số 0,4) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 0,5). Hơn nữa, với việc tổ chức thi kết thúc học phần nghiêm túc và khoa học của trường ĐHQN, điểm thi của SV được đánh giá khách quan và chính; Hệ thống giám sát, đánh giá phù hợp như trên đã tạo được cho SV thói quen tốt là học tập chăm chỉ, trung thực và nghiêm túc xác **[H8.08.03.03]**.

Kết quả rèn luyện được đánh giá theo từng học kỳ và theo đúng quy định của Nhà trường **[H8.08.03.04]**. Hơn nữa, để khuyến khích SV tham gia NCKH, Nhà trường đã dành một phần kinh phí để hỗ trợ cho hoạt động này, điều này đã góp phần thúc đẩy SV có nhiều tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện **[H8.08.03.05]**.

Trường có quy trình về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV, Khoa và Nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý điểm của SV, đồng thời thành lập một đội ngũ cố vấn học tập làm công tác kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn SV trong các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện **[H8.08.03.06]**. Mỗi tháng, cố vấn học tập được quy định gặp lớp SV mình phụ trách một lần để thông báo các nội dung hoạt động hàng tháng của Khoa và Trường, đồng thời tiếp thu, tư vấn, hỗ trợ cho SV các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện **[H8.08.03.07]**. Do đó, cố vấn học tập luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của từng SV trong tháng; Từ đó, phối hợp với Khoa và Nhà trường đưa ra các biện pháp phù hợp để giúp đỡ SV tiến bộ hơn. Cố vấn học tập phối hợp với Trợ lý đào tạo cung cấp cho SV thông tin về CTĐT, khối lượng kiến thức theo học kỳ, khối kiến thức chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn, giúp SV lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định. Sự phân bổ các học phần theo học kỳ đảm bảo SV có học lực trung bình có thể hoàn thành CTĐT đúng hạn. Các SV khá, giỏi có thể đăng ký học vượt và có thể hoàn thành chương trình sớm hơn theo đúng quy định **[H8.08.03.08]**.

Trường luôn có cơ sở dữ liệu (công cụ) để theo dõi, kịp thời khích lệ hoặc cảnh báo người học hàng năm, cụ thể là kết thúc mỗi học kỳ, phòng Đào tạo Đại học và phòng Công tác SV cung cấp cho Khoa, cố vấn học tập, và SV bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần của mỗi SV, trong đó ghi rõ tổng số tín chỉ mà SV đã tích lũy, điểm trung bình chung các học phần. Kết quả học tập và rèn luyện của SV được Khoa, phòng Đào tạo Đại học, phòng Công tác SV và cố vấn học tập thông báo kịp thời cho SV và gia đình để theo dõi sự tiến bộ của SV qua mỗi học kỳ; Điều này sẽ

giúp SV nắm được đầy đủ thông tin liên quan, trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các cố vấn học tập, SV sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được kết quả học tập và rèn luyện tốt hơn [H8.08.03.09], [H8.08.03.10], [H8.08.03.11].

Trên cơ sở Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Quy định đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Trường ĐHQN, Khung CTĐT và kết quả học tập của SV ngành QLNN, Nhà trường cùng với Khoa và cố vấn học tập sẽ xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đối với SV có điểm học tập và rèn luyện dưới mức quy định [H8.08.03.12], [H8.08.03.13].

Bảng 8.3.1. Tỷ lệ sinh viên ngành Quản lý nhà nước tốt nghiệp đúng hạn

Khóa học	Tổng số SV tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp trễ hạn	Số SV tốt nghiệp đúng hạn	Tỷ lệ % tốt nghiệp đúng hạn
2011 – 2015	90	1	89	98,9%
2012 – 2016	117	5	112	95,7%
2013 – 2017	115	4	111	96,5%
2014 – 2018	115	4	111	96,5%
2015 – 2019	174	10	164	94,3%

Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học

Bảng số liệu trên cho thấy rằng tỷ lệ SV của ngành QLNN tốt nghiệp đúng hạn cao.

2. Điểm mạnh

Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các học phần phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất Nhà trường cải thiện

phần mềm kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN phát huy hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, giúp GV, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. *Mô tả*

Trường ĐHQN có các bộ phận tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Ngay từ khi bắt đầu nhập học, SV được nhà trường và khoa tổ chức đón tiếp và tư vấn rất chu đáo, tận tình về các thủ tục nhập học, thông tin tổng quan về trường, khoa, CTĐT, ngành học, phương pháp hòa nhập với môi trường mới thông qua phương hướng, nhiệm vụ năm học của nhà trường; Kế hoạch phân công tác cố vấn học tập; Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa của nhà trường [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Công tác cố vấn học tập được phân công và triển khai ngay từ đầu các năm học [H8.08.04.03]. Qua các cố vấn học tập tư vấn ban đầu cho SV về công tác học tập, tình hình việc làm nhằm củng cố niềm tin trong học tập cho SV. Cố vấn học tập là những GV có tâm huyết, kinh nghiệm, hỗ trợ và tư vấn cho SV các vấn đề liên quan đến học tập như: việc lựa chọn đăng kí học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập... Định kì 1 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp; phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi cho người học [H8.08.04.04]. Để khuyến khích SV tham gia NCKH, Nhà trường cũng giành một phần kinh phí nhất định để hỗ trợ SV [H8.08.04.05]. Hàng năm, nhà trường đều trích ngân sách để trao học bổng khuyến khích năm học cho các SV khá, giỏi theo quy định, đồng thời cũng thường xuyên tìm kiếm thêm các nguồn học bổng, hỗ trợ bên ngoài từ các doanh nghiệp [H8.08.04.06].

Trường ĐHQN có các hoạt động tư vấn việc làm cho người học. Hàng năm nhà

trường tổ chức lấy thông tin phản hồi của người học về tất cả các hệ thống quản lý của nhà trường nhằm phục vụ người học tốt hơn [H8.08.04.07]. Trường và khoa cũng luôn giữ mối liên hệ với các SV đã tốt nghiệp ra trường nhằm nắm bắt thông tin về tình hình việc làm của cựu SV, giúp cho quá trình đào tạo ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của thực tế [H8.08.04.08].

Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. SV năm cuối được khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp, thông tin về học bổng, du học và luôn được tư vấn và hỗ trợ trong việc lựa chọn các học phần tự học theo hướng chuyên ngành [H8.08.04.06], [H8.08.04.09].

Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học. SV được Nhà trường bố trí thực tập tại các cơ quan, sở, ban, ngành của tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận, thuận tiện nhất cho SV. Trong quá trình thực tập, khoa sẽ cử các GV có chuyên môn, kinh nghiệm để hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn và kiểm tra trong suốt quá trình SV đi thực tập [H8.08.04.10]. SV ngành QLNN năm thứ hai được Nhà trường và khoa tạo điều kiện đi thực tế chuyên môn nhằm giúp các em học hỏi, trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp [H8.08.04.11].

Để hỗ trợ SV trong công tác hướng nghiệp và tìm kiếm việc làm, Nhà trường đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp [H8.08.04.12]. Thông qua trung tâm này, Nhà trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm, mời các doanh nghiệp tham gia giới thiệu cho SV những vị trí và cơ hội việc làm; Thông qua kết nối với các doanh nghiệp để tìm kiếm thêm cơ hội học bổng cho SV [H8.08.04.13], [H8.08.04.14].

Ngoài ra, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức một số các hoạt động ngoại khóa theo các chủ đề nhằm tập hợp được đông đảo SV tham gia, tạo ra những sân chơi bổ ích cho SV trong quá trình học tập. Từ đó làm tăng cơ hội rèn luyện kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.15].

Giữa mỗi năm học, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả các hệ thống quản lý của Nhà trường để có thể phục vụ tốt nhất cho người học; đồng thời theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa cũng tổ chức các buổi gặp gỡ, đối thoại với SV trong khoa nhằm tư vấn, hỗ trợ và giải đáp các thắc mắc của người học một cách kịp thời [H8.08.04.16]. Nhà

trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để SV có thể bảo lưu kết quả học tập để thực hiện nghĩa vụ quân sự hay các công việc cá nhân khác theo nhu cầu và nguyện vọng của SV [H8.08.04.17] .

Bên cạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV học tập, NCKH, thực tập, thực tế, tìm kiếm việc làm, SV còn được tham gia các cuộc thi do Hội SV, Đoàn thanh niên, câu lạc bộ tổ chức nhằm rèn luyện, củng cố kỹ năng mềm cho SV, giúp SV vững vàng hơn trong quá trình xin việc sau này [H8.08.04.18].

Mặt khác, hàng năm Nhà trường đều tổ chức khảo sát cựu SV, người học về tình hình việc làm để kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội và đa số SV, người học hài lòng với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.19].

2. Điểm mạnh

Có đội ngũ cố vấn học tập nhiệt huyết, luôn quan tâm hỗ trợ tư vấn cho SV và hệ thống văn bản quy định cụ thể về công tác cố vấn học tập.

Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ kỹ năng mềm, nâng cao chất lượng học tập được tổ chức phong phú, đa dạng.

Có đơn vị chuyên trách hỗ trợ về tư vấn việc làm cho SV.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập chưa được thực hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa và Nhà trường khuyến khích, động viên SV NCKH thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài; tăng thêm các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm cho SV.

Phát huy điểm mạnh: Trung tâm hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp tăng cường liên kết với nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho SV ngành QLNN.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Trường ĐHQN xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, ban hành quy tắc ứng xử trong trường học, trong đó nhấn mạnh đến quan hệ ứng xử của viên chức, người lao động trong Nhà trường; quan hệ ứng xử của người học nhằm tạo môi trường làm việc và học tập thân thiện, cởi mở, hợp tác, trách nhiệm, trung thực, văn minh trong Nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học **[H8.08.05.01]**. Công tác bảo đảm an ninh trong trường và trong khu vực cũng được Nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh của khu vực thực hiện nghiêm túc trong việc quản lý SV nội trú và ngoại trú **[H8.08.05.02]**. Trường ĐHQN luôn chú trọng đến vấn đề chăm sóc sức khỏe cho SV thông qua các hoạt động khám sức khỏe cho SV đầu năm học. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các SV nữ **[H8.08.05.03]**.

Trường ĐHQN có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo thuận lợi cho tất cả đối tượng trong cơ sở giáo dục. Môi trường làm việc, học tập, sơ đồ hệ thống giảng đường, nhà làm việc, hội trường, thư viện, khu thực hành, ký túc xá, khuôn viên cây xanh... được bố trí hợp lý tạo nên không gian thân thiện, môi trường học tập, làm việc thoải mái. Hệ thống mạng của trường cũng thường xuyên cập nhật, nâng cấp để phục vụ người học tốt hơn. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá nhằm giúp SV thuận tiện hơn trong quá trình học tập và hoạt động tại trường **[H8.08.05.04]**, **[H8.08.05.05]**.

Công tác phòng cháy chữa cháy, phòng chống dịch bệnh, diệt khuẩn, cảnh báo lũ lụt, vệ sinh an toàn thực phẩm ở các nhà ăn trong trường cũng được Nhà trường quan tâm để tạo một môi trường học tập an toàn và lành mạnh cho SV. Các tổ chức Đoàn, Hội thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về tư vấn tâm lý, sức khỏe sinh sản cho nữ SV, hoạt động nghệ thuật nâng cao đời sống tinh thần, tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong tập thể SV **[H8.08.05.06]**, **[H8.08.05.07]**, **[H8.08.05.08]**, **[H8.08.05.09]**.

Nhà trường định kì tiến hành khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về CSVC và cảnh quan trong trường để làm cơ sở cải thiện hoạt động phục vụ đào tạo **[H8.08.05.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi, quy hoạch tổng thể phù hợp tạo nên không gian thoải mái, thân thiện cho người học, SV được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, phát huy tính chủ động, tích cực trong học tập và NCKH.

Môi trường sư phạm đảm bảo tốt về công tác an ninh trật tự, an toàn và chăm sóc, tư vấn tâm lý, sức khỏe cho người học.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động tư vấn tâm lý, sức khỏe cho người học còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN lập kế hoạch xây dựng và trang bị thêm phòng chuyên môn, tạo điều kiện tốt hơn cho công tác nghiên cứu và học tập của SV và GV các khoa.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường quan tâm đến CSVC, kịp thời thay thế những trang thiết bị đã hư hỏng để phục vụ tốt nhất cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được Khoa LLCT - Luật & QLNN xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được xác định rõ ràng, được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Trường ĐHQN và thường xuyên được đánh giá. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được Nhà trường phối hợp với Khoa xây dựng và công bố công khai. Khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở mỗi học kỳ. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức nhằm giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa và Trường xanh sạch đẹp đã góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho người học.

Tuy nhiên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của các ngành trong Khoa nói chung, ngành

QLNN nói riêng yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số SV (đặc biệt là SV người đồng bào - chiếm tỷ lệ khá cao) không theo kịp CTĐT của Khoa. Một số SV ngành QLNN còn thụ động trong học tập cũng như trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa. Khoa và Trường vẫn chưa có nhiều chiến lược hành động thu hút học sinh giỏi vào học tại Khoa. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập chưa được thực hiện thường xuyên,... Trong những năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được trong tiêu chuẩn 8, triển khai thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành QLNN đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 01 tiêu chí đạt mức 6/7; 03 tiêu chí đạt mức 5/7 và 01 tiêu chí đạt mức 4/7.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.1						x		5,00	5	100%
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3					x					
Tiêu chí 8.4					x					
Tiêu chí 8.5					x					

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHQN là một cơ sở GDĐH có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành QLNN nói riêng. Trong những năm gần đây, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã tập trung đầu tư cải tạo, sửa chữa các khu làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành với hệ thống công nghệ thông tin và các trang thiết bị phù hợp cho hoạt

động đào tạo và NCKH của ngành QLNN. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, các báo và tạp chí; cảnh quan môi trường được xây dựng xanh - sạch - đẹp, đảm bảo về sức khỏe và trật tự, an ninh, an toàn cho GV, SV, học viên. Nhà trường đã và đang triển khai công tác quy hoạch mặt bằng tổng thể và các khu chức năng, trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà luyện tập thể dục, thể thao,... với các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại; hoàn thiện các quy định về quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích phù hợp để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, bố trí 02 phòng lớn cho Ban lãnh đạo khoa và Văn phòng Khoa LLCT - Luật & QLNN tại nhà 15 tầng [H9.09.01.01]. Phòng làm việc của Ban lãnh đạo khoa có diện tích khoảng 30m², Văn phòng khoa có diện tích khoảng 100m² được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, có kết nối mạng Internet, mạng WiFi,... phù hợp với định mức của Nhà trường [H9.09.01.02].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị, bao gồm bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn... phù hợp để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Hệ thống máy tính tại văn phòng Khoa được cài đặt các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo như đăng ký tín chỉ, quản lý thi học phần,... [H9.09.01.03]. Nhà trường hiện có 144 phòng học từ 30 đến trên 200 chỗ ngồi, đủ để đáp ứng các hoạt động đào tạo. Ngoài việc sử dụng Văn phòng khoa, Khoa LLCT - Luật & QLNN còn được bố trí phòng thực hành ở nhà A8 - mô tả Phòng xử án giả định - phục vụ hoạt động rèn luyện nghiệp vụ của SV ngành Luật và QLNN, 02 phòng học thông minh để hỗ trợ tối đa hoạt động đào tạo [H9.09.01.04]. Phòng hội thảo khoa học bao gồm 03 phòng ở nhà 15 tầng, 01 phòng nhà 4 tầng, 03 hội trường lớn. Phòng đọc phục vụ NCKH tại thư viện có 700 chỗ ngồi, với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu [H9.09.01.05], [H9.09.01.06], [H9.09.01.07].

Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị; thông qua đó, Nhà trường, Khoa xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc. Nhìn chung, GV, SV của hài lòng với CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu [H9.09.01.08], [H9.09.01.09].

Thông tin về CSVC, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của trường ĐHQN được công bố cụ thể trong Đề án tuyển sinh hàng năm và kế hoạch đầu tư, đề án quy hoạch xây dựng trường giai đoạn 2016 - 2020; Điều này giúp cho các thí sinh thấy được sự thuận lợi để lựa chọn đăng ký thi tuyển, xét tuyển [H9.09.01.10].

2. Điểm mạnh

Các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo và NCKH của GV và SV Khoa LLCT - Luật & QLNN.

Nhà trường luôn có kế hoạch khảo sát, kiểm tra định kỳ CSVC, trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng để lên kế hoạch sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mua mới CSVC và các trang thiết bị theo đề nghị của Khoa LLCT - Luật & QLNN nhằm đảm bảo chất lượng phục vụ các hoạt động đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Một số ít phòng học ở giảng đường A2, A5 đã được cải tạo, sửa chữa nhưng vẫn chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Việc sửa chữa, thay mới trang thiết bị dạy học bị hỏng hóc - đặc biệt là máy chiếu - còn chưa kịp thời so với nhu cầu sử dụng của GV, SV và học viên.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất nhà trường bố trí các phòng tự học nhiều hơn để đáp ứng tốt nhu cầu học tập của SV. Nhà trường kịp thời nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn, bố trí các phòng tự học cho SV tại các giảng đường, tăng số phòng và CSCV trang bị cho Nghiên cứu viên tại nhà A6 tạo điều kiện thuận lợi cho SV, GV học tập, nghiên cứu.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN áp dụng biện pháp quản lý và khai thác hiệu quả các phòng làm việc, phòng chức năng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của GV và người học.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHQN có thư viện phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT, có tổng diện tích sàn xây dựng là 3.339 m², bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề; có 01 phòng giáo trình và 12 phòng đọc với 700 chỗ ngồi, trong đó bao gồm 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng đọc thân thiện, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học [H9.09.02.01]. Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, internet,... Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV, SV và học viên [H9.09.02.02]. Phòng seminar của Khoa LLCT - Luật & QLNN nằm ở tầng 9 của Nhà 15 tầng được coi là một thư viện thu nhỏ của Khoa, có nguồn học liệu phong phú bao gồm sách, giáo trình, đề tài luận án, luận văn,... của các chuyên ngành Luật, QLNN, Giáo dục chính trị và các tài liệu môn Lý luận chính trị chung,... [H9.09.02.02]. Đề cương chi tiết các môn học của ngành QLNN được cập nhật hàng năm, đảm bảo đúng quy định và theo hướng hiện đại, khai phóng [H9.09.02.03].

Vào đầu năm học, thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV cách sử dụng thư viện; có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng và được thông báo công khai trên website của thư viện, tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV và học viên khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu [H9.09.02.04].

Các nguồn học liệu luôn được bổ sung và đa dạng hóa, giáo trình và tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí, tài liệu) luôn được cập nhật theo các văn bản đề xuất từ các đơn vị [H9.09.02.05]. Hàng năm, thư viện đã tổng hợp các dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện và các nguồn học liệu thông qua khảo sát bạn đọc. [H9.09.02.05]. Theo ý kiến phản hồi của GV và người học về mức độ đáp ứng của các nguồn học liệu, đa số các ngành đào tạo của trường đều có đủ nguồn tài liệu để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.06]. Trên cơ sở các khảo sát hàng năm, thư viện đã kịp thời đề xuất các biện pháp nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu suất phục vụ của Trung tâm [H9.09.02.07]. Ngoài ra, để khuyến khích và phát triển văn hóa đọc trong SV, hàng năm,

thư viện đã phối hợp với Hội SV tổ chức *Ngày sách Việt Nam*. Năm 2017, thư viện đã tham mưu cho Nhà trường phối hợp với Thư viện Tỉnh Bình Định tổ chức *Ngày sách Việt Nam* tại tỉnh Bình Định [H9.09.02.08].

Từ năm 2016, thư viện đã hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 03 cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu) [H9.09.02.09]. Trường ĐHQN đã mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu Mathscinet (do American Mathematical Society phát hành). Đây là nguồn học liệu cần thiết cho GV và SV thực hiện NCKH.

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường ĐHQN có nguồn học liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật thường xuyên, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH trong trường.

GV Khoa LLCT - Luật & QLNN có ý thức trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nguồn học liệu của Khoa và của Trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động của Thư viện trường chưa thật sự đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Nguồn học liệu tiếng nước ngoài của Khoa LLCT - Luật & QLNN còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu quốc tế của GV, SV và học viên.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường triển khai thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số; đầu tư nâng cấp các cơ sở dữ liệu đã mua, bổ sung những đầu sách trong nước và nước ngoài mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật của các tri thức mới.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020-2021, Thư viện, GV Khoa LLCT - Luật & QLNN bổ sung, cập nhật thường xuyên các nguồn học liệu; tổ chức biên soạn Giáo trình phục vụ ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHQN đảm bảo có đủ hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu: SV ngành QLNN được sử dụng 03 phòng thực hành tin học ở Nhà 4 tầng; mỗi phòng thực hành tin học được trang bị 40 máy tính với các phần mềm tin học và các thiết bị cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của SV [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Các trang thiết bị trong phòng thực hành tin học thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung để phục vụ tốt cho người học [H9.09.03.03].

Nhà trường đã bố trí nhân viên phụ trách, ban hành quy định, hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành [H9.09.03.04]. Định kỳ, hàng năm Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của SV, GV về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học [H9.09.03.05], từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng [H9.09.03.06], [H9.09.03.07].

Năm 2018, Nhà trường đã đầu tư mua bổ sung trang thiết bị thuộc *Dự án quản trị nguồn nhân lực chiến lược cho các Trường Đại học Đông Nam Á (HR4ASIA)* nhằm nâng cao chất lượng trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu trong GV và SV [H9.09.03.08].

Tính đến tháng 11/2020, trường ĐHQN hiện có 144 phòng học từ 30 đến trên 200 chỗ ngồi, đủ để đáp ứng các hoạt động đào tạo; đặc biệt, có 02 phòng học thông minh để hỗ trợ tối đa hoạt động đào tạo. Công tác rèn luyện nghiệp vụ cho SV luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm, là hoạt động cơ bản có vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng nghề cho SV. Nhà trường đã xây dựng phòng nghiệp vụ (*mô phỏng tòa án*) cho SV ngành QLNN tại tầng 5 Nhà A8, với diện tích khoảng 200 m² được trang bị đầy đủ các thiết bị: âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, bảng, bàn, ghế,... phù hợp, đáp ứng việc rèn luyện kỹ năng nghề cho SV [H9.09.03.09].

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của SV.

Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học.

3. Điểm tồn tại

Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của SV, chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa LLCT - Luật & QLNN đề nghị Nhà trường đầu tư xây dựng phòng máy tính cho Khoa, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập của GV và SV ngành QLNN.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN đầu tư, nâng cấp các phòng thực hành, đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHQN có hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hiện có 14 phòng máy tính tại nhà A7 và nhà 4 tầng với 715 máy, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành; 02 phòng máy tính tại Trung tâm Thông tin tư liệu với 60 máy phục vụ nhu cầu khai thác tư liệu của SV, 308 máy tính tại các phòng làm việc của các khoa, phòng và các đơn vị trực thuộc [H9.09.04.01], [H9.09.04.02]. Các trang thiết bị trong phòng máy tính thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung để phục vụ tốt cho người học. Bên cạnh đó, định kỳ Nhà trường mua sắm, trang bị máy chiếu, micro, loa trong các phòng học để phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập [H9.09.04.03].

Hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Về hạ tầng mạng công nghệ thông tin, hiện nay trường đang sử dụng hai đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.04]. Nhà trường có đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, thư viện hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.05]. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH như phần mềm kế toán Misa, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo,...

[H9.09.04.06].

Hệ thống công nghệ thông tin được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật. Quá trình sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin đều được ghi chép trong các sổ theo dõi **[H9.09.04.07]**, **[H9.09.04.08]**, **[H9.09.04.09]**. Nhà trường đã cấp email công vụ với tên miền @qnu.edu.vn cho tất cả GV, nhân viên của trường **[H9.09.04.10]**. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông được thành lập có trách nhiệm duy trì hoạt động website của trường; tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính thông qua việc bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả **[H9.09.04.11]**. Bên cạnh trang thông tin điện tử của Trường **[H9.09.04.12]**. Khoa cũng xây dựng website của Khoa nhằm phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của GV và SV **[H9.09.04.13]**.

Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và xây dựng kế hoạch triển khai phần mềm quản trị đại học với các nội dung: thống kê giờ giảng và tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (eLearning), quản lý tài sản **[H9.09.04.14]**. Năm 2018, Nhà trường đã đầu tư mua bổ sung trang thiết bị thuộc *Dự án quản trị nguồn nhân lực chiến lược cho các Trường Đại học Đông Nam Á* (HR4ASIA) nhằm nâng cao chất lượng trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu trong GV và SV **[H9.09.04.15]**. Bên cạnh đó, trường đã ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2020 - 2025 **[H9.09.04.16]**. Nhà trường có kế hoạch triển khai phần mềm E-Office, cấp phát tài khoản Microsoft Office 365 để giúp các đơn vị và viên chức trong trường triển khai và xử lý công việc thông suốt, hiệu quả hơn và đúng tiến độ **[H9.09.04.17]**.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV và SV về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Kết quả khảo sát cho thấy GV và SV hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường **[H9.09.04.18]**, **[H9.09.04.19]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tăng cường đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của viên chức, GV và SV.

Nhân viên kỹ thuật luôn hỗ trợ kịp thời khi có sự cố về đường truyền internet

hay trang thiết bị, máy móc làm việc.

3. Điểm tồn tại

Đề án dạy học trực tuyến được triển khai nhưng chưa thực hiện rộng.

Hệ thống wifi chưa đồng bộ, chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường chưa được đảm bảo. Chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường triển khai đề án dạy học trực tuyến; nâng cấp chất lượng wifi. Đồng thời rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế một số máy tính cấu hình thấp; trang bị phòng máy tính cho các khoa để hỗ trợ cho hoạt động của GV và SV.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Để đảm bảo điều kiện làm việc và học tập, Trường ĐHQN đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm...[H9.09.05.01]. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều công khai các bảng nội quy, quy định [H9.09.05.02]. Những văn bản này hoàn toàn phù hợp với các quy định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan [H9.09.05.03].

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, phòng chống cháy nổ [H9.09.05.04].

Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường; hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn TM&MT Hậu Sanh trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; và hợp đồng

với Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa học kỹ thuật và môi trường Trung Việt trong việc tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại **[H9.09.05.05]**.

Hàng năm, Trạm Y tế phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ cho GV, viên chức và SV **[H9.09.05.06]**. Đặc biệt, những SV khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở ký túc xá tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu. Đầu năm 2020, khi dịch bệnh COVID-19 xuất hiện và bùng phát ở nhiều địa phương, theo hướng dẫn của Sở Y tế, trường ĐHQN cũng đã ban hành nhiều văn bản triển khai công tác phòng chống dịch bệnh nhằm đảm bảo sức khỏe cho GV và SV trong trường **[H9.09.05.07]**.

Trường cũng thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của căn tin, nhà ăn SV theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế **[H9.09.05.08]**. Nhà trường hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn phun thuốc diệt muỗi, phòng chống mối các khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá để phòng tránh các dịch bệnh **[H9.09.05.09]**.

Vấn đề an ninh trật tự cũng luôn được Nhà trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Nhà trường có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và GV. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường. Bên cạnh đó, để phát huy tinh thần tự quản của SV nội trú trong việc bảo vệ an ninh trật tự tại nơi ở, trường đã ra các quyết định thành lập Ban điều hành và đội tự phòng, tự bảo vệ về an ninh trật tự ký túc xá **[H9.09.05.10]**.

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các ý kiến phản hồi của GV và SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; trên cơ sở đó, Nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và thực hiện những biện pháp quản lý mới nhằm tạo môi trường an toàn, văn hóa, sạch đẹp cho việc học tập và làm việc của viên chức và SV trường ĐHQN. **[H9.09.05.11]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho GV, viên chức và SV.

Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của GV và SV; định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho GV và SV; phun thuốc diệt côn trùng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

Tình trạng vi phạm nội quy ký túc xá, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự vẫn còn xảy ra. Một số khu vực trong trường chưa đảm bảo sạch đẹp, vệ sinh môi trường.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đầu tư trồng thêm các loại cây xanh, cải tạo cảnh quan môi trường. Đổi mới công tác quản lý ký túc xá, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV, triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đẩy mạnh thực hiện công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho GV và SV.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Khoa LLCT - Luật & QLNN được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành QLNN. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH; Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ... với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác NCKH, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ của GV và SV; Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho GV và SV rèn luyện sức khỏe; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu...

Tuy nhiên, hoạt động của Thư viện chưa thật sự đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Hệ thống wifi chưa đồng bộ, chất lượng wifi ở một số khu vực

trong trường chưa được đảm bảo, chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV. Các chính sách quan tâm đến người khuyết tật còn hạn chế. Việc sửa chữa, thay mới trang thiết bị dạy học bị hỏng hóc - đặc biệt là máy chiếu - còn chưa kịp thời so với nhu cầu sử dụng của GV, SV và học viên...

Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN và Khoa LLCT - Luật & QLNN khắc phục triệt để những tồn tại, nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy thế mạnh của ngành QLNN.

Tự đánh giá: đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 03 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 6/7.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.1				x				4.60	5	100%
Tiêu chí 9.2				x						
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4						x				
Tiêu chí 9.5					x					

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố, mục tiêu quan trọng mà tất cả các ngành của Trường ĐHQN nói chung và ngành QLNN của Khoa LLCT - Luật & QLNN nói riêng đặc biệt quan tâm và hướng tới. Để nâng cao chất lượng đào tạo, trong thời gian qua Khoa và Trường đã thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, có hệ thống nhiều nội dung liên quan đến nâng cao chất lượng, như: sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH; việc thiết kế và

phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến; quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; các kết quả NCKH đã được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; chú trọng đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo

1. Mô tả

CTĐT ngành QLNN được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, CTĐT ngành QLNN được định kỳ điều chỉnh 2 năm/lần. Từ năm 2015 đến năm 2020 Nhà trường đã tiến hành 2 lần cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành QLNN [H10.10.01.01]. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều được thực hiện dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [H10.10.01.02].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường ĐH, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đang học tập tại trường, được Khoa sử dụng trong quá trình thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH ngành QLNN. Trên cơ sở Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, Nhà trường tiến hành các loại khảo sát, xác định đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.03]. Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm: nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường ĐH, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường, cụ thể: Đối với SV đang học, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của tất cả SV về hoạt động giảng dạy học phần của GV [H10.10.01.04]. Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CTĐT [H10.10.01.05]. Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV trên phần mềm khảo sát trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của SV [H10.10.01.06], [H10.10.01.07].

Đối với cựu SV, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV bằng cách liên hệ trực tiếp hoặc sử dụng các công cụ mạng xã hội, ý kiến phản hồi về CTĐT của cựu SV được Khoa thu thập thông qua đường bưu điện, fanpage và nhóm Facebook cựu SV của Khoa [H10.10.01.08].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, bên cạnh các ý kiến của các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý và GV trong các bộ môn [H10.10.01.09]. Khoa tiến hành thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV bằng nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, qua email hoặc phỏng vấn qua điện thoại [H10.10.01.10]. Khoa tổ chức các hội thảo về đào tạo gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong các hội thảo này, đại diện các cơ sở thực tập - đồng thời là người sử dụng lao động đã, đang sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa hoặc tiếp nhận SV đang học của Khoa đến thực tập - đã nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp với lãnh đạo, GV và SV của Khoa về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ (mức độ tự chủ và trách nhiệm) [H10.10.01.11]. Bên cạnh đó, hàng năm, theo quy định của Nhà trường khi kết thúc mỗi đợt thực tập, các cơ sở thực tập đều gửi nhận xét, đánh giá về CTĐT và năng lực SV để Khoa có cơ sở điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tiễn [H10.10.01.12].

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của SV được Nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, CB quản lý, GV, cựu SV và nhà tuyển dụng, đồng thời tham khảo các chương trình đào tạo ngành QLNN của các trường đại học tiên tiến trong nước, Khoa đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, đơn vị, cơ sở thực tập trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

CTĐT ngành QLNN được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cơ quan, đơn vị tham gia đánh giá CTĐT ngành QLNN chưa nhiều, chưa đa dạng, phong phú; phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các cơ quan, đơn vị trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Nhà trường chưa có nhiều văn bản ký kết hợp tác với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường thực hiện mở rộng phạm vi, tăng số lượng khảo sát các cơ quan, đơn vị có sử dụng nhân lực ngành QLNN. Trên cơ sở thông tin khảo sát, Nhà trường tiến hành ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác phù hợp. Khoa bổ sung, hoàn thiện các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua các công cụ trực tuyến như website, email và mạng xã hội.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa duy trì và phát triển các kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, đơn vị trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và mạng lưới cựu SV để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Căn cứ quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Đồng thời, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, CTĐT trình độ đại học ngành QLNN định kỳ 2 năm/lần được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội. Trong giai đoạn 6 năm gần đây, chương trình QLNN đã được Khoa điều chỉnh, cập nhật vào năm 2015, 2017 và 2020 [H10.10.02.03], [H10.10.02.04].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước như sau: Thứ nhất, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đối với CTĐT hiện hành. Bộ môn nghiên cứu đề xuất dự thảo CTĐT sửa đổi trên cơ sở tổng hợp các ý kiến phản hồi thu thập được và tham khảo CTĐT của

các trường đại học tiên tiến trong nước như: Học viện Báo chí tuyên truyền, Đại học Vinh, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng [H10.10.02.05]. Thứ hai, Hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất bản dự thảo sửa đổi CTĐT. Sau đó, Khoa tổ chức lấy ý kiến phản biện của nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành, cựu SV về các nội dung dự kiến chỉnh sửa trước khi thẩm định [H10.10.02.06]. Thứ ba, Nhà trường lập hội đồng thẩm định nghiệm thu CTĐT sửa đổi, bổ sung và đề cương chi tiết học phần. Hội đồng có nhiệm vụ nhận xét, góp ý và đánh giá CTĐT [H10.10.02.07]. Sau khi thẩm định, trên cơ sở góp ý của Hội đồng Khoa học – Đào tạo của Trường, Bộ môn tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau khi điều chỉnh [H10.10.02.08].

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT ngành QLNN được áp dụng từ năm 2015 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ cho các học phần chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình được áp dụng từ 2020 cũng có sự điều chỉnh phù hợp hơn với xu thế giảm khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành, bổ sung thêm học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ để trang bị và rèn luyện, phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng nghề cho SV, tích hợp các học phần thực tế chuyên môn, thực tập tốt nghiệp và cập nhật một số học phần mới theo xu hướng phát triển của công nghệ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam. Đặc biệt, chương trình 2020 đã được xây dựng, điều chỉnh theo phương pháp tiếp cận Conceive - Design - Implement – Operate (CDIO) (Bảng 10.2.1).

Bảng 10.2.1. Đối sánh chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước năm 2015 và 2020

Mục đối sánh	Năm 2015	Năm 2020
1. Tổng số tín chỉ	135 (không tính các học phần điều kiện GDTC, GDQP-AN)	135 (không tính các học phần điều kiện GDTC, GDQP-AN)
2. Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm
3. Khối kiến thức giáo dục đại cương	22 TC (không tính các học phần điều kiện GDTC, GDQP-AN)	24 (không tính các học phần điều kiện GDTC, GDQP-AN)

4. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	113 TC	111 TC
4.1. Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành	38 TC	33 TC
4.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành	68 TC	42 TC
4.3. Kiến thức bổ trợ	0 TC	30 TC
4.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	7 TC	6 TC
5. Các học phần thay đổi	<p>- Các học phần chỉnh sửa tên:</p> <p>1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời kỳ đổi mới</p> <p>- Các học phần không còn</p> <p>1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1</p> <p>2. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2</p> <p>3. Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>4. Quản trị học</p> <p>5. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng</p> <p>6. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>- Các học phần chỉnh sửa tên:</p> <p>1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>- Các học phần mới</p> <p>1. Triết học Mác-Lênin</p> <p>2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin</p> <p>3. Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>5. Khởi nghiệp</p> <p>6. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>7. Quản lý nhà nước của cơ quan quyền lực và cơ quan tư pháp</p> <p>8. Công vụ công chức</p> <p>9. Chính phủ điện tử</p> <p>10. Pháp luật trong hành</p>

	<p>7. Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</p> <p>8. Lịch sử tư tưởng chính trị thế giới</p> <p>9. Quan hệ quốc tế</p> <p>10. Thể chế chính trị thế giới đương đại</p> <p>11. Tâm lý học trong quản lý nhà nước</p> <p>12. Xây dựng và ban hành văn bản QLNN</p> <p>13. Nghiệp vụ văn phòng</p> <p>14. QLNN về tư pháp</p> <p>15. Hệ thống kỹ năng hành chính - công vụ</p>	<p>chính nhà nước</p> <p>11. Quản lý công</p> <p>12. Quản lý dự án</p> <p>13. Quản lý nhà nước về dân số và phát triển</p> <p>14. Quản lý thương mại</p> <p>15. Kỹ năng giao tiếp hành chính</p> <p>16. Kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>17. Nghiệp vụ công tác văn thư</p> <p>18. Kỹ năng quản trị công sở</p> <p>19. Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin</p> <p>20. Nghiệp vụ công tác lưu trữ</p> <p>21. Kỹ năng viết báo cáo</p> <p>22. Kỹ năng quản lý thời gian</p>
<p>- Các học phần thay đổi số tín chỉ:</p> <p>1. Lý luận hành chính nhà nước</p> <p>2. Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước</p> <p>3. Rèn luyện nghiệp vụ hành chính</p> <p>4. Khóa luận tốt nghiệp</p>	<p>- Các học phần thay đổi số tín chỉ:</p> <p>1. Lý luận hành chính nhà nước</p> <p>2. Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước</p> <p>3. Rèn luyện nghiệp vụ hành chính</p> <p>4. Khóa luận tốt nghiệp</p>	<p>- Các học phần thay đổi số tín chỉ:</p> <p>1. Lý luận hành chính nhà nước</p> <p>2. Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước</p> <p>3. Rèn luyện nghiệp vụ hành chính</p> <p>4. Khóa luận tốt nghiệp</p>

Nguồn: Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh và phát triển CTĐT theo mô hình CDIO [H10.10.02.09]. Khoa triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo CDR trình độ đại học theo CDIO ngành QLNN [H10.10.02.08], [H10.10.02.10]. Trên cơ sở CDR của CTĐT, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CDR trong việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần, giáo trình đáp ứng CDR mới. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính hiện đại, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến của GV và SV về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.11].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất trong toàn trường. Nhà trường đã áp dụng phương pháp tiếp cận CDIO trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa nhận được nhiều ý kiến đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực QLNN nói riêng và quản lý nói chung.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tổ chức nhiều buổi hội thảo khoa học, hội nghị,... để mời các chuyên gia, người sử dụng lao động, GV, cựu SV, SV đóng góp ý kiến phản biện để cải tiến CTDH phù hợp với nhu cầu xã hội.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng việc thiết kế và phát triển CTDH. Đồng thời, duy trì mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức trong việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về xây dựng và phát triển CTĐT ngành QLNN.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Nhằm giúp các khoa chủ động trong công tác giảng dạy và phục vụ đào tạo, đầu mỗi năm học Nhà trường đã có bảng Kế hoạch năm học chung cho toàn trường. Vào đầu mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành thông báo mở lớp học phần để SV đăng ký tín chỉ và các tổ chuyên môn của Khoa tiến hành đăng ký GV phụ trách các học phần. Trong quá trình dạy và học, để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, Nhà trường, Khoa đã ban hành các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập **[H10.10.03.01]**.

Đối với quá trình kiểm tra và đánh giá, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ĐHQN **[H10.10.03.02]**. Ngay trong đề cương chi tiết của các học phần đã thể hiện rõ hình thức, phương pháp, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá **[H10.10.03.03]**.

Việc ra đề, chấm thi được thực hiện theo đúng quy định với quy trình cụ thể như sau: đầu tiên, Phòng Khảo thí và BĐCL gửi Danh sách và Kế hoạch thi học phần (các môn tự luận) đến Khoa, trong vòng 01 tuần, các GV bộ môn gửi đề thi kèm đáp án có chữ ký của Trưởng bộ môn cho trợ lý Khoa. Sau đó, trợ lý Khoa gửi đề thi và đáp án cho Phòng Khảo thí và BĐCL để tổ chức thi cho SV. GV sẽ được thông báo lịch chấm thi ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu. Kết thúc kỳ thi, GV nhận bài, thực hiện chấm thi và bàn giao bài thi cho Khoa **[H10.10.03.04]**, **[H10.10.03.05]**. Đối với SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sẽ thực hiện theo quy định của Nhà trường và Khoa về quy định thực hiện, đánh giá khóa luận tốt nghiệp **[H10.10.03.06]**. Nhằm mục đích đảm bảo tổ chức kỳ thi học phần theo đúng quy chế, Nhà trường đã thành lập Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần theo từng học kỳ **[H10.10.03.07]**. Sau khi kết thúc kỳ thi, Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần báo cáo tình hình tổ chức kỳ thi với Hiệu trưởng. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng tổng kết, đánh giá công tác tổ chức kỳ thi và đề xuất, kiến nghị đối với các đơn vị liên quan nhằm rút kinh nghiệm, khắc phục tồn tại, đảm bảo kỳ thi tiếp theo diễn ra an toàn, đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo **[H10.10.03.08]**.

Việc quản lý dữ liệu kiểm tra, đánh giá được thực hiện trên phần mềm tín chỉ của trường. Qua đó, Nhà trường, Khoa, GV và SV đều có thể xem và theo dõi kế hoạch kiểm tra, đánh giá theo từng học kỳ, năm học **[H10.10.03.09]**.

Cùng với việc đánh giá kết quả học tập, kết thúc mỗi học kỳ, Khoa và Trường

tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV [H10.10.03.10]. Kết quả xếp loại rèn luyện và kết quả học tập của kỳ học và năm học là tiêu chuẩn bắt buộc để xét lên lớp, khen thưởng,... [H10.10.03.11].

Ngoài ra, Khoa và Tổ bộ môn cũng thường xuyên tổ chức các buổi dự giờ, đánh giá đối với những GV trẻ, GV lần đầu tiên giảng dạy học phần mới nhằm giúp các giảng viên thấy được những ưu điểm và hạn chế của bản thân, đồng thời trao đổi góp ý cho các GV về nội dung bài giảng, phương pháp và cách thức tổ chức dạy học,... [H10.10.03.12].

Trên cơ sở các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; đánh giá kết quả học tập của nhà trường, khoa và bộ môn đã triển khai thực hiện việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của SV ngành QLNN. Đồng thời, theo từng năm học khoa đã thực hiện phân tích kết quả học tập của người học và hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CDR [H10.10.03.13].

Cuối mỗi học kỳ, để làm căn cứ đánh giá cũng như nâng cao chất lượng quá trình dạy - học, Nhà trường phối hợp với Khoa tiến hành thực hiện các đợt khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành của GV [H10.10.03.14].

Bên cạnh đó, nhằm rà soát kiểm tra công tác quản lý chất lượng trong quá trình dạy - học, Phòng Thanh tra - Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra theo từng năm học [H10.10.03.15]. Cuối mỗi năm học, Phòng Thanh tra - Pháp chế báo cáo kết quả công tác thanh tra năm học để báo cáo thanh tra Bộ GD & ĐT, Hiệu trưởng và gửi về các đơn vị, phòng ban trong Trường [H10.10.03.16].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, chặt chẽ và nghiêm túc, đảm bảo tính tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá

kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, chủ yếu dựa vào ý kiến đánh giá của SV, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia và cán bộ quản lý còn ít. Các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường, Khoa còn chưa đồng bộ, thống nhất.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia và cán bộ quản lý về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với CDR của CTĐT.

Thực hiện rà soát và điều chỉnh các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa hoàn thiện việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

NCKH là nhiệm vụ quan trọng và bắt buộc đối với tất cả các viên chức giảng dạy theo quy định của Nhà trường [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Trong quá trình giảng dạy, các GV của Khoa đã thực hiện hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp; viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; viết bài và tham gia hội thảo khoa học; viết sách tham khảo; hướng dẫn SV NCKH;... [H10.10.04.03], [H10.10.04.04].

Trong các đề tài NCKH đã thực hiện, nhiều đề tài được ứng dụng vào hoạt động giảng dạy và học tập của ngành QLNN [H10.10.04.05].

Bên cạnh đó, Khoa cũng đã tổ chức các buổi seminar và áp dụng kết quả nghiên cứu để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành QLNN [H10.10.04.06].

2. Điểm mạnh

GV và SV của Khoa đã chú trọng thực hiện NCKH. Phần lớn các đề tài NCKH đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, kết quả nghiên

cứu của nhiều đề tài khoa học được ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế. Số lượng các đề tài NCKH của Khoa phục vụ cải tiến việc dạy và học còn ít. Chưa có nhiều hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm,... để phổ biến, áp dụng các kết quả NCKH vào quá trình dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa thực hiện kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng các đề tài NCKH; chú trọng thực hiện các đề tài NCKH lớn, đặc biệt là đề tài ứng dụng cho việc dạy và học.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa ưu tiên, khuyến khích và hỗ trợ thực hiện các đề tài NCKH của GV và SV nhằm áp dụng các kết quả nghiên cứu vào việc cải tiến việc dạy và học. Đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu và hỗ trợ nghiên cứu như: thành lập nhóm nghiên cứu, tìm nguồn tài trợ từ các quỹ và các doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ GV, Trường ĐHQN đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ GV và SV. Hằng năm Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại CSVC của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo [H10.10.05.01]. Một cách tổng quan, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng. Cơ sở vật chất của Khoa gắn liền với cơ sở vật chất của Nhà trường (bao gồm phòng học và các thiết bị đi kèm: loa, máy chiếu, đèn chiếu, thư viện, dữ liệu truy cập internet...). Từ năm 2015, Khoa LLCT - Luật & QLNN dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu đã thực hiện một số cải tiến cơ sở dữ liệu, tài liệu học tập cho cán bộ và SV [H10.10.05.02].

Hằng năm, Nhà trường định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng CSVC phục vụ cho việc học tập cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy SV có xu hướng đánh giá theo

hướng tích cực về điều kiện CSVN cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập **[H10.10.05.03]**.

Từ các kết quả này, Nhà trường, Khoa và các đơn vị có liên quan kịp thời có những giải pháp cải tiến phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu học tập của SV **[H10.10.05.04], [H10.10.05.05]**.

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa học cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của SV thông qua Cố vấn học tập, Hội SV và Đoàn thanh niên. Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở ký túc xá, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, công tác cố vấn học tập...) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV và cảm nhận hài lòng của SV về môi trường đại học nói chung, về Khoa nói riêng. Nhìn chung, SV của Khoa hài lòng với chất lượng của các hoạt động hỗ trợ này ở mức trung bình cao. **[H10.10.05.06]**. Để phát huy vai trò của cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở các cố vấn học tập ngoài việc duy trì lịch làm việc cố định với SV (một lần/tháng), cố vấn học tập nên thường xuyên tiếp xúc với SV trong các giờ giải lao giữa các tiết học để nắm bắt tình hình SV kỹ hơn. Phần lớn các viên chức trong khoa luôn sẵn sàng tư vấn cho SV mỗi khi các em có nhu cầu. Khoa và Nhà trường luôn tìm những nguồn học bổng trao cho các SV có thành tích nổi bật nhằm khuyến khích các em phấn đấu hơn nữa trong học tập và công tác khác **[H10.10.05.07], [H10.10.05.08]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin.

Hệ thống phòng thí nghiệm và hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Các dịch vụ và tiện ích của thư viện còn hạn chế, chưa hiện đại

Việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ của một số bộ phận chức năng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị

đã sử dụng lâu, chất lượng kém. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, các GV của Khoa tích cực học tập nghiên cứu, tham dự hội thảo qua đó tăng cường việc giới thiệu nguồn tài liệu mới để khoa cập nhật. Khoa cũng đề nghị nhà trường có cơ chế để tuyển chọn một số giáo trình mới để phục vụ cho đào tạo.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải thiện

1. Mô tả

Phòng Khảo thí và BĐCL của Trường được thành lập theo quyết định số 1301/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng Trường ĐHQN ngày 23/10/2009. Phòng Khảo thí và BĐCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, đảm bảo và kiểm định chất lượng đào tạo cho Nhà trường đồng thời là các đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề bảo đảm chất lượng đào tạo. Hiện nay, Phòng Khảo thí và BĐCL là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi các bên liên quan [H10.10.06.01].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Phòng Khảo thí và BĐCL là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục cấp CTĐT và cấp Trường theo định kỳ. Nhà trường thường xuyên thực hiện các hoạt động khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; Khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT; Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp (6-12 tháng) về tình hình việc làm và CTĐT; Khảo sát cựu SV, nhà trường sử dụng lao động về CDR và CTĐT; Khảo sát ý kiến người học về cơ sở vật chất và hoạt động hỗ trợ đào tạo... [H10.10.06.02], [H10.10.06.03].

Về việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức. Trước đây, việc khảo sát thông thường là phát phiếu hỏi. Tuy nhiên trong hai năm trở lại đây, Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống khảo sát

online qua phần mềm khảo sát E-Survey, ngoài ra còn có tiếp nhận thông tin phản hồi của nhiều kênh khác nhau như email, điện thoại, facebook,...[H10.10.06.03], [H10.10.06.04].

Để cải tiến chất lượng đào tạo, theo quy định của nhà trường sau khi tiếp nhận kết quả khảo sát, Khoa và các đơn vị có liên quan khác phải tổ chức họp thảo luận về các ý kiến phản hồi trong đơn vị nhằm đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học tiếp theo và báo cáo cho Nhà trường [H10.10.06.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, Nhà trường có cơ chế điều chỉnh lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống hơn, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm khảo sát online còn nhiều hạn chế, ý thức của SV trong tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV ở 100% học phần.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời cố vấn học tập các lớp tích cực nhắc nhở, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến đóng góp cho Nhà trường.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Khảo thí và BĐCL đa dạng hóa quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD & ĐT, của Trường ĐHQN; Công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kì thi/ kiểm tra tiếp tục được thực hiện nghiêm túc.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Khoa LLCT - Luật & QLNN đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể: (1) CTĐT được thiết kế, xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong nước; (2) CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình

chặt chẽ, thống nhất; (3) Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng năm học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT; (4) Hoạt động NCKH của GV, SV Khoa đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học; (5) Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá, cải tiến phục vụ cho các hoạt động chuyên ngành của GV và SV; (6) Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện có hệ thống, đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng của ngành, cần khắc phục một số tồn tại trong thời gian tới: (1) mở rộng phạm vi, tăng số lượng khảo sát các cơ quan, đơn vị có sử dụng nhân lực ngành QLNN; (2) Tổ chức nhiều buổi hội thảo khoa học, hội nghị,... để mời các chuyên gia, người sử dụng lao động, GV, cựu SV, SV đóng góp ý kiến phản biện để cải tiến CTDH phù hợp với nhu cầu xã hội; (3) Thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia và cán bộ quản lý về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT; (4) Thực hiện kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng các đề tài NCKH; chú trọng thực hiện các đề tài NCKH lớn, đặc biệt là đề tài ứng dụng cho việc dạy và học; (5) Đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, chất lượng kém. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập; (6) Hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời cố vấn học tập các lớp tích cực nhắc nhở, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến đóng góp cho Nhà trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 10

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 10		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 10.1					x			5,00	6	100%
Tiêu chí 10.2					x					

Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là tiêu chuẩn, thước đo phản ánh chất lượng đào tạo của Nhà trường và Khoa. Chính vì vậy, Trường ĐHQN và Khoa LLCT - Luật & QLNN luôn coi trọng công tác đánh giá chất lượng, giám sát kết quả đầu ra, như: Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp; Thời gian tốt nghiệp trung bình; Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp; thống kê, tổng kết hoạt động NCKH của SV; mức độ hài lòng của các bên: sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp, GV, nghiên cứu viên, nhà sử dụng lao động, nhân viên, cán bộ quản lý,...

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được quản lý bởi Phòng Đào tạo Đại học của Trường [H11.11.01.01]. Đơn vị này quản lý việc đào tạo nói chung và kết quả học tập của SV nói riêng bằng phần mềm quản lý, đào tạo, cho các số liệu chính xác và đầy đủ. Trên cơ sở đó, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và SV thôi học được xác lập hằng năm [H11.11.01.02].

Khi hoàn thành chương trình đào tạo, kết quả học tập của sinh viên được trích ra và được Trưởng Phòng Đào tạo Đại học đề nghị lên Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét để Nhà trường ra quyết định tốt nghiệp cho sinh viên [H11.11.01.03],[H11.11.01.04].

Việc cảnh báo kết quả học tập của SV cũng được Nhà trường tiến hành định kỳ, và quyết định cảnh báo kết quả học tập cũng như quyết định buộc thôi học đều được thông báo kịp thời cho SV [H11.11.01.04],[H11.11.01.05].

*Bảng 11.1.1. Bảng thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp, số lượng sinh viên
thôi học từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020*

Năm học	Số lượng nhập học khóa tương ứng (người)	Số lượng người học tốt nghiệp (người)	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	Số lượng sinh viên thôi học (người)	Tỷ lệ sinh viên thôi học (%)
2015-2016	98	90	91,8%	8	8,2%
2016-2017	128	117	91,4%	11	8,6%
2017-2018	126	115	91,3%	11	8,7%
2018-2019	133	115	86,5%	18	13,5%
2019-2020	224	174	77,7%	50	22,3%

Nguồn: Phòng đào tạo Đại học

*Bảng 11.1.2. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Quản lý Nhà nước –
ngành Lịch sử - ngành Văn học*

Năm học Ngành	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
QLNN	91,8%	91,4%	91,3%	86,5%	77,7%
Lịch sử	93,1%	80%	93%	95,3%	80,9%
Văn học	96,2%	96,7%	98,4%	87,9%	95,9%

Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học

*Bảng 11.1.3: Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Quản lý Nhà nước –
ngành Lịch sử - ngành Văn học*

Năm học Ngành	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
QLNN	8,2%	8,6%	8,7%	13,5%	22,3%
Lịch sử	6,9%	20%	7%	4,7%	19,1%
Văn học	3,8%	3,3%	1,6%	12,1%	4,1%

Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học

Từ đó, Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến chất lượng. Cụ thể là đội ngũ Cố vấn học tập luôn quan tâm, giám sát sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng [H11.11.01.06]. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT [H11.11.01.07], [H11.11.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập. [H11.11.01.09].

2. Điểm mạnh

Các cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Hội SV của Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác, và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những SV thôi học, cố vấn học tập có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho các em.

3. Điểm tồn tại

Với những SV tốt nghiệp trên 4 năm do chưa hoàn thành các điều kiện CĐR như ngoại ngữ, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, nguyên nhân là do tâm lý chủ quan từ phía SV, vì đào tạo theo tín chỉ nên đòi hỏi SV phải chủ động với kế hoạch học tập.

Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả: thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, ngành khác... trên cơ sở có những tiêu chí lựa chọn sinh viên phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Ban chủ nhiệm Khoa chỉ đạo các Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Các cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Hội SV của Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác và động viên khuyến khích SV trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa học đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Phòng Đào tạo Đại học là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.02.01]. Theo quy chế đào tạo tín chỉ ở Trường ĐHQN, SV các ngành cử nhân khoa học phải hoàn thành tối đa 140 tín chỉ trong thời gian khóa học quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm [H11.11.02.02].

Từ năm 2010, ngành QLNN Khoa Lý luận chính trị - Hành chính (nay là Khoa LLCT - Luật & QLNN) bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo phương thức đào tạo tín chỉ. Để tốt nghiệp SV phải hoàn thành 135 tín chỉ (chưa bao gồm 11 tín chỉ GDTC và GDQP-AN) trong thời gian khóa học quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm [H11.11.02.03].

Từ năm 2015 đến năm 2019, tỉ lệ tốt nghiệp trung bình của SV ngành QLNN là 87,74% và thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,04 năm [H11.11.02.04], cụ thể được thể hiện trong 02 bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 11.2.1. Tỉ lệ tốt nghiệp trung bình

Năm học	Tổng số SV cuối khóa	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp (%)
2015 - 2016	98	90	91,8
2016 - 2017	128	117	91,4
2017 - 2018	126	115	91,3
2018 - 2019	133	115	86,5
2019 - 2020	224	174	77,7

Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học

Bảng 11.1.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình

Khóa học	Tổng số SV cuối khóa	Số SV TN	Năm thứ 4		Năm thứ 5		Năm thứ 6		TB số năm TN
			Số SV	Tỉ lệ (%)	Số SV	Tỉ lệ (%)	Số SV	Tỉ lệ (%)	
2011-2015	98	90	89	98.9	1	1.1	0	0	4,01
2012-2016	128	117	112	95.7	5	4.3	0	0	4,04
2013-2017	126	115	111	96.5	3	2.6	1	0.9	4,04
2014-2018	133	115	111	96.5	2	1.75	2	1.75	4,05
2015-2019	224	174	164	94.3	7	4.0	3	1.7	4,07

Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học

Việc tốt nghiệp đúng tiến độ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như: thực hiện việc đăng ký môn học theo học chế tín chỉ; thực hiện đúng kế hoạch học tập của năm học do Phòng Đào tạo Đại học lên kế hoạch đầu mỗi năm học [H11.11.02.05]. Những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp đều được thông báo kịp thời để có kế hoạch chủ động hoàn thành chương trình học [H11.11.02.06].

Từ kết quả giám sát tỷ lệ tốt nghiệp trung bình, ban lãnh đạo Khoa, cố vấn học tập đã tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV, phối hợp cùng với Nhà trường đã đề ra một số giải pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn như: Ban hành quy định công tác cố vấn học tập, tổ chức các Hội nghị công tác cố vấn học tập để trao đổi, hướng dẫn, tăng cường sự giám sát, hỗ trợ của cố vấn học đối với sinh viên cảnh báo kết quả học tập học đối với những SV trong diện có khả năng bị buộc thôi học, tạo điều kiện

cho sinh viên đăng ký học phần trong học kỳ phụ để cải thiện điểm và mở các lớp ôn tập để SV các lớp có sĩ số ít có thể đăng ký [H11.11.02.07], [H11.11.02.08], [H11.11.02.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV. Cố vấn học tập phối hợp với Khoa, Phòng Đào tạo Đại học để thông báo, tư vấn, hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân nên phải kéo dài thời gian tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Cố vấn học tập đôn đốc SV theo dõi kế hoạch đăng ký tín chỉ của Nhà trường để đăng ký đúng hạn. Về phía SV, phải có kế hoạch học tập của cá nhân ngay từ khi bước vào năm học.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Đào tạo đại học thông báo kịp thời thời gian đăng ký tín chỉ; danh sách SV bị nợ môn, cảnh cáo, buộc thôi học...

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Khả năng làm việc của SV sau khi ra trường là một thước đo quan trọng để đánh giá chất lượng của CTĐT. Năm 2010, Trường ĐHQN thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp để thực hiện hoạt động hỗ trợ và tư vấn về việc làm cho SV và quản lý thông tin về việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

Nhà trường đã ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV theo quy định [H11.11.03.04]. Nhà trường đã phối hợp với Khoa và Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp để thu thập, thống kê dữ liệu về người học tốt nghiệp hằng năm và báo các tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp

[H11.11.03.05]. Qua khảo sát, tỉ lệ có việc làm trung bình của SV ngành QLNN qua các năm là 69,82% , cụ thể thông qua bảng sau đây:

Bảng 11.3.1: Tỉ lệ có việc làm trung bình của sinh viên

Năm tốt nghiệp	Tổng số SV tốt nghiệp	Tổng số SV phản hồi khảo sát	Tổng số SV phản hồi có việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng số SV phản hồi (%)
2015-2016	91	91	58	63,73
2016-2017	117	78	54	70,51
2017-2018	115	122	97	79,51
2018-2019	115	63	32	50,79
2019-2020	174	149	116	84,56

Nguồn: Trung tâm hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp

So sánh, đối chiếu với các cơ sở đào tạo trong nước cùng chuyên ngành QLNN cho thấy ngành QLNN Trường ĐHQN có tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với mặt bằng chung [H11.11.03.06]. Nguyên nhân dẫn đến việc còn hơn 20% SV chưa có việc làm là: số lượng việc làm đúng ngành nghề ít, không đáp ứng được nhu cầu của SV tốt nghiệp ra trường; một bộ phận SV tốt nghiệp ra trường kỹ năng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giao tiếp và các kỹ năng mềm khác chưa cao để có thể đáp ứng được yêu cầu làm việc của nhà sử dụng lao động; một số SV chưa tìm được đúng nghề phù hợp theo nguyện vọng và đang chờ các cơ hội việc làm tốt hơn.

Do đó, nhằm nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là của doanh nghiệp và nhà sử dụng lao động nhằm phục vụ cho công tác điều chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT để đảm bảo phù hợp với tiêu chí tuyển dụng [H11.11.03.07], [H11.11.03.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình nhằm kết nối giữa Nhà trường – Nhà sử dụng lao động – SV nhằm tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho SV như: ký kết các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, tổ chức “Ngày hội việc làm”, ban hành các chương trình nhằm hỗ trợ SV khởi nghiệp, rèn luyện kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng cho SV qua chương trình “Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng” [H11.11.03.09], [H11.11.03.10], [H11.11.03.11].

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành QLNN đều có việc làm phù hợp, đáp ứng được yêu cầu về nhân sự của các cơ quan nhà nước khu vực miền Trung, Tây nguyên. CTĐT của ngành QLNN đang được hoàn thiện dựa trên sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan, Ngoài ra, nhà trường tăng cường hợp tác, kết nối với nhiều cơ quan, doanh nghiệp để tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho SV.

3. Điểm tồn tại

CTĐT phân nào chưa bám sát vào nhu cầu của nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, một bộ phận SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, chưa định hướng được mục tiêu nghề nghiệp, kỹ năng yếu nên dẫn đến tình trạng không có việc làm sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với phòng Khảo thí và BDCL tăng cường khảo sát, lắng ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, CDR để bám sát với yêu cầu của nhà tuyển dụng; tăng cường các môn kỹ năng bổ trợ để rèn luyện kỹ năng cho SV.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ SV và quan hệ DN tiếp tục kết nối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để hợp tác trong hoạt động điều chỉnh CTĐT và kết nối cơ hội việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của các công ty, doanh nghiệp công nghiệp và thị trường lao động, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên theo xu hướng chuyển giao công nghệ [H11.11.04.01]. Căn cứ vào sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường và tình hình thực tế đào tạo của Khoa, Khoa LLCT - Luật & QLNN cũng đã công bố “Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi và Triết lý đào tạo” của Khoa [H11.11.04.02].

Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 36 người (nam: 14; nữ: 22) trong đó gồm 32 GV cơ hữu được chia làm 4 tổ bộ môn (Tổ Pháp Luật, Tổ Quản lý nhà nước, Tổ Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh; Triết học - Kinh tế Chính trị - Chủ nghĩa xã hội khoa học), 02 GV tập sự và 02 chuyên viên, không chỉ thực hiện nhiệm vụ đào

2019-2020	01	Phát triển đội ngũ công chức cấp xã ở huyện An Lão, tỉnh Bình Định	ThS. Đào Bích Hạnh	1. Nguyễn Thị Mỹ Linh 2. Nguyễn Thị Thông	Có	Không
-----------	----	--	--------------------	--	----	-------

Nguồn: Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng các SV đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH SV. Khi so sánh về số lượng và loại hình NCKH SV giữa Trường ĐHQN với các cơ sở giáo dục trong nước có CTĐT tương ứng, thì có thể thấy một số điểm tương đồng giữa các trường với nhau, tuy nhiên, số lượng SV tham gia NCKH của Trường ĐHQN hạn chế hơn và loại hình NCKH cũng ít đa dạng hơn so với các cơ sở giáo dục được so sánh [H11.11.04.08]. Từ kết quả đối sánh trên, các Cố vấn học tập của Khoa đã tìm hiểu nguyên nhân và Khoa đã đề xuất một số giải pháp giúp hoạt động NCKH SV được nâng cao, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và khả năng của người học, như hỗ trợ học bổng khuyến khích cho các SV đạt kết quả cao trong NCKH, phát triển hệ thống thư viện của Khoa [H11.11.04.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch phát triển NCKH SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu có tính thực tiễn cao.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV.

Đội ngũ GV của Khoa có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy với nhiều công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín. Do đó, đây là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV NCKH.

Khoa có những hỗ trợ về tài chính, tăng kinh phí hỗ trợ SV nghiên cứu, tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng,... nhằm động viên tinh thần SV.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH nên chưa hào hứng với hoạt động này.

Tỷ lệ SV tham gia từ khi đăng ký đề tài cho đến thời hạn báo cáo đề tài nghiên

cứu bị giảm, do một số yếu tố như SV bận kế hoạch cá nhân, SV chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, ...

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN, Khoa LLCT - Luật & QLNN thông qua Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. Khoa có kế hoạch tổ chức nhiều hơn nữa các bài giảng đại chúng và seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường, góp phần khơi dậy lòng say mê khoa học trong SV. Tổ chức định hướng nghiên cứu các đề tài triển khai để đạt hiệu quả cao qua sinh hoạt chuyên môn của câu lạc bộ, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của câu lạc bộ trong Khoa.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa thực hiện kế hoạch phát triển NCKH trong SV thông qua tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia, khuyến khích các thầy cô trong Khoa tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Chất lượng đào tạo và nỗ lực của các trường đại học trong việc nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng dịch vụ đào tạo là các nhân tố quan trọng quyết định sự tồn tại và thành công của Nhà trường. Trường ĐHQN nói chung và Khoa LLCT - Luật & QLNN nói riêng rất chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo, mà một căn cứ quan trọng là việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Phòng Khảo thí và BĐCL có chức năng khảo sát, đo lường và giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT [H11.11.05.01], [H11.11.05.02]. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quy định của Trường thông qua tài khoản cá nhân hoặc phiếu khảo sát trực tiếp [H11.11.05.03].

- *Đối với GV:* GV và chuyên viên của Khoa được mời dự các Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng

các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc. Nhà trường đã tiến hành thu thập mức độ hài lòng của GV về CSVC, từ đó có kế hoạch nâng cấp trang thiết bị dạy và học, tạo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho SV và GV [H11.11.05.04]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV về hoạt động hỗ trợ của viên chức các khoa, phòng, viện, trung tâm, từ đó giúp Nhà trường, Khoa và các đơn vị liên quan có sự đánh giá tổng thể và cần thiết về đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ thông qua sự hài lòng của GV; Thông qua việc khảo sát này, các đơn vị có liên quan sẽ xem xét các góp ý, đề xuất của đội ngũ GV về đội ngũ viên chức hằng năm để đối sánh và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng trong những năm tiếp theo [H11.11.05.05].

- *Đối với người học*: Việc khảo sát được thực hiện dựa trên quy định của Nhà trường về việc người học tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H11.11.05.06]. Hàng năm, Nhà trường cũng đề ra các kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy [H11.11.05.07]. SV năm cuối của ngành đào tạo cũng được khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, chất lượng ngành học [H11.11.05.08]. Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát ý kiến SV về hoạt động hỗ trợ đào tạo, về thư viện và các nguồn học liệu phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, khảo sát sự hài lòng của người học đối với dịch vụ giáo dục công [H11.11.05.09], [H11.11.05.10].

- *Đối với cựu SV*: Nhà trường và Khoa chủ động lập kế hoạch và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cựu SV ngành QLNN có sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ được đào tạo [H11.11.05.11].

- *Đối với thị trường lao động*: Khoa thu thập thông tin phản hồi từ thị trường lao động theo quy định của Nhà trường. Từ kết quả khảo sát việc làm của cựu SV, Khoa đã gửi bảng hỏi đến các đơn vị đã, đang và sẽ sử dụng sản phẩm đào tạo của Khoa để lấy ý kiến đóng góp xây dựng CDR chương trình giáo dục đại học ngành QLNN [H11.11.05.12]. Những thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp, cơ quan là cơ sở quan trọng để Nhà trường và Khoa cập nhật và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, là cơ sở quan trọng để đưa ra kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục [H11.11.05.13]. Nhìn chung, các kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của các nhà tuyển dụng là hài lòng về kiến thức chuyên môn mà SV tốt nghiệp ngành QLNN tại Trường ĐHQN, đa số đều đánh giá cao kiến thức của SV, SV có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần cầu thị,

ham học hỏi,... Tuy nhiên, điểm hạn chế của SV ngành QLNN khi tốt nghiệp là khả năng tiếng Anh còn hạn chế, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch còn chưa hiệu quả, số đông còn nhút nhát, thiếu tự tin mặc dù năng lực và nhiệt huyết có đủ. Từ đó, Nhà trường và Khoa sẽ có kế hoạch đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao khả năng ngoại ngữ của SV, và kỹ năng làm việc, chẳng hạn như tăng cường khuyến khích SV học tiếng Anh, tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua hoạt động ngoại khóa **[H11.11.05.14]**.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy và điều chỉnh trọng số điểm đánh giá học phần **[H11.11.05.15]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR và cử cán bộ GV tham gia khóa tập huấn **[H11.11.05.16]**. Đồng thời, Nhà trường đã thiết lập cải tiến phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập **[H11.11.05.17]**. Hơn nữa, các thiết bị tin học phục vụ giảng dạy và NCKH của GV được trường quan tâm cải tiến, đổi mới, các nguồn học liệu được hoàn thiện, bổ sung trong hệ thống thư viện của nhà trường, các sân bóng đá, bóng chuyền, các môn thể thao khác cũng được trường trang bị hiện đại, đầy đủ; Nhà trường cũng đã đưa vào hệ thống mạng internet wifi phủ khắp toàn trường, nhiều phần mềm công nghệ, tài khoản được cấp cho GV và SV để hỗ trợ cho việc giảng dạy và học tập như Microsoft Office 365, phần mềm quản trị đại học, phần mềm E-Office. **[H11.11.05.18]**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương pháp triển khai tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan qua khảo sát trực tiếp và online. Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành QLNN được Nhà trường, Khoa xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường, khoa, ngành chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa khuyến khích SV học tiếng Anh, tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua hoạt

động ngoại khóa.

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với phòng Khảo thí & BĐCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, và điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

SV ngành QLNN có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Phần lớn SV sau khi tốt nghiệp đều có việc làm phù hợp, đáp ứng được yêu cầu về nhân sự trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp. Thông qua kết quả khảo sát, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT, chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, để khắc phục một số hạn chế, Khoa cần thực hiện: (1) Giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV; (2) Đôn đốc, hỗ trợ SV theo dõi kế hoạch đăng ký tín chỉ của Nhà trường để đăng ký đúng hạn; (3) Phối hợp với phòng Khảo thí và BĐCL tăng cường khảo sát, lắng ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, CĐR để bám sát với yêu cầu của nhà tuyển dụng, tăng cường các môn kỹ năng bổ trợ để rèn luyện kỹ năng cho SV; (4) Triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH; tổ chức định hướng nghiên cứu các đề tài để đạt hiệu quả cao qua sinh hoạt chuyên môn của câu lạc bộ, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của câu lạc bộ trong Khoa; (5) Khuyến khích SV học tiếng Anh, tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua hoạt động ngoại khóa.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 11

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 11.1					x			5,00	5	100%
Tiêu chí 11.2					x					

Tiêu chí 11.3					x					
Tiêu chí 11.4					x					
Tiêu chí 11.5					x					

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo dục đại học của Luật Giáo dục đại học, tầm nhìn và sứ mệnh của Trường ĐHQN, tầm nhìn và sứ mệnh của Khoa LLCT - Luật & QLNN.

CTĐT đã làm rõ mục tiêu đào tạo, CĐR và CTĐT có cập nhật các quy định mới nhất của Chính phủ về năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để từ đó khoa xây dựng CTĐT.

CTĐT xây dựng dựa trên tham khảo các CTĐT khác ở trong nước, đặc biệt tham khảo ý kiến các nhà sử dụng lao động là các cơ quan nhà nước ở các cấp.

CĐR ngành QLNN được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành QLNN được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các CTĐT của các trường đại học, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành QLNN.

CĐR được công bố công khai cho người học và GV trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong từng năm học, trong từng môn học.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được điều chỉnh, cập nhật theo quy định, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường.

Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

Đề cương các học phần của ngành QLNN được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHQN theo hướng phù hợp yêu cầu của Nhà nước về năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức, phù hợp với CTĐT và CĐR. Đề cương chi tiết các học phần liên tục được cập nhật qua các năm 2015, 2017, 2020, đáp ứng đào tạo, kỹ

năng nghề nghiệp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay.

Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá,... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành QLNN được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành QLNN được thiết kế có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên CĐR. Mỗi quan hệ giữa CĐR của các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của CTDH. Tất cả các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT.

Với mong muốn đạt được CĐR tốt nhất, Nhà trường định kỳ có kế hoạch và tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của ngành thông qua SV năm cuối, cựu SV ngành QLNN. CTĐT và CĐR của CTĐT và mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát thông qua nhà sử dụng lao động và các GV tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành QLNN.

CTDH ngành QLNN được điều chỉnh, cập nhật, bổ sung theo định kỳ 02 năm một lần. Đề cương chi tiết của các học phần trong CTDH ngành QLNN được định kỳ rà soát, cập nhật về nội dung, xác định rõ tổ hợp các phương pháp đánh giá phù hợp với nội dung học phần nhằm tăng mức độ đạt được các CĐR của học phần.

Đề cương chi tiết của các học phần trong CTDH ngành QLNN được biên soạn bởi các GV chuyên ngành nhằm đảm bảo nội dung của học phần đáp ứng các CĐR tương ứng của CTĐT ngành QLNN.

CTDH ngành QLNN được cấu trúc thành một khối thống nhất, đảm bảo được sự gắn kết, liền mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần trong CTDH ngành QLNN được sắp xếp, bố trí hợp lý ở từng học kỳ.

CTDH ngành QLNN được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường. Quá trình điều chỉnh CTDH ngành QLNN

đã có sự tham khảo CTĐT ngành QLNN của các trường đại học có uy tín trong nước, đảm bảo được tính linh hoạt và tích hợp của CTDH.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường ĐHQN có văn bản tuyên bố chính thức về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục và giới thiệu, phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau.

Triết lý, mục tiêu giáo dục được tất cả GV, viên chức, người học của Trường hiểu rõ và thực hiện.

Khoa, Bộ môn, GV xây dựng hoạt động dạy học và phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CDR. Tích cực đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo chung của ngành.

Khoa, Bộ môn, GV chú ý đến việc đa dạng hóa các hình thức học tập, hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

Đa số người học hài lòng với CTĐT, các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

“Năng lực tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm” đã trở thành một chuẩn đầu ra của CTĐT.

Đề cương chi tiết các học phần đã thể hiện sự đa dạng trong phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đều đạt được mục tiêu rèn luyện kỹ năng tự học, bồi dưỡng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Sự phối hợp hành động từ nhiều bên: Nhà trường, Khoa đã tạo điều kiện cho SV tham gia các hoạt động chuyên môn; GV tích cực tham gia hướng dẫn, hỗ trợ Đoàn, Hội SV tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa; SV nỗ lực, tích cực tham gia hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp cũng như hoạt động ngoại khóa, góp phần rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; tạo điều kiện thuận lợi cho SV có khả năng học tập ngoài giờ lên lớp, bồi dưỡng, rèn luyện ý thức và kỹ năng học tập suốt đời.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường có các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Toàn thể SV được biết các quy định, hình thức đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học nhằm đáp ứng CDR .

Đánh giá kết quả học tập của người học ngành QLNN của Khoa luôn được thiết kế phù hợp với mức độ đạt CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm thông qua đánh giá quá trình, thi kiểm tra học phần, làm khóa luận tốt nghiệp.

Tất cả đề thi của các học phần đều được Trường Bộ môn xem xét, phê duyệt. Các câu hỏi đánh giá được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT theo các cấp độ miền nhận thức: Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo và đảm bảo nguyên tắc SMART.

Đối với học phần thực tập tốt nghiệp tại cơ sở, có thêm dự phối hợp đánh giá cán bộ, nhân viên, chuyên viên nơi thực tập về thái độ nghề nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, tuân thủ theo các quy định tại cơ sở thực tập,...

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) theo chương trình đào tạo ngành QLNN rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt CDR. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ trong các đề cương chi tiết học phần và bản Rubrics kiểm tra đánh giá học phần.

Kết quả học tập của người học được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng SV, giúp SV chủ động trong lập kế hoạch học tập.

Đánh giá kết quả học tập ngành QLNN được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, thuyết trình,... đề thi đảm bảo độ tin cậy được Trường Bộ môn duyệt và Phòng Khảo thí đảm và BDCL kiểm tra trước khi in sao đề thi. Phần lớn ý kiến của người học đều hài lòng về tính khách quan, chính xác, công bằng trong các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá GV có thể đo lường được CDR của CTĐT..

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét công nhận tốt nghiệp, xét tốt nghiệp hạn chế sai sót trong đánh giá kết quả người học.

Người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình. Trường, Khoa, Tổ Bộ môn, GV đảm nhận học phần luôn quan tâm và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người học khi có những thắc mắc về kết quả học tập.

1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã luôn quan tâm việc phát triển đội ngũ GV nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhờ có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định, Khoa đã xây dựng được một đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết, thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ người học/GV rất thấp so với quy định. Khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng, hợp lí và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Điều này đã góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn được đào tạo bài bản và giàu kinh nghiệm có phục vụ công tác đào tạo của đơn vị (cả trình độ Đại học và Cao học). Đội ngũ GV của Khoa còn đảm nhận việc giảng dạy cho SV thuộc nhiều ngành khác của Trường ĐHQN (Khoa Khoa học tự nhiên, Khoa khoa học xã hội, Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non, Khoa Ngoại ngữ...) và các lớp hệ vừa làm vừa học ở các Quảng Ngãi, KonTum, Phú Yên. Hằng năm các GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo đúng quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đã được Nhà trường ban hành. Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đội ngũ GV của Khoa rất nỗ lực trong công tác NCKH.

Trường có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở quy định các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ.

Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tuân thủ nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác.

Khoa LLCT - Luật & QLNN hiện nay có 3 Phó giáo sư, 9 tiến sĩ, 20 thạc sĩ, trong đó có 6 nghiên cứu sinh, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt, vì vậy có thể đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn trong việc thực hiện CTĐT

ngành QLNN. Đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trường ĐHQN đã triển khai thực hiện nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên.

Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV, chuyên viên tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng đã giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhiều GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen của Công đoàn ngành Giáo dục ...vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

Đội ngũ GV của Khoa đã tham gia rất nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước; công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành; xuất bản nhiều sách chuyên khảo, tham khảo...

1.7. Đội ngũ nhân viên

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa LLCT - Luật & QLNN có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có các văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của Khoa LLCT - Luật & QLNN nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành QLNN nói riêng mang tính lượng hóa rõ ràng (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Nhà trường có thể xét tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, kết quả học bạ THPT hoặc tuyển thẳng phù hợp với từng ngành; chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên, từ đó người học có thông tin về ngành học, CTĐT, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành QLNN nói riêng đảm bảo tính khoa học, khách quan, tin cậy vì được xây dựng và điều chỉnh dựa trên cơ sở thực tiễn nhu cầu xã hội.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác.

Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các học phần phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Có đội ngũ cố vấn học tập nhiệt huyết, luôn quan tâm hỗ trợ tư vấn cho SV và hệ thống văn bản quy định cụ thể về công tác cố vấn học tập.

Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ kỹ năng mềm, nâng cao chất lượng học tập được tổ chức phong phú, đa dạng.

Có đơn vị chuyên trách hỗ trợ về tư vấn việc làm cho SV

Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi, quy hoạch tổng thể phù hợp tạo nên không gian thoải mái, thân thiện cho người học, SV được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, phát huy tính chủ động, tích cực trong học tập và NCKH.

Môi trường sư phạm đảm bảo tốt về công tác an ninh trật tự, an toàn và chăm sóc, tư vấn tâm lý, sức khỏe cho người học.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo, NCKH của GV và SV Khoa.

Nhà trường luôn có kế hoạch khảo sát, kiểm tra định kỳ CSVC, trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng để lên kế hoạch sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mua mới CSVC và các trang thiết bị theo đề nghị của Khoa LLCT - Luật & QLNN nhằm đảm bảo chất lượng phục vụ các hoạt động đào tạo.

Trung tâm Thông tin tư liệu của Trường ĐHQN có nguồn học liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật thường xuyên, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH trong nhà trường.

GV Khoa LLCT - Luật & QLNN có ý thức trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nguồn học liệu của Khoa và của Nhà trường.

Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của SV.

Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học

Nhà trường đã tăng cường đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức, GV và SV.

Nhân viên kỹ thuật luôn hỗ trợ kịp thời khi có sự cố về đường truyền internet hay trang thiết bị, máy móc làm việc.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho cán bộ, GV, viên chức và SV.

Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của GV, viên chức và SV; định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; phun thuốc diệt côn trùng.

1.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, đơn vị, cơ sở thực tập trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản

hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

CTĐT ngành QLNN được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước.

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất trong toàn trường. Nhà trường đã áp dụng phương pháp tiếp cận CDIO trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, chặt chẽ và nghiêm túc, đảm bảo tính tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT.

Toàn thể GV và SV của Khoa đã chú trọng và quan tâm thực hiện NCKH.

Phần lớn các đề tài NCKH đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng. Kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học.

Nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin.

Hệ thống phòng thí nghiệm và hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, nhà trường có cơ chế điều chỉnh lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống hơn, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục.

1.11. Kết quả đầu ra

Các cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Hội SV của Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác, và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những SV thôi học, cố vấn học tập có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho SV.

Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV. Cố vấn học tập phối hợp với Khoa, Phòng Đào tạo đại học để thông

báo, tư vấn, hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Đa số SV tốt nghiệp ngành QLNN đều có việc làm phù hợp, đáp ứng được yêu cầu về nhân sự của các cơ quan nhà nước khu vực miền Trung, Tây nguyên. CTĐT của ngành QLNN đang được hoàn thiện dựa trên sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan, Ngoài ra, nhà trường tăng cường hợp tác, kết nối với nhiều cơ quan, doanh nghiệp để tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho SV.

Nhà trường có kế hoạch phát triển NCKH SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu có tính thực tiễn cao.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy với nhiều công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín. Do đó, đây là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH.

Khoa có những hỗ trợ về tài chính, tăng kinh phí hỗ trợ sinh viên nghiên cứu, tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng, ... nhằm động viên tinh thần SV.

Nhà trường có phương pháp triển khai tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan qua khảo sát trực tiếp và online.

Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành QLNN được Nhà trường, Khoa xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý về các nội dung cụ thể CĐR của CTĐT năm 2015 và 2017 chưa tốt.

CĐR của ngành chưa được khảo sát trên diện rộng với số lượng phiếu lớn ở những tỉnh mà Khoa đào tạo để đáp ứng được đầy đủ nhu cầu xã hội và nhà tuyển dụng trong từng giai đoạn.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt của người học. Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý Bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện định kỳ theo từng năm học.

Một số đề cương học phần còn ít giáo trình, tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng.

Các tài liệu tham khảo như giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành QLNN trên website của Trường, của Khoa còn chưa nhiều. Khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

Việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc lấy ý kiến đóng góp của cựu SV ngành QLNN và nhà sử dụng lao động khi xây dựng CTDH còn một số hạn chế: Số lượng cựu SV, các cơ quan, đơn vị tham gia khảo sát còn hạn chế, một số ý kiến phản hồi có chất lượng chưa cao.

Số lượng nhà sử dụng lao động tham gia khảo sát ý kiến về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT ngành QLNN còn hạn chế. Chất lượng ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động tham gia khảo sát chưa cao.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động về CTDH và CTĐT ngành QLNN còn hạn chế về quy mô và chất lượng của các ý kiến phản hồi, vì vậy, một số học phần trong CTDH có tính cập nhật chưa cao, chưa đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động QLNN trong thực tiễn.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người sử dụng lao động, cựu SV, SV,... đối với việc thực hiện các mục tiêu giáo dục có vai trò rất quan trọng, tuy nhiên, công tác này chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.

Hoạt động hướng dẫn sinh viên NCKH đã được chú ý thực hiện, nhưng mức độ thường xuyên và hiệu quả chưa cao.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào không đồng đều tạo nên những rào cản

nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

Tính chủ động, tích cực học tập mới chỉ được thể hiện ở một bộ phận SV, đa phần SV vẫn chưa hiểu hết ý nghĩa của việc tự học và việc học tập suốt đời nên vẫn còn thụ động trong học tập, chưa thể hiện được kỷ luật tự giác trong học tập.

SV trong một lớp học còn khá đông, nên chưa thuận lợi cho việc tổ chức thảo luận nhóm và gây khó khăn cho việc tương tác trực tiếp giữa GV với SV.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR chưa được cập nhật và rà soát thường xuyên.

Khoa chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác.

Trong đánh giá điểm quá trình, trong một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi lúc còn mang tính định tính.

Việc triển khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học chưa được thực hiện một cách đồng bộ trong GV toàn trường.

Việc rà soát và đổi mới đề thi chưa thực hiện thường xuyên. Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

Đề thi, kết quả thi chưa được Trường và Khoa thống kê, phân tích định lượng do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi với việc đạt CDR của CTĐT.

Chưa công khai đáp án thi cuối kỳ để SV đối chiếu với bài thi, giúp việc phản hồi chính xác, kịp thời và có kế hoạch điều chỉnh học tập.

Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị chức năng và Khoa trong việc tiếp nhận đơn và thông báo kết quả khiếu nại đến người học.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, cán bộ GV trẻ của Khoa chiếm 50%, kinh nghiệm giảng dạy còn có phần hạn chế. Nhiều GV còn đang thời gian tham gia CTĐT sau đại học nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong điều kiện đặc thù của khối ngành được phân công đào tạo và các môn đảm nhiệm, việc Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt dành cho đội ngũ GV của Khoa dẫn đến thực trạng chưa tuyển dụng được nhiều GV có năng lực, được đào tạo bài bản về công tác tại đơn vị. Bên cạnh đó, nhiều cán bộ GV trẻ chưa

được tạo điều kiện thuận lợi về nơi lưu trú, với mức thu nhập còn khá khiêm tốn, việc phải thuê phòng trọ và nhiều chi phí khác khiến cuộc sống còn nhiều chật vật.

Mặc dù tỷ lệ GV trên sinh viên thuộc chuyên ngành được đào tạo là đảm bảo, nhưng vì Khoa còn đảm trách một khối lượng giờ dạy khá lớn cho SV toàn trường, chưa kể số giảng viên nữ đang trong độ tuổi sinh đẻ và con nhỏ, số chưa hoàn thành CTĐT NCS còn đông, nhà trường lại có nhiều các hoạt động ngoài hoạt động giảng dạy nên áp lực công việc đối với đội ngũ GV trong Khoa là khá lớn.

GV thực hiện nhiều đề tài NCKH nhưng đa số các đề tài nghiên cứu nặng về lý thuyết nên tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao.

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm có yêu cầu cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được GV có trình độ cao. Trình độ tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa được đồng đều.

Do trình độ ngoại ngữ của một bộ phận GV còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa thuận lợi, phù hợp để GV tham gia

Việc khen thưởng chưa có sự khác biệt đối với GV là tác giả chính, tác giả cộng sự của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

Phần lớn các bài báo khoa học của GV trong khoa được đăng trên các tạp chí trong nước, chưa có nhiều công trình được đăng trên các tạp chí quốc tế.

2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

Nhà trường Chưa có chiến lược dài hạn và chưa có dự báo về sự biến đổi của cơ cấu việc làm trong thời đại 4.0.

Việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo trong những năm gần đây tuy phong phú hơn nhưng chưa thực sự hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá hiệu quả để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành QLNN.

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành QLNN yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số SV (đặc biệt là SV người đồng bào – chiếm tỷ lệ khá cao) không theo kịp CTĐT của Khoa.

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo hệ thống tín chỉ

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập chưa được thực hiện đầy đủ.

Hoạt động tư vấn tâm lý, sức khỏe cho người học còn ít.

Không gian làm việc của khoa còn tương đối chật hẹp dẫn đến khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ sinh viên, học viên cao học cũng như các hoạt động sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn cũng chưa được thoải mái.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số ít phòng học ở giảng đường A2, A5 đã được cải tạo, sửa chữa nhưng vẫn chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Việc sửa chữa, thay mới trang thiết bị dạy học bị hỏng hóc - đặc biệt là máy chiếu - còn chưa kịp thời so với nhu cầu sử dụng của CB, GV, SV và học viên.

Hoạt động của Thư viện chưa thật sự đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Nguồn học liệu tiếng nước ngoài của Khoa LLCT – Luật & QLNN còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu quốc tế của cán bộ, GV, GV và học viên.

Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của SV, chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV.

Đề án dạy học trực tuyến được triển khai nhưng chưa thực hiện rộng rãi.

Hệ thống wifi chưa đồng bộ, chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường chưa được đảm bảo. Chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV

Nhà trường đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

Tình trạng vi phạm nội quy ký túc xá, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự vẫn còn xảy ra. Một số khu vực trong trường chưa đảm bảo sạch đẹp, vệ sinh môi trường.

2.10. Nâng cao chất lượng

Số lượng cơ quan, đơn vị tham gia đánh giá CTĐT ngành QLNN chưa nhiều, chưa đa dạng, phong phú; phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các cơ quan, đơn vị trong khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Nhà trường chưa có nhiều văn bản kí kết hợp tác với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

CTDH chưa nhận được nhiều ý kiến đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực QLNN nói riêng và quản lý nói chung.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, chủ yếu dựa vào ý kiến đánh giá của SV, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia và cán bộ quản lý còn ít. Các văn bản quy định/hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường, Khoa còn chưa đồng bộ, thống nhất.

Chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế. Số lượng các đề tài NCKH của Khoa phục vụ cải tiến việc dạy và học còn ít. Chưa có nhiều hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm,... để phổ biến, áp dụng các kết quả NCKH vào quá trình dạy và học.

Các dịch vụ và tiện ích của thư viện còn hạn chế, chưa hiện đại

Việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ của một số bộ phận chức năng chưa được thường xuyên.

Phần mềm khảo sát online còn thể hiện nhiều hạn chế, ý thức của SV trong tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu nhập được đầy đủ các

ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV ở 100% học phần.

2.11. Kết quả đầu ra

Vẫn còn SV tốt nghiệp trên 4 năm do chưa hoàn thành các điều kiện CĐR như ngoại ngữ, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, nguyên nhân là do tâm lý chủ quan từ phía SV, vì đào tạo theo tín chỉ nên đòi hỏi SV phải chủ động với kế hoạch học tập.

Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả: thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, ngành khác... trên cơ sở có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân nên phải kéo dài thời gian tốt nghiệp.

Một số nội dung của CTĐT vẫn chưa bám sát vào nhu cầu của nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, một bộ phận SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, chưa định hướng được mục tiêu nghề nghiệp, kỹ năng yếu nên dẫn đến tình trạng không có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH nên chưa hào hứng với hoạt động này.

Tỷ lệ SV tham gia từ khi đăng ký đề tài cho đến thời hạn báo cáo đề tài nghiên cứu bị giảm, do một số yếu tố như SV bận kế hoạch cá nhân, SV chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, ...

Một số hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường, khoa, ngành chưa được thực hiện thường xuyên

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Để khắc phục những tồn tại trên, khoa LLCT - Luật & QLNN lên kế hoạch cải tiến chương trình bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 như sau:

3.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa tăng số lượng khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động để hoàn thiện mục tiêu của CTĐT

Khoa có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của cựu người học đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp về các nội dung cụ thể của CĐR bao gồm: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Khoa mở rộng đối tượng khảo sát lấy ý kiến về chuẩn đầu ra và công bố rộng rãi chuẩn đầu ra của CTĐT đến các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, khu vực tư nhân, các tổ chức.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa triển khai rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT theo định kỳ để đảm bảo đáp ứng nhu cầu học vượt của người học.

Khoa có kế hoạch định kỳ lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý Bản mô tả CTĐT chưa được thực hiện theo từng năm học.

Khoa triển khai xuất bản giáo trình và tài liệu tham khảo các học phần chuyên ngành, cơ sở ngành QLNN để SV có tài liệu học tập, tham khảo.

Khoa triển khai giáo trình điện tử, các đề tài khoa học, bài báo trên các tạp chí để GV, SV tiếp cận các tài liệu hiện đại, mới và thời sự.

Khoa đề nghị Nhà trường cập nhật bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trong quyển sổ tay đầu khóa cho các em SV để các em SV có thể theo dõi suốt quá trình 4 năm học.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khoa thực hiện mở rộng quy mô và định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của người học, cựu SV, nhà sử dụng lao động và GV tham gia giảng dạy các học phần ngành QLNN để điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành QLNN phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nâng cao chất lượng SV ngành QLNN.

Khoa mở rộng quy mô và định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT hiệu quả hơn.

Khoa có kế hoạch triển khai rà soát và điều chỉnh nội dung các học phần trong CTDH ngành QLNN đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với yêu cầu của xã hội, bám sát những ý kiến phản hồi, góp ý của các bên liên quan.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường, Khoa và Bộ môn QLNN tổ chức các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục.

Trường nâng cao chất lượng tuyển sinh, hiện đại hóa CSVC, trang thiết bị dạy học. Khoa, Bộ môn QLNN và các GV tăng cường hoạt động hướng dẫn SV NCKH.

Khoa kiến nghị với Nhà trường tổ chức những lớp học nhỏ, số lượng SV từ 40 - 60 SV để thuận lợi hơn trong việc tổ chức thảo luận và tương tác trực tiếp giữa GV và SV.

GV tích cực hỗ trợ SV về phương pháp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tự tìm kiếm tri thức và đánh giá cao những nỗ lực trong kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của SV.

SV tích cực, chủ động hơn trong việc rèn luyện ý thức và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường, Khoa định kỳ rà soát, cập nhật, ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá đề thi tự luận, trắc nghiệm, thảo luận,... nhằm đáp ứng CDR.

GV hoàn thiện lượng hóa các tiêu chí đánh giá điểm quá trình theo hướng đa dạng phù hợp với CDR. Nhà trường, Khoa và các GV tiếp tục triển khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học một cách đồng bộ.

Khoa tiến hành xây dựng và công bố công khai các tiêu chí đánh giá niên luận, khóa luận trên website của Khoa để người học tiếp cận dễ dàng.

Trường ĐHQN; Khoa LLCT - Luật & QLNN; Phòng Khảo thí và ĐBCL, thực hiện biên soạn và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi và đưa vào sử dụng chính thức.

Khoa và tổ Bộ môn thường xuyên rà soát, cập nhật, đổi mới câu hỏi đề thi định kỳ 1 năm/lần.

Trường, Khoa tiến hành thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ phù hợp của đề thi với mục tiêu học phần.

Khoa triển khai các hình thức bài tập lớn để đánh giá toàn diện năng lực người học hướng đến đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực người học theo vị trí việc làm trong tương lai của SV.

Khoa, Phòng Khảo thí và ĐBCL, đề xuất với Nhà trường công khai đáp án chấm thi để SV đối chiếu với bài thi, từ đó giúp cho việc phản hồi chính xác, kịp thời và có kế hoạch điều chỉnh học tập.

Nhà trường và Khoa xây dựng cơ chế phản hồi về cách đánh giá kết quả học tập của người học đồng bộ.

Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa LLCT - Luật & QLNN; GV,

phối hợp đồng bộ trong việc tiếp nhận đơn, giải quyết kết quả khiếu nại về kết quả học tập nên tập trung về một đầu mối và thông báo kết quả khiếu nại đến người học một cách nhanh nhất.

3.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Nhà trường thực hiện điều chỉnh và giải quyết tình trạng còn mất cân đối trong đội ngũ cán bộ hiện có (nội bộ các khoa, giữa các khoa, phòng ban với nhau, với nội dung công việc cần thực hiện).

Nhà trường quan tâm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho đội ngũ giảng viên, CNV trẻ, đặc biệt là vấn đề lưu trú để họ có sự an tâm công tác.

Khoa phân bổ hợp lý hơn số giờ giảng cho các giảng viên phụ trách từng chuyên ngành đào tạo Đại học chính quy, Cao học và hệ vừa học vừa làm.

Nhà trường quy hoạch đào tạo và sử dụng đội ngũ GV hiện có đồng thời với việc tuyển dụng mới gắn với yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

Khoa đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn GV có trình độ cao.

GV trong khoa tập trung nâng cao trình độ tiếng Anh.

Nhà trường tiến hành khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên.

Đề nghị Nhà trường cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

Khoa thực hiện khuyến khích, hỗ trợ cho công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI.

3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Nhà trường chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường hoàn thiện đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý hơn.

Nhà trường thực hiện việc phân tích vị trí việc làm theo yêu cầu đào tạo của Nhà trường, trên cơ sở đó xây dựng các tiêu chí phù hợp với vị trí việc làm để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng người, đúng việc, đúng năng lực.

Nhà trường thực hiện rà soát và đảm bảo tính liên kết thông tin kịp thời, thống

nhất từ Nhà trường đến các đơn vị cũng như sự phản hồi, góp ý của người được tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm.

Nhà trường triển khai thực hiện những hình thức mới, phương thức mới để công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động đạt hiệu quả hơn.

Nhà trường đưa ra dự báo và xây dựng kế hoạch cho sự biến đổi về vị trí việc làm trong thời gian tới nhằm tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự một cách khoa học, đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

Trường ĐHQN thực hiện hằng năm việc khảo sát sự hài lòng của GV, SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường chủ động phân tích, đánh giá những ý kiến phản hồi của GV và học viên, SV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên và trên cơ sở đó xây dựng những tiêu chí mới, thang đánh giá mới nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ cho việc đào tạo đại học của Nhà trường và Khoa.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch, nội dung cụ thể về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tập huấn cho đội ngũ nhân viên một cách thường xuyên theo những yêu cầu, nhiệm vụ mới trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học.

Nhà trường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm, để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khoa bổ sung thêm các bài viết, hình ảnh hoạt động của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các CLB học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của khoa;

Khoa thực hiện Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo hiện có, các kết quả NCKH của sinh viên, cơ hội việc làm của cử nhân sau khi tốt nghiệp;

Khoa kết nối với Fanpage của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây.

Khoa sẽ phối hợp với Ban tuyển sinh của Nhà trường để có những giải pháp nâng cao chất lượng đầu vào của SV.

Nhà trường cải thiện phần mềm kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Khoa, Nhà trường khuyến khích, tăng cường và động viên sinh viên nghiên cứu khoa học thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài; tăng thêm các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm cho SV.

Khoa đề xuất với Nhà trường trang bị thêm phòng chuyên môn tạo điều kiện tốt hơn cho công tác nghiên cứu và học tập của SV và GV trong khoa.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường bố trí các phòng tự học nhiều hơn. Kịp thời nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn. Tăng số phòng và cơ sở vật chất trang bị cho Nghiên cứu viên tại nhà A6.

Khoa đề nghị Nhà trường triển khai thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số; nâng cấp các cơ sở dữ liệu đã mua. Bổ sung những đầu sách trong nước và ngoài nước mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật của các tri thức mới.

Khoa đề nghị Nhà trường trang bị phòng máy tính cho Khoa, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV, SV ngành QLNN.

Nhà trường nâng cấp chất lượng wifi, trang bị phòng máy tính cho GV, tiếp tục triển khai đề án dạy học trực tuyến.

Nhà trường đầu tư trồng thêm các loại cây xanh, cải tạo cảnh quan môi trường. Đổi mới công tác quản lý ký túc xá, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV, triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường tiến hành mở rộng phạm vi, tăng số lượng khảo sát các cơ quan, đơn vị có sử dụng nhân lực ngành QLNN. Trên cơ sở thông tin khảo sát, Nhà trường tiến hành ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác phù hợp. Khoa tiếp tục hoàn thiện các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua các công cụ trực tuyến như website, email và mạng xã hội.

Khoa tổ chức các buổi hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề mời các chuyên gia, người sử dụng lao động, GV, cựu SV, SV đóng góp ý kiến phản biện để cải tiến CTDH phù hợp với nhu cầu xã hội.

Khoa thực hiện định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia và cán bộ quản lý về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT.

Khoa, Trường thực hiện rà soát và điều chỉnh các văn bản quy định/hướng dẫn

rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Khoa thực hiện cải thiện và nâng cao chất lượng các đề tài NCKH; chú trọng thực hiện các đề tài NCKH lớn, đặc biệt là đề tài ứng dụng cho việc dạy và học..

Khoa đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, chất lượng kém. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Nhà trường hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời cố vấn học tập các lớp tích cực nhắc nhở, đôn đốc SV tham gia phản hồi ý kiến đóng góp cho Nhà trường.

3.11. Kết quả đầu ra

Ban chủ nhiệm Khoa chỉ đạo các Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Cố vấn học tập đôn đốc SV theo dõi kế hoạch đăng ký tín chỉ của nhà trường để đăng ký đúng hạn. SV chủ động thực hiện kế hoạch học tập của cá nhân.

Khoa phối hợp với phòng Khảo thí và BĐCL tăng cường khảo sát, lắng ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, CDR để bám sát với yêu cầu của nhà tuyển dụng; tăng cường các môn kỹ năng bổ trợ để rèn luyện kỹ năng cho SV.

Thông qua Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho sinh viên về vai trò của NCKH trong SV.

Khoa tổ chức các bài giảng đại chúng và seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường, góp phần khơi dậy lòng say mê khoa học trong SV.

Khoa tổ chức định hướng nghiên cứu các đề tài triển khai để đạt hiệu quả cao qua sinh hoạt chuyên môn của câu lạc bộ, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của câu lạc bộ trong Khoa.

Khoa khuyến khích SV học tiếng Anh, tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua hoạt động ngoại khóa.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá, đánh giá 50 tiêu chí đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý nhà nước

Tên cơ sở giáo dục: Trường ĐHQN

Mã: DQN

Tên CTĐT: Quản lý nhà nước

Mã CTĐT: 7310205

Bảng 4.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3						6				
<i>Tiêu chuẩn 5</i>										
Tiêu chí 5.1					5					

Tiêu chí 5.2				5			5,00	5	100
Tiêu chí 5.3				5					
Tiêu chí 5.4				5					
Tiêu chí 5.5				5					
Tiêu chuẩn 6							4,71	7	100
Tiêu chí 6.1				5					
Tiêu chí 6.2				5					
Tiêu chí 6.3				5					
Tiêu chí 6.4			4						
Tiêu chí 6.5				5					
Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7			4						
Tiêu chuẩn 7							4,40	5	100
Tiêu chí 7.1			4						
Tiêu chí 7.2			4						
Tiêu chí 7.3				5					
Tiêu chí 7.4				5					
Tiêu chí 7.5			4						
Tiêu chuẩn 8							5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					6				
Tiêu chí 8.2			4						
Tiêu chí 8.3				5					
Tiêu chí 8.4				5					
Tiêu chí 8.5				5					
Tiêu chuẩn 9							4,60	5	100
Tiêu chí 9.1			4						
Tiêu chí 9.2			4						
Tiêu chí 9.3			4						
Tiêu chí 9.4					6				
Tiêu chí 9.5				5					
Tiêu chuẩn 10									
Tiêu chí 10.1				5					
Tiêu chí 10.2				5					

Tiêu chí 10.3				5			5,00	6	100
Tiêu chí 10.4				5					
Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5					
Tiêu chuẩn 11							5,00	5	100
Tiêu chí 11.1				5					
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3				5					
Tiêu chí 11.4				5					
Tiêu chí 11.5				5					
Đánh giá chung CTĐT							4,82	50	100

Bình Định, ngày 30 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/10/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
 - Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHQN
 - Tiếng Anh: QNU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ GD & ĐT
5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256.3846156 Số fax: 02563846089
7. E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
 - Tiếng Anh: DEPARTMENT OF POLITICAL – LAW AND STATE MANGEMENT
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: KHOA LLCT - LUẬT & QLNN
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Giáo dục Chính trị; Khoa Lý luận chính trị; Khoa Lý luận Chính trị - Hành chính; Khoa Giáo dục Chính trị và Quản lý Nhà nước
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Tiếng Anh: STATE ADMINISTRATION

16. Mã CTĐT: 7310205

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Hành chính học

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 9 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

19. Số điện thoại liên hệ: 02563846818 Số fax:

20. E-mail: Kllct@qnu.edu.vn Website: <http://www.kgdctqlnn.qnu.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1977 (theo Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục).

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2008

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2012

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Lý luận Chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước

24. Lịch sử phát triển

Khoa Lý luận Chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước là đơn vị đào tạo trực thuộc Trường ĐHQN với sự hình thành và phát triển:

- Tiền thân là Khoa Lịch sử - Chính trị, một trong năm khoa đầu tiên của Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn;

- Năm 1998, Khoa Giáo dục Chính trị được tách ra thành một đơn vị độc lập;

- Năm 2009, Khoa đổi tên thành khoa Lý luận Chính trị;

- Năm 2010 đổi thành khoa Lý luận Chính trị - Hành chính;

- Năm 2014 đổi thành tên Khoa Giáo dục Chính trị và Quản lý nhà nước;

- Năm 2019 khoa Giáo dục Chính trị và Quản lý nhà nước đã được đổi tên thành Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước theo Quyết định số 1274/QĐ-ĐHQN ngày 28/6/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN.

Cùng với sự phát triển của Trường ĐHQN, Khoa Lý luận Chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước đã có sự trưởng thành vượt bậc về mọi mặt. Lúc đầu mới thành lập Khoa có chức năng giảng dạy lý luận Mác – Lê nin cũng như giáo dục chính trị tư tưởng, pháp luật nói chung cho SV toàn trường và đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Giáo dục Chính trị. Để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho xã hội Khoa đã mở các ngành đào tạo:

- Cử nhân Hành chính học (năm 2008 và đổi thành ngành QLNN vào năm 2011);

- Cử nhân Luật (năm 2017).

- Thạc sĩ Quản lý kinh tế (2019)
- Thạc sĩ Chính trị học (2019)

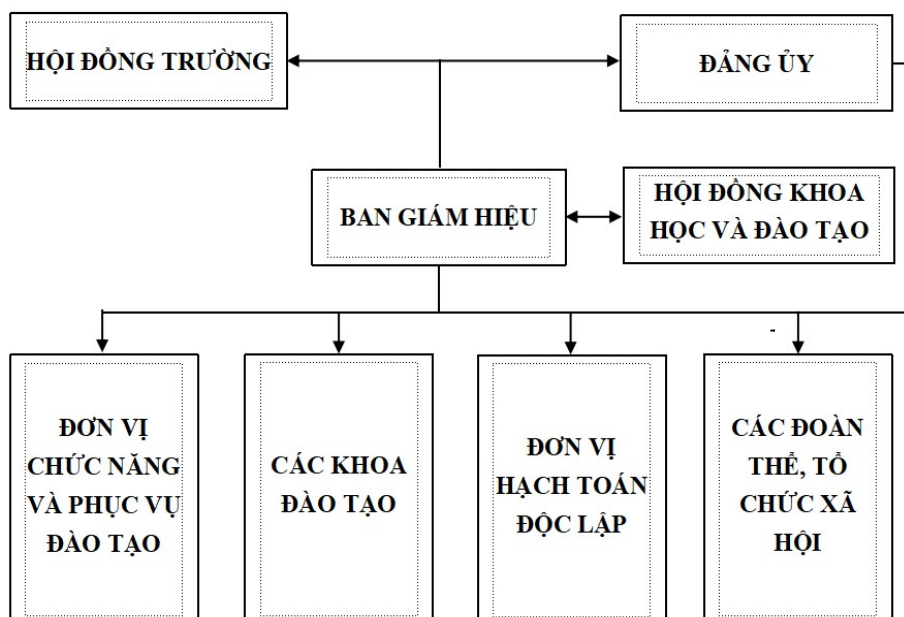
Với sự mở rộng về quy mô đào tạo, đội ngũ cán bộ GV của Khoa LLCT - Luật & QLNN cũng không ngừng tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Năm 1988, Khoa chỉ có 12 cán bộ GV, phần lớn là thạc sĩ chưa có tiến sĩ, đến nay Khoa có 33 người (31 GV, 2 chuyên viên), trong đó có: 1 PGS, 9 TS, 21 ThS, 2 cử nhân. Ngoài ra, Khoa còn 3 GV những người có học hàm, học vị cao đang công tác tại đảm nhiệm các vị trí quan trọng ở các phòng ban của Trường. Hơn 50% cán bộ GV có thâm niên công tác trên 15 năm và có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH.

Với sự lớn mạnh và đóng góp của khoa vào sự phát triển chung của nhà trường và xã hội, Khoa đã nhận được các danh hiệu thi đua và khen thưởng:

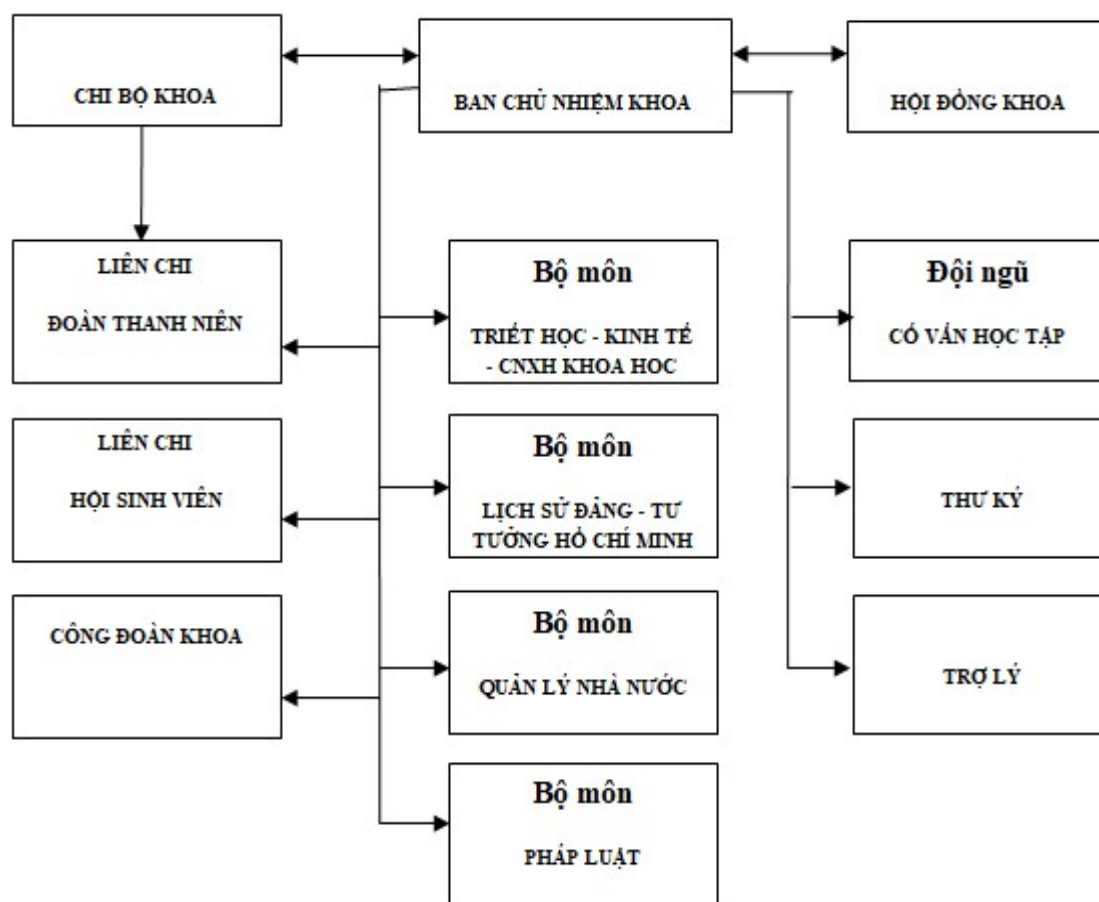
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1999 (cùng với khoa Lịch sử);
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT năm 2010;
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định năm 2014;
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên năm 2017;
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi năm 2017;
- Hàng năm Khoa đều đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng)

Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Quy Nhơn



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Lý luận Chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Ban giám hiệu	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS, Hiệu trưởng	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Ban giám hiệu	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0903599502	nguyendinhhienn@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						

I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Ban chủ nhiệm Khoa	Đoàn Thế Hùng	1973	PGS.TS, Trưởng Khoa	0839276969	doanthehung@qnu.edu.vn
2	Ban chủ nhiệm Khoa	Hồ Thị Minh Phương	1980	TS, Phó Trưởng Khoa	0914746090	hothiminhphuong@qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Chi Ủy	Đoàn Thế Hùng	1973	PGS.TS, Bí thư	0839276969	doanthehung@qnu.edu.vn
		Bùi Thị Long	1978	TS, Phó Bí thư	0965598468	buitihlong@qnu.edu.vn
		Đặng Thị An	1977	ThS, Chi Ủy viên	0842745666	dangthian@qnu.edu.vn
2	Công Đoàn	Nguyễn Trung Kiên	1977	ThS, Chủ tịch CĐ	0983428579	nguyentrungkien@qnu.edu.vn
		Hồ Thị Minh Phương	1980	TS, Phó Trưởng Khoa, Phó Chủ tịch CĐ	0914746090	hothiminhphuong@qnu.edu.vn
		Châu Thị Vân	1980	ThS, Ủy viên	0905246059	chauthivan@qnu.edu.vn
3	Liên chi đoàn thanh niên	Nguyễn Khánh Bình	1990	ThS, Bí thư Liên chi đoàn	0916546948	nguyenkhanhbinh@qnu.edu.vn
4	Liên chi Hội sinh viên	Trịnh Thị Thắng	1987	ThS, Liên chi hội trưởng	0985792069	trinhthithang@qnu.edu.vn

III	Các phòng, ban					
1	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, GVC, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiên	1962	ThS, GVC, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	PGS.TS, GVCC, Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị -sinh viên	Hồ Văn Phi	1967	TS, GVC, Trưởng phòng	0905021688	hovanphi@qnu.edu.vn
5	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1972	TS, Trưởng phòng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1972	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimanh@qnu.edu.vn
8	Phòng Tổ chức	Hà Thanh Hải	1969	TS, Trưởng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn

	- Nhân sự			phòng		
9	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TS, Trưởng phòng	0905291966	maixuanmien@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	PGS.TS, GVC, Trưởng phòng	0905110372	hoxuanquang@qnu.edu.vn
III Các bộ môn						
1	Bộ môn Triết học - Kinh tế - CNXH khoa học	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1980	TS, Trưởng Bộ môn	0914116479	nguyenthibichngoc@qnu.edu.vn
2	Bộ môn Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngô Thị Nghĩa Bình	1976	TS, Trưởng Bộ môn	0983244176	ngothinghiabinh@qnu.edu.vn
3	Bộ môn Quản lý nhà nước	Nguyễn Thị Ngân Loan	1974	TS, Trưởng Bộ môn	0915367515	nguyenthinganloan@qnu.edu.vn
4	Bộ môn Pháp luật	Bùi Thị Long	1978	TS, Trưởng Bộ môn	0965598468	buihilong@qnu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa LLCT - Luật & QLNN:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02

Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	12	20	32
I.1	Cán bộ trong biên chế	12	20	32
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)			
	Tổng số	12	20	32

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	

2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3	1	0	2	0	
3	Tiến sĩ	9	9	0	0	0	
4	Thạc sĩ	20	19	0	1	0	
5	Đại học	0	0	0	0	0	
	Tổng số	32	29	0	3	0	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) – cột (7) = 32 người

Tỷ lệ % giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3, Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
1	Phó giáo sư, tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0
2	Phó giáo sư, Tiến sĩ	3,0	3	1		2	0	4,8
3	Tiến sĩ	2,0	9	9	0	0	0	18,0

4	Thạc sĩ	1,0	20	19	0	1	0	19,3
5	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		32	29	0	3	0	42,1

Cách tính: cột 9 = cột 3 * (cột 5 + cột 6 + 0,3 *cột 7 + 0,2 * cột 8)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó giáo sư, Tiến sĩ	3	9,4	3	0	0	0	2	1	
3	Tiến sĩ	9	28,1	3	6	0	4	4	1	
4	Thạc sĩ	20	62,5	6	14	0	12	6	2	
5	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng số	32	100	12	20	0	16	10	3	

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40,28

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $12/32 = 37,5\%$

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $20/32\%$

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0%	81,3%
2	Thường sử dụng (trên 60% - 80% thời gian của công việc)	9,4%	12,5%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40% - 60% thời gian của công việc)	28,1%	3,1%
4	Ít khi sử dụng (trên 20% - 40% thời gian của công việc)	53,1%	3,1%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0% - 20% thời gian của công việc)	9,4%	0%
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015 -2016	356	224	1,59	224	18	19,96	1
2016 -2017	354	288	1,23	177	15	16,5	5
2017 - 2018	1227	769	1,60	363	15.5	19,8	3
2018 - 2019	950	491	1,93	153	14	17,8	2
2019 - 2020	594	345	1,72	93	14	18,2	2

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các

hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	601	633	872	871	732
Hệ không chính quy	1755	1910	1448	738	662

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
Số lượng (người)	4	7	8	8	8
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,66	1,11	0,92	0,92	1,09

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	559	589	807	817	634

3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	67	70	53	334	319
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	2,7m ² /ngườ i	4m ² /người	4m ² /người	4m ² /người	4m ² /người

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
Số lượng(người)	1				1
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,17				0,14

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	90	117	115	115	174
Hệ không chính quy	459	563	371	420	127

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người) so với số SV cuối khóa.	90/98	117/128	115/126	115/133	174/224
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	91,8%	91,4%	91,3%	86,5%	77,7%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					Chưa KS
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	80,2	73,3	57,5	52,1	Chưa KS

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	19,8	20,2	25,2	18,4	Chưa KS
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0,0	6,5	17,3	29,5	Chưa KS
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
<p>4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):</p> <p>- Sau 6 tháng tốt nghiệp.</p> <p>- Sau 12 tháng tốt nghiệp.</p>	49,23	41,80	25,40	7,19	Chưa KS
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	22	17	20	41,18	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4.000.000đ	4.600.000đ	5.100.000đ	6.100.000đ	Chưa KS
<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn</p>					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	81,25		77,14		77,97
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	18,75		22,86		22,03
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm được hiểu là là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	1	3	5	1	6,5
4	Tổng		3	1	3	5	1	13

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 11

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,344

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	15		0,47
2	2017	45		1,41
3	2018	0		0
4	2019	57,5		1,80
5	2020	23		0,72

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	13	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	13	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	2	0	0	2	1	8,0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	3	1	0	3	7,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		2	3	1	2	1	15

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 15,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,47

Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	5	0	7	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	0	7	0

46. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	0	0	0	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	12	8	10	18	15	63,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	2	1	0	0	1,5

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
	Tổng		12	11	11	18	15	66,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 66,0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,06

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	70	3
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	70	3

48. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	1	4	0	5,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	3	2	3	4,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		1	0	4	6	3	9,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 9,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,30

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	10	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	10	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

50. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015 - 2016	0
2016 - 2017	0
2017 - 2018	0
2018 - 2019	0
2019 - 2020	0

51. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	0	0	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 241298 m²
54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 338 m²
55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
- Nơi làm việc: 11018 m² Nơi học: 26076 m²
 - Nơi vui chơi giải trí: 12354 m²
56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
- Tổng diện tích phòng học: 15442 m²
 - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,34 m
57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 1462
- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 250
58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
- Dùng cho hệ thống văn phòng: 03
 - Dùng cho người học học tập: 580

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 32

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 37,5%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 62,5%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 732

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 17,4 SV/GV

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 77,7%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (80,2%):

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (19,8%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 41,8%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 18%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 6.100.000 đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:
- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):
81,25%
- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):
18,75%
6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:
- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,334
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,47
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,063
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,30
7. Cơ sở vật chất:
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m²/người học.

Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: *10274*/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày *28* tháng *6* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về cơ cấu tổ chức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định 02/HĐBT ngày 13 tháng 7 năm 1981 về thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Đại học được quy định tại Điều 11 “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 1937/QĐ-ĐHQN ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng trường về việc thông qua Đề án Đổi mới cơ cấu tổ chức Trường Đại học Quy Nhơn giai đoạn 2019-2022, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-ĐHQN ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng về việc triển khai thực hiện Đề án Đổi mới cơ cấu tổ chức Trường Đại học Quy Nhơn giai đoạn 2019-2022, tầm nhìn 2030;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên Khoa Giáo dục Chính trị và Quản lý nhà nước thành Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước.

Điều 2. Chức năng và nhiệm vụ của Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước được quy định tại Quy định chức năng và nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Quy Nhơn.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Như Điều 3;
- VP Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN, Hội CCB, Ban TTND;
- Lưu VT; TCCB.

W



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *946* /QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 11 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Trường khoa Lý luận Chính trị, Luật và Quản lý nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường khoa Lý luận Chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, các Trường đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *OK*

- Như Điều 3;
- Công bố website Trường;
- Lưu: VT, K.LLCT, Luật & QLNN, KTBĐCL.



HIỆU TRƯỞNG



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 946/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Đoàn Thế Hùng	PGS.TS, Trưởng khoa, Khoa LLCT, Luật và Quản lý NN	Phó Chủ tịch
4	Bà Hồ Thị Minh Phương	TS, Phó Trưởng khoa, Khoa LLCT, Luật và Quản lý nhà nước	Thư ký
5	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng P. KT&BDCL	Thành viên
6	Ông Trương Minh Tấn	TS, PTP. Phòng Đào tạo đại học	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Ngân Loan	TS, Trưởng Bộ môn QLNN	Thành viên
8	Bà Ngô Thị Nghĩa Bình	TS, Trưởng Bộ môn LSD-TTHCM	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	TS, Trưởng Bộ môn Triết-KTCT-CNXHKH	Thành viên
10	Bà Bùi Thị Long	TS, Trưởng Bộ môn Pháp luật	Thành viên
11	Ông Nguyễn Trung Kiên	ThS, Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
12	Ông Nguyễn Khánh Bình	ThS, Bí thư Liên chi đoàn	Thành viên
13	Ông Cao Kỳ Nam	ThS, PTP. Công tác CT&SV	Thành viên
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sinh viên & QHDN	Thành viên
15	Nguyễn Trung Luân	Sinh viên lớp QLNN K.40C	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người). *na*

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 1 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Hồ Thị Minh Phương	TS, Phó Trưởng khoa, Khoa LLCT, Luật và QLNN	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Nguyễn Thành Chiến	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCL	Thành viên hỗ trợ
3	Bà Đào Thị Bích Hạnh	ThS, Giảng viên Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
4	Ông Nguyễn Khánh Bình	ThS, Giảng viên Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
5	Bà Hoàng Vũ Quỳnh Hoa	ThS, Giảng viên Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
6	Bà Vương Thúy Trinh	Chuyên viên Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
7	Bà Tạ Thị Yến	Chuyên viên Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người). *vu*



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 946/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1			
1.	Bà Hồ Thị Minh Phương	TS, PTK, Khoa LLCT, Luật và QLNN	Trưởng nhóm
2.	Bà Vương Thúy Trinh	CV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thư ký
3.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
4.	Ông Nguyễn Trung Kiên	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
5.	Bà Châu Thị Vân	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
Nhóm 2			
1.	Bà Nguyễn Thị Ngân Loan	TS, TBM Khoa LLCT, Luật và QLNN	Trưởng nhóm
2.	Bà Hoàng Vũ Quỳnh Hoa	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thư ký
3.	Bà Nguyễn Thị Nhân	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
4.	Ông Hồ Xuân Quang	PGS.TS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
5.	Bà Trần Lệ Loan	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
Nhóm 3			
1.	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	TS, TBM Khoa LLCT, Luật và QLNN	Trưởng nhóm
2.	Bà Tạ Thị Yến	CV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thư ký
3.	Bà Đặng Thị An	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
4.	Ông Tăng Văn Thạnh	TS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
5.	Bà Vũ Thị Thúy Hằng	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
Nhóm 4			
1.	Bà Ngô Thị Nghĩa Bình	TS, TBM Khoa LLCT, Luật và QLNN	Trưởng nhóm
2.	Bà Đào Bích Hạnh	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thư ký
3.	Bà Trịnh Thị Thắng	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
4.	Ông Phạm Anh Tuấn	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
5.	Bà Ngô Thị Anh Thư	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
Nhóm 5			
1.	Bà Bùi Thị Long	TS, TBM Khoa LLCT, Luật và QLNN	Trưởng nhóm
2.	Ông Nguyễn Khánh Bình	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thư ký
3.	Ông Lê Đức Hiền	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
4.	Bà Trần Thị Hiền Lương	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên
5.	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	ThS, GV Khoa LLCT, Luật và QLNN	Thành viên

Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: ~~1111~~ /KH-DHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày ~~24~~ tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản lý nhà nước nhằm mục đích:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng CTĐT cử nhân Quản lý nhà nước với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân ngành Quản lý nhà nước.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT ngành Quản lý nhà nước trình độ đại học của Khoa Lý luận chính trị, Luật & Quản lý nhà nước theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, giai đoạn 2015-2020.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: các Văn bản số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (Cục Quản lý chất lượng), Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Cục Quản lý chất lượng và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý nhà nước được thành lập theo Quyết định số 946/QĐ-DHQN ngày 11 tháng 06 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 2	Tháng 7-9/2020	Bà Nguyễn Thị Ngân Loan Bà Hoàng Vũ Quỳnh Hoa Bà Nguyễn Thị Nhân Ông Hồ Xuân Quang Bà Trần Lệ Loan
2	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 1	Tháng 7-9/2020	Bà Hồ Thị Minh Phương Bà Vương Thúy Trinh Ông Nguyễn Tuấn Anh Ông Nguyễn Trung Kiên Bà Châu Thị Vân
3	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 3	Tháng 7-9/2020	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc Bà Tạ Thị Yến Bà Đặng Thị An Ông Tăng Văn Thạnh Bà Vũ Thị Thúy Hằng
4	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 4	Tháng 7-9/2020	Bà Ngô Thị Nghĩa Bình Bà Đào Bích Hạnh Bà Trịnh Thị Thắng Ông Phạm Anh Tuấn Bà Ngô Thị Anh Thư
5	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 5	Tháng 7-9/2020	Bà Bùi Thị Long Ông Nguyễn Khánh Bình Ông Lê Đức Hiền Bà Trần Thị Hiền Lương Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2, 3	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 1, 2 và 3. - Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 2) viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng nhóm công tác chuyên trách (nhóm 2) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 1, 2 và 3 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Phòng Công tác chính trị & Sinh viên, Phòng Hành chính tổng hợp, TT CNTT & Truyền thông, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên.... - Thành viên quản lý Website của Khoa, của Trường. 	Tháng 7-9/2020	
2	4, 5	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 4 và 5. - Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 1) viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Phòng Công tác chính trị & Sinh viên, TT. CNTT & Truyền thông, Ban tuyển sinh Trường, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên.... 	Tháng 7-9/2020	

		- Trưởng nhóm công tác chuyên trách (nhóm 1) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 4 và 5			
3	6, 7	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 6 và 7. - Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 3) viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng nhóm công tác chuyên trách (nhóm 3) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 6, 7 	- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng KHCN & HTQT, Giảng viên, ...	Tháng 7-9/2020	
4	8, 9	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 8 và 9 - Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 4) viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng nhóm công tác chuyên trách (nhóm 4) 	- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: TT HTSV&QHDN, Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Phòng Cơ sở vật chất, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên....	Tháng 7-9/2020	

		tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 8 và 9			
5	10, 11	<p>- Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 10 và 11</p> <p>- Nhóm công tác chuyên trách (nhóm 5) viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p> <p>- Trưởng nhóm công tác chuyên trách (nhóm 5) tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 10 và 11</p>	<p>- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí & BDCL, Phòng Công tác chính trị & Sinh viên, TT HTSV & QHDN, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên....</p>	Tháng 7-9/2020	

6. Thời gian biểu:

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (6 tháng) theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
10/6 - 20/6/2020	<ol style="list-style-type: none"> Đề xuất danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT
22/6 - 30/6/2020	<ol style="list-style-type: none"> Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh

	<p>giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</p> <p>3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
01/7 - 07/8/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT
10/8 - 30/9/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết)
01/10 - 16/10/2020	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT
01/10 - 15/10/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý

16/10 - 30/10/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban) trong nội bộ Trường và Khoa Kinh tế & Kế toán 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá
02/11 - 13/11/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét, phê duyệt.
16/11 - 26/11/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hoàn thành Báo cáo TĐG CTĐT ngành QLNN. 2. Trường, Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị cho việc thẩm định báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài. 3. Lập và triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục những điểm còn tồn tại đã được xác định trong Báo cáo tự đánh giá.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QLNN;
- Phòng Khảo thí & BDCL;
- Các đơn vị trong trường;
- Đăng website Trường, Khoa LLCT, Luật & QLNN;
- Lưu: VT, VP Khoa LLCT, Luật & QLNN.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền